

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

NHỮ PHƯƠNG ANH

**QUẢN LÝ NỢ XẤU TẠI NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG
VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP. HÀ NỘI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI, NĂM 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

NHỮ PHƯƠNG ANH

**QUẢN LÝ NỢ XẤU TẠI NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG
VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP. HÀ NỘI**

Chuyên ngành : Tài chính – ngân hàng

Mã số : 60 34 02 01

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIÊN**

HÀ NỘI, NĂM 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bản luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi.
Các số liệu kết quả nêu trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.

Tác giả luận văn

Nhữ Phương Anh

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Liên đã tận tâm hướng dẫn tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu hoàn thành Luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn các Thầy, Cô giáo trong Khoa sau đại học, thuộc Trường Đại học Thương Mại đã tận tình giảng dạy, hướng dẫn, truyền đạt kiến thức trong suốt quá trình học tập, thực hiện và hoàn thành Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn lãnh đạo Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hà Nội đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ trong suốt thời gian học cao học, thực hiện và hoàn thành Luận văn.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn bạn bè, đồng nghiệp thuộc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hà Nội và Lớp cao học 20B.TCNH đã giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện và hoàn thành Luận văn.

Mặc dù đã rất cố gắng hoàn thiện Luận văn bằng tất cả sự nhiệt tình và năng lực của mình, tuy nhiên không thể tránh khỏi những thiếu sót hoặc có những phần nghiên cứu chưa sâu. Rất mong nhận được sự chỉ bảo của các Thầy cô.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Hà nội, ngày tháng năm 2016

Học viên

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT	vi
DANH MỤC BẢNG, SƠ ĐỒ HÌNH VẼ	vii
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn	1
2. Tính cấp thiết của đề tài	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu	4
7. Kết cấu của luận văn.....	5
Chương I: TỔNG QUAN VỀ NỢ XẤU, QUẢN LÝ NỢ XẤU CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	6
1.1. Tổng quan về tín dụng và rủi ro tín dụng tại Ngân hàng thương mại.....	6
<i>1.1.1. Ngân hàng thương mại và hoạt động tín dụng của Ngân hàng thương mại.....</i>	<i>6</i>
<i>1.1.2. Rủi ro tín dụng trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thương mại</i>	<i>10</i>
1.2. Nợ xấu trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng thương mại	11
<i>1.2.1. Khái niệm và bản chất của nợ xấu</i>	<i>11</i>
<i>1.2.2. Phân loại nợ xấu</i>	<i>13</i>
<i>1.2.3. Những chỉ tiêu cơ bản phản ánh nợ xấu của Ngân hàng thương mại...19</i>	<i>19</i>
1.3. Quản lý nợ xấu của Ngân hàng thương mại.....	20
<i>1.3.1. Khái niệm và vai trò của quản lý nợ xấu</i>	<i>20</i>
<i>1.3.2. Nội dung quản lý nợ xấu</i>	<i>21</i>
<i>1.3.3. Nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý nợ xấu của NHTM</i>	<i>30</i>

1.4. Kinh nghiệm trong quản lý nợ xấu của một số nước và bài học rút ra cho Việt Nam.....	35
<i>1.4.1. Kinh nghiệm về quản lý nợ xấu của một số nước</i>	<i>35</i>
<i>1.4.2. Bài học kinh nghiệm cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội</i>	<i>39</i>
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NỢ XẤU CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TP. HÀ NỘI.....	42
2.1. Tổng quan về Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam– Chi nhánh TP. Hà Nội.....	42
<i>2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển</i>	<i>42</i>
<i>2.1.2. Chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức</i>	<i>43</i>
<i>2.1.3. Tình hình hoạt động kinh doanh</i>	<i>46</i>
2.2. Thực trạng tín dụng và nợ xấu tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội	50
<i>2.2.1. Thực trạng tín dụng:</i>	<i>50</i>
<i>2.2.2. Thực trạng nợ xấu tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội</i>	<i>54</i>
2.3. Thực trạng quản lý nợ xấu tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội	55
<i>2.3.1. Thực trạng chính sách quản lý nợ xấu tại Vietinbank - Chi nhánh TP Hà Nội</i>	<i>55</i>
<i>2.3.2. Thực trạng tổ chức bộ máy quản lý nợ xấu của VietinBank chi nhánh TP. Hà Nội.....</i>	<i>56</i>
<i>2.3.3. Thực trạng tổ chức triển khai các hoạt động quản lý nợ xấu của VietinBank chi nhánh TP. Hà Nội.....</i>	<i>58</i>
<i>2.3.4. Thực trạng báo cáo, đánh giá kết quả quản lý nợ xấu của Chi nhánh ...</i>	<i>65</i>
2.4. Đánh giá chung về thực trạng nợ xấu và quản lý nợ xấu tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội.....	66

2.4.1. <i>Kết quả đạt được</i>	66
2.4.2. <i>Hạn chế và nguyên nhân</i>	67
Chương III: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NỢ XẤU TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI	75
3.1. Định hướng phát triển hoạt động tín dụng và quan điểm hoàn thiện quản lý nợ xấu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội	75
3.1.1. <i>Định hướng phát triển chung</i>	75
3.1.2. <i>Một số định hướng cụ thể về hoạt động tín dụng</i>	76
3.1.3. <i>Yêu cầu và quan điểm về quản lý nợ xấu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội</i>	77
3.2. Các giải pháp hoàn thiện quản lý nợ xấu tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội	78
3.2.1. <i>Nâng cao chất lượng thông tin tín dụng, phân tích đánh giá các thông số trong quản lý rủi ro tín dụng và cơ cấu cho vay</i>	78
3.2.2. <i>Nâng cao chất lượng thẩm định tín dụng</i>	79
3.2.3. <i>Tăng cường số lượng và chất lượng nhân lực làm công tác tín dụng</i>	80
3.2.4. <i>Tăng cường kiểm tra, giám sát bảo đảm tính tuân thủ</i>	81
3.2.5. <i>Xây dựng quy trình hướng dẫn xử lý nợ xấu khoa học, thống nhất</i>	82
3.3. Một số kiến nghị	84
3.3.1. <i>Kiến nghị đối với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	84
3.3.2. <i>Kiến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước</i>	86
3.3.3. <i>Kiến nghị đối với các Bộ ban ngành</i>	88
3.3.4. <i>Kiến nghị với chính phủ</i>	90
KẾT LUẬN	92
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

DNNN	Doanh nghiệp Nhà nước
DNVVN	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
NH	Ngân hàng
NHNN	Ngân hàng nhà nước Việt Nam
NHTM	Ngân hàng thương mại
TCTD	Tổ chức tín dụng
TMCP	Thương mại cổ phần
TP	Thành phố
USD	Đô la Mỹ
VietinBank	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
RRTD	Rủi ro tín dụng

DANH MỤC BẢNG, SƠ ĐỒ HÌNH VẼ

Bảng 1.1 – Phân loại khách hàng, phân loại nợ	24
Bảng 1.2. Nợ xấu của các ngân hàng Hàn Quốc.....	37
Hình 2.1. Sơ đồ bộ máy tổ chức của Vietinbank - Chi nhánh TP.Hà Nội	43
Bảng 2.1. Tình hình chung hoạt động kinh doanh từ năm 2013 đến 2015	46
Bảng 2.2. Biến động nguồn vốn huy động từ năm 2013 đến 2015	47
Bảng 2.3. Biến động dư nợ tại Vietinbank Chi nhánh TP. Hà Nội từ năm 2013 – 2015.....	48
Bảng 2.4. Cơ cấu dư nợ cho vay từ năm 2013 - 2015	51
Bảng 2.5. Số liệu nợ xấu tại Vietinbank TP Hà Nội năm 2013 – 2015	54
Bảng 2.6. Tình hình tái cơ cấu nợ vay từ năm 2013 – 2015	61
Bảng 2.7. Bảng số liệu bán nợ từ năm 2013 – 2015.....	63
Bảng 2.8. Số liệu các khoản nợ xấu khởi kiện ra Tòa án.....	64
Bảng 2.9. Tỷ trọng nợ xấu được xử lý bằng từng biện pháp tại Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội từ năm 2013 đến năm 2015	65
Hình 3.2. Quy trình xử lý nợ xấu.....	83

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn

Nợ xấu là một trong những đề tài rất nóng trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt trong mỗi phiên họp Quốc hội, các đại biểu đều tranh luận rất gay gắt về vấn đề này. Trong khi quản lý nợ xấu chỉ là một phần trong quản trị tín dụng, rủi ro tín dụng và để đi sâu vào việc nghiên cứu quản lý nợ xấu theo tìm hiểu của tác giả, việc nghiên cứu về nợ xấu ở Việt Nam hiện nay chủ yếu được các tác giả tập trung tìm hiểu, nhìn nhận và đánh giá mang tính chất vĩ mô về các Ngân hàng thương mại hoặc một hệ thống Ngân hàng thương mại nhất định, như: Luận án Tiến sỹ “Quản lý nợ xấu tại Ngân hàng thương mại Việt Nam” của nghiên cứu sinh Nguyễn Thị Hoài Phương (2012); Luận án Tiến sỹ “Quản lý nợ xấu tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam” của nghiên cứu sinh Nguyễn Thị Thu Cúc (2014)... Dưới góc độ vi mô tại các chi nhánh Ngân hàng thương mại, việc nghiên cứu triển khai ít được các tác giả đề cập, nghiên cứu hoặc cũng chỉ đề cập vấn đề trong một giai đoạn nhất định và với một chi nhánh Ngân hàng cụ thể như: Luận văn Thạc sỹ “Quản lý nợ xấu tại Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Tài” của Thạc sỹ Trần Văn Ba (2013); Luận văn Thạc sỹ “Giải pháp phòng ngừa và xử lý nợ xấu tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng” của Thạc sỹ Lê Thị Hoài Diễm (2012). Đồng thời, chưa có đề tài nào nghiên cứu về Quản lý nợ xấu tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – chi nhánh TP. Hà Nội.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, đề tài “**Quản lý nợ xấu tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội**” đã được tác giả lựa chọn.

2. Tính cấp thiết của đề tài

Trong các mảng hoạt động của các Ngân hàng thương mại (NHTM) thì Tín dụng là một hoạt động quan trọng, phản ánh hoạt động đặc trưng của Ngân hàng, chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng tài sản, mang lại thu nhập lớn nhất song cũng là

hoạt động mang lại rủi ro cao nhất cho Ngân hàng. Trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, một số NHTM đã coi chính sách mở rộng, tăng trưởng nóng tín dụng là một giải pháp để thu hút khách hàng, chiếm lĩnh thị phần. Việc tăng trưởng nóng về tín dụng trong khi tiềm năng tăng trưởng của nền kinh tế thực chỉ ở mức có hạn và không thay đổi mang tính nhảy vọt so với trước đây thì gia tăng thái quá tín dụng sẽ làm nền kinh tế tăng trưởng quá nóng, đẩy giá trị các tài sản như bất động sản, chứng khoán tăng theo kiểu bong bóng, và tiêu dùng cũng nhảy vọt nhờ phần lớn được tài trợ một cách dễ dãi bởi tiền đi vay ngân hàng và/hoặc các công ty tài chính. Kết quả cuối cùng không tránh khỏi sẽ là bong bóng giá các tài sản một ngày nào đó không xa trong tương lai phải xì hơi về lại mặt đất, để lại những hậu quả tai hại cho nền kinh tế, trong đó có nợ xấu tăng vọt, hệ thống ngân hàng lâm vào khủng hoảng, lạm phát bùng nổ, kinh tế suy thoái...

Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu từ năm 2008 đến nay, nền kinh tế nước ta đã chịu nhiều tác động tiêu cực và kinh tế vĩ mô có nhiều yếu tố không thuận lợi. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, vì vậy nợ xấu của hệ thống các Tổ chức tín dụng có chiều hướng gia tăng nhanh, phát triển rất mạnh trong những năm gần đây. Ý thức được việc quản lý nợ xấu là một nhiệm vụ rất quan trọng trong giai đoạn hiện nay, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (NHCT Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hà Nội đã coi quản lý nợ xấu là một trong những việc cần được giải quyết hàng đầu nhằm nghiêm túc đưa ra những giải pháp quản trị nợ xấu, góp phần tăng cường một cách toàn diện hiệu quả của hoạt động tín dụng ngân hàng, giúp tạo ra điểm tựa vững chắc trong quá trình thực hiện đổi mới, hiện đại hóa NHCT Việt Nam nói chung và của NHCT Việt Nam, chi nhánh TP. Hà Nội nói riêng.

Là một Chi nhánh đầu tàu của hệ thống NHCT Việt Nam, dư nợ của chi nhánh hiện nay xấp xỉ 70.000 tỷ chiếm khoảng 10% trên tổng dư nợ của toàn hệ thống, quy mô tương đương với 1 hệ thống NHTM loại trung bình. Tỷ lệ nợ xấu chiếm khoảng 0,2%/tổng dư nợ, nếu nhìn vào tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ thì tỷ lệ này là rất thấp nhưng nếu nhìn vào con số dư nợ xấu thì không hề nhỏ (chưa tính nợ đã bán

cho Công ty TNHH MTV Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam và nợ đã được xử lý rủi ro hạch toán ngoại bảng), nợ xấu năm sau tăng cao hơn năm trước. Trong khi việc theo dõi, quản lý toàn bộ các khoản nợ xấu này chỉ được thực hiện bởi 1 Tổ (4 người) nằm trong phòng Tổng hợp quản lý, chức năng nhiệm vụ chưa được thống nhất, chưa có quy chế phối hợp giữa các phòng phát sinh khoản nợ và bộ phận quản lý nợ xấu... Do vậy, quản lý nợ xấu, hạn chế nợ xấu có nguy cơ phát sinh và xử lý nợ xấu đã phát sinh là một yêu cầu cấp thiết, có vai trò quan trọng trong toàn bộ hoạt động của NHCT Việt Nam nói chung và của NHCT Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội nói riêng. Chính vì vậy, tôi đã chọn đề tài cho luận văn tốt nghiệp của mình là: **“Quản lý nợ xấu tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội”**.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- **Mục đích nghiên cứu:** Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nợ xấu trong Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội.

- Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Hệ thống hoá và làm rõ những lý luận cơ bản về vấn đề quản trị nợ xấu trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng Thương mại;

- Phân tích thực trạng công tác quản trị và xử lý nợ xấu tại Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội;

- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động quản lý nợ xấu của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu của luận văn:** là lý luận và thực tiễn quản lý nợ xấu trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội.

- **Phạm vi nghiên cứu của luận văn:** Hoạt động quản lý nợ xấu của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hà Nội trong vòng 3 năm từ năm 2013 đến năm 2015 bao gồm các hoạt động như: Cảnh báo việc

chấm điểm tín dụng đối với khách hàng, thông báo việc khách hàng có khoản nợ được phân loại nợ nhóm cao hơn tại TCTD khác, cảnh báo nợ đối với các phòng phát sinh nợ xấu, xử lý nợ...

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học:

- Phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử: Xem xét một sự vật hay một hiện tượng trong trạng thái luôn phát triển và xem xét nó trong mối quan hệ với các sự vật và hiện tượng khác.

- Phương pháp thống kê, thu thập, phân tích tổng hợp, so sánh, nghiên cứu tình huống: Trên cơ sở số liệu thống kê thu thập được, mô tả qua số tuyệt đối, số tương đối, xu hướng phát triển qua thời gian, kiểm định, luận văn sẽ tính toán dựa trên các số liệu.

- Phương pháp lịch sử, logic: Thông qua các nguồn tư liệu để nghiên cứu và phục dựng đầy đủ các điều kiện hình thành, quá trình ra đời, phát triển từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, qua đó tìm ra cái phổ biến, bản chất, quy luật... của sự vật, hiện tượng phải được tiến hành trên cơ sở khái quát hóa và rút ra từ hiện thực.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

- Nghiên cứu sẽ xác định vấn đề quản lý nợ xấu của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội trên cơ sở các vấn đề lý luận như nợ xấu là gì, nguyên nhân của nợ xấu, tác động tiêu cực của nợ xấu, các chỉ tiêu đo lường nợ xấu. Từ đó đưa ra những vấn đề căn bản trong quản lý nợ xấu đối với Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội trong thời gian tới.

- Quản lý nợ xấu là vấn đề không mới ở Việt Nam nhưng tương đối nhạy cảm trong xã hội, do vậy chưa có nhiều người nghiên cứu từ các tài liệu liên quan cho đến các văn bản pháp qui đề cập đến nội dung này còn hạn chế. Do đó, ở cả góc độ lý luận và thực tiễn, vấn đề này đang cần đầu tư nghiên cứu ở các NHTM nói chung và của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam nói riêng, qua đó cần có sự hệ thống hóa, đánh giá đầy đủ thực trạng về quản lý nợ xấu của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài lời mở đầu, kết luận, luận văn được chia thành ba chương:

Chương I: Tổng quan về nợ xấu, quản lý nợ xấu trong hoạt động của Ngân hàng Thương Mại.

Chương II: Thực trạng quản lý nợ xấu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội.

Chương III: Giải pháp hoàn thiện quản lý nợ xấu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội.

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN VỀ NỢ XẤU, QUẢN LÝ NỢ XẤU CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. Tổng quan về tín dụng và rủi ro tín dụng tại Ngân hàng thương mại

1.1.1. Ngân hàng thương mại và hoạt động tín dụng của Ngân hàng thương mại

1.1.1.1. Khái niệm Ngân hàng thương mại

Ngân hàng là một trong những tổ chức tài chính quan trọng nhất trong nền kinh tế. Tùy thuộc vào tính chất và mục tiêu hoạt động cũng như sự phát triển của nền kinh tế nói chung và hệ thống tài chính nói riêng, Ngân hàng bao gồm Ngân hàng thương mại, Ngân hàng phát triển, Ngân hàng đầu tư, Ngân hàng chính sách, Ngân hàng hợp tác và các loại hình Ngân hàng khác, trong đó Ngân hàng thương mại thường chiếm tỷ trọng lớn nhất về quy mô tài sản, thị phần và số lượng các Ngân hàng. Ngân hàng thương mại được xem là một trung gian tài chính có chức năng dẫn vốn từ nơi có khả năng cung ứng vốn đến những nơi có nhu cầu về vốn nhằm tạo điều kiện cho đầu tư phát triển kinh tế. Chúng ta có thể xem xét một số khái niệm về NHTM như sau:

NHTM là một định chế tài chính có vai trò vô cùng quan trọng đối với nền kinh tế nói chung và đối với từng cộng đồng địa phương nói riêng, vậy NHTM là gì? Theo Luật các tổ chức tín dụng do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 16/06/2010: Ngân hàng thương mại là loại hình ngân hàng được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật các TCTD nhằm mục tiêu lợi nhuận. Cũng theo luật này, “Hoạt động ngân hàng là việc kinh doanh cung ứng thường xuyên một hoặc một số các nghiệp vụ sau: Nhận tiền gửi; Cấp tín dụng; Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

1.1.1.2. Hoạt động tín dụng của Ngân hàng thương mại

- Hoạt động tín dụng là hoạt động cấu thành nên tài sản có và có ý nghĩa quan

trọng đối với khả năng tồn tại và phát triển của mỗi ngân hàng. Hoạt động tín dụng mang lại thu nhập chính cho NHTM, là hoạt động không thể thiếu làm nền tảng nhằm thu hút các dịch vụ khác cho NHTM, nhưng ngược lại đó cũng là hoạt động tiềm ẩn nhiều rủi ro. Hoạt động tín dụng không tốt sẽ gây ảnh hưởng lớn đến tính thanh khoản, thậm chí dẫn đến sự sụp đổ của NHTM. Ngân hàng thương mại được cấp tín dụng cho tổ chức và cá nhân dưới hình thức cho vay, chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố giấy tờ có giá, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Nhờ tín dụng mà trong quá trình vận hành nền kinh tế dòng tài sản thể hiện dưới hình thái tiền tệ sẽ dịch chuyển từ chỗ tạm thời nhàn rỗi sang chỗ tạm thời thiếu hụt để cân bằng cung cầu vốn của thị trường.

- Mỗi quan hệ tín dụng phải thỏa mãn 4 đặc trưng : Lòng tin, tính hoàn trả, tính thời hạn và ẩn chứa nhiều khả năng rủi ro.

Một là, quan hệ tín dụng dựa trên cơ sở lòng tin. Người ta chỉ cho vay khi người ta tin tưởng, người đi vay có ý muốn trả nợ và có khả năng trả nợ. Đồng thời người ta tin rằng người sử dụng lượng giá trị đó sẽ thu được lượng giá trị cao hơn, đạt hiệu quả sau một thời gian nhất định, người cho vay cũng tin tưởng người đi vay có ý muốn trả nợ thì quan hệ tín dụng mới xảy ra. Như vậy có thể nói đây là điều kiện tiên quyết để thiết lập quan hệ tín dụng.

Hai là, tính hoàn trả. Đối với quan hệ tín dụng thì đây là đặc trưng cơ bản nhất và sự hoàn trả là tiêu chuẩn phân biệt quan hệ tín dụng với các quan hệ tài chính khác. Trong tính hoàn trả thì lượng vốn được chuyển nhượng phải được hoàn trả đúng hạn về cả thời gian và về giá trị bao gồm hai bộ phận : Gốc và lãi. Phần lãi phải đảm bảo cho lượng giá trị hoàn trả lớn hơn lượng giá trị ban đầu. Sự chênh lệch này là giá trả cho quyền sử dụng vốn tạm thời. Nói cách khác, nó là giá trị cho sự sinh quyền sử dụng vốn hiện tại của người sở hữu, vì thế nó phải đủ hấp dẫn để người sở hữu có thể sẵn sàng hy sinh quyền sử dụng nó. Mặt khác nếu không có sự hoàn trả thì đó là quan hệ tín dụng không hoàn hảo.

Ba là, tính thời hạn. Xuất phát từ bản chất của tín dụng là sự tín nhiệm, người cho vay tin tưởng người đi vay sẽ hoàn trả vào một ngày trong tương lai. Người đi vay chỉ được sử dụng tạm thời trong một thời gian nhất định, sau khi hết thời gian sử dụng theo thỏa thuận, người đi vay hoàn trả cho người cho vay.

Bốn là, tín dụng ẩn chứa nhiều khả năng rủi ro. Do sự không cân xứng về thông tin và người cho vay không hiểu rõ hết về người đi vay. Một mối quan hệ tín dụng được gọi là hoàn hảo nếu người đi vay hoàn trả được đầy đủ gốc và lãi đúng thời hạn.

- Căn cứ vào thời hạn tín dụng thông thường phân thành: Tín dụng ngắn hạn, tín dụng trung hạn và tín dụng dài hạn.

+ Tín dụng ngắn hạn: Là các khoản cho vay có thời hạn không quá 12 tháng và được sử dụng để bù đắp sự thiếu hụt vốn lưu động của các doanh nghiệp và các nhu cầu chi tiêu ngắn hạn của cá nhân.

+ Tín dụng trung hạn: Là các khoản vay có thời hạn từ 12 tháng đến 5 năm. Tín dụng trung hạn thường được để đầu tư mua sắm tài sản cố định, cải tiến hoặc đổi mới thiết bị, công nghệ, xây dựng các dự án quy mô nhỏ và thời gian thu hồi vốn nhanh. Trong nông nghiệp, chủ yếu cho vay là để đầu tư vào các đối tượng xây dựng các vườn cây công nghiệp...

+ Tín dụng dài hạn: Là các khoản cho vay có thời hạn trên 5 năm. Mục đích sử dụng vốn vay gần như tín dụng trung hạn nhưng với quy mô lớn, thời hạn thu hồi vốn lâu hơn.

- Căn cứ vào mục đích cho vay có: Tín dụng bất động sản, tín dụng công nghiệp và thương mại...

+ Tín dụng bất động sản là loại tín dụng có liên quan đến việc mua sắm và xây dựng bất động sản.

+ Tín dụng công nghiệp và thương mại là loại tín dụng ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

+ Tín dụng nông nghiệp là loại tín dụng cho vay để trang trải các chi phí sản xuất như phân bón, giống cây...

+ Cho vay các định chế tài chính bao gồm các khoản tín dụng cho các Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính, quỹ tín dụng và các định chế tài chính khác.

+ Cho vay cá nhân là loại cho vay đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng.

+ Cho thuê bao gồm cho thuê tài chính...

- Căn cứ vào mức độ tín nhiệm với khách hàng có: Tín dụng không bảo đảm và tín dụng có bảo đảm.

+ Tín dụng không bảo đảm là loại tín dụng không có tài sản thế chấp, cầm cố hoặc có sự bảo lãnh của bên thứ ba.

+ Tín dụng có bảo đảm là loại cho vay dựa trên việc thế chấp, cầm cố hoặc bảo lãnh.

- Căn cứ vào đặc điểm luân chuyển vốn: Tín dụng vốn lưu động và tín dụng vốn cố định.

+ Tín dụng vốn lưu động: Là loại tín dụng được cung cấp để bổ sung vốn lưu động cho các khách hàng vay vốn trong khi nguồn vốn tự có của họ không đủ để thực hiện phương án sản xuất kinh doanh.

+ Tín dụng vốn cố định là loại tín dụng được cấp bổ sung để hình thành nên TSCĐ cho các khách hàng vay vốn trong khi các nguồn vốn khác không đủ để thực hiện dự án

- Căn cứ vào hình thái giá trị của tín dụng : Tín dụng bằng tiền và tín dụng bằng tài sản.

+ Tín dụng bằng tiền : Là loại tín dụng mà hình thái giá trị của tín dụng được cấp bằng tiền.

+ Tín dụng bằng tài sản : Là tín dụng mà hình thái giá trị của tín dụng được cấp bằng tài sản. Đối với NHTM thì hình thức tín dụng này thể hiện chủ yếu dưới hình thức tín dụng thuê mua.

- Căn cứ vào phương pháp cho vay. Dựa vào căn cứ này tín dụng được chia làm hai loại là tín dụng trực tiếp và tín dụng gián tiếp.

+ Tín dụng trực tiếp : Là loại tín dụng mà người vay trực tiếp nhận tiền vay và trực tiếp hoàn trả nợ vay cho NHTM.

+ Tín dụng gián tiếp : Là loại tín dụng mà quan hệ tín dụng thông qua hay liên quan đến người thứ ba.

- Căn cứ vào phương pháp hoàn trả : Tín dụng trả góp, tín dụng phi trả góp và tín dụng trả theo yêu cầu.

+ Tín dụng trả góp : Là loại tín dụng mà khách hàng phải trả gốc và lãi theo định kỳ. Loại tín dụng này chủ yếu được áp dụng trong cho vay bất động sản nhà ở, thương mại, cho vay tiêu dùng, cho vay đối với những người kinh doanh nhỏ, cho vay để mua sắm máy móc thiết bị...

+ Tín dụng phi trả góp: Là loại tín dụng được thanh toán một lần theo đúng kỳ hạn đã thỏa thuận và thường áp dụng trong cho vay vốn lưu động.

+ Tín dụng hoàn trả theo yêu cầu : Là loại tín dụng mà người vay có thể hoàn trả bất cứ lúc nào khi có thu nhập. Ngân hàng không ấn định thời hạn nào, áp dụng cho vay thấu chi.

1.1.2. Rủi ro tín dụng trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thương mại

Trong nền kinh tế thị trường rủi ro đồng hành với quá trình phát triển. Có nhiều định nghĩa và khái niệm khác nhau về rủi ro. Nhưng nhìn chung, rủi ro là những yếu tố tiềm ẩn, mà khi phát sinh sẽ làm ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả của hoạt động kinh tế hoặc là khả năng làm thất thoát, thiệt hại về vật chất cũng như tinh thần trong cuộc sống.

Rủi ro tín dụng là khả năng không thu hồi được vốn cho vay và lãi phát sinh, là những tình huống phát sinh trong quá trình sử dụng vốn vay làm cho người vay hoặc những tình huống người vay không thực hiện thanh toán nợ gốc và lãi đúng hạn. Ở đây có hai yếu tố quan trọng của hai phía người cho vay và người vay. Có thể khẳng định rằng rủi ro trong hoạt động tín dụng không phải là bản chất vốn có của tín dụng mà là những hoạt động liên quan dẫn đến một kết quả không như mong muốn trong hoạt động tín dụng.

Rủi ro tín dụng gắn liền với hoạt động quan trọng nhất, có qui mô lớn nhất của NHTM – đó chính là hoạt động tín dụng. Khi thực hiện một hoạt động tài trợ cụ thể, Ngân hàng cố gắng phân tích, đánh giá người vay sao cho độ an toàn cao nhất. Và nhìn chung Ngân hàng chỉ quyết định cho vay khi thấy rằng rủi ro tín dụng sẽ không xảy ra. Tuy nhiên, không một nhà kinh doanh Ngân hàng tài ba nào có thể dự đoán

chính xác các vấn đề sẽ xảy ra. Khả năng hoàn trả tiền vay của khách hàng có thể bị thay đổi do nhiều nguyên nhân. Cũng từ điều đó vì thế, ngân hàng chỉ có thể hạn chế nợ xấu mà không thể loại bỏ hoàn toàn nợ xấu.

1.2. Nợ xấu trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng thương mại

1.2.1. Khái niệm và bản chất của nợ xấu

1.2.1.1. Khái niệm nợ xấu

Theo Ngân hàng Trung ương Liên minh châu Âu, nợ xấu trong các NHTM bao gồm:

** Nợ không thể thu hồi được:*

- Những khoản nợ đã hết hiệu lực hoặc những khoản nợ không có căn cứ đòi bồi thường từ nợ.

- Người mắc nợ trốn hoặc bị mất tích, không còn tài sản để thanh toán nợ.

- Những khoản nợ mà Ngân hàng không thể liên lạc được với người mắc nợ hoặc không thể tìm được người mắc nợ.

- Những khoản nợ mà khách nợ chấm dứt hoạt động kinh doanh, thanh lý tài sản hoặc kinh doanh bị thua lỗ và tài sản còn lại không đủ để trả nợ.

** Nợ có thể thu không thanh toán đầy đủ cho ngân hàng.*

Đây là những khoản nợ không có tài sản thế chấp hoặc tài sản thế chấp không đủ trả nợ. Người mắc nợ không liên lạc với Ngân hàng để trả lãi hoặc gốc có thời hạn thanh toán, hoặc hoàn cảnh chỉ ra rằng khoản nợ sẽ không thể thu hồi đầy đủ như:

- Những khoản nợ mà người mắc nợ đồng ý thanh toán trong quá khứ, nhưng phần còn lại không thể được đền bù, hoặc những khoản nợ trong đó tài sản được chuyển để thanh toán nhưng giá trị còn lại không đủ trang trải toàn bộ khoản nợ.

- Những khoản nợ mà người mắc nợ khó có thể trả nợ và yêu cầu gia hạn nợ nhưng không đền bù được trong thời gian thỏa thuận.

- Những khoản nợ mà tài sản thế chấp không đủ để trả nợ hoặc tài sản thế chấp ở Ngân hàng không được chấp nhận về mặt pháp lý dẫn đến người mắc nợ không thể trả nợ Ngân hàng đầy đủ.

- Những khoản nợ mà Tòa án tuyên bố người mắc nợ phá sản nhưng phần bồi hoàn ít hơn dư nợ.

** Theo định nghĩa nợ xấu của Phòng thống kê – Liên hiệp quốc*

Một khoản nợ được coi là nợ xấu khi quá hạn trả lãi và/ hoặc gốc trên 90 ngày; hoặc các khoản lãi chưa trả lãi từ 90 ngày trở lên đã được nhập gốc, tái cấp vốn hoặc trả chậm theo thỏa thuận; hoặc các khoản thanh toán đã quá hạn 90 ngày nhưng có lý do chắc chắn để nghi ngờ về khả năng khoản vay sẽ được thanh toán đầy đủ. Về cơ bản, nợ xấu được xác định dựa trên 2 yếu tố: (i) quá hạn trên 90 ngày và (ii) khả năng trả nợ nghi ngờ.

** Theo định nghĩa của Việt Nam*

Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thì Nợ xấu được định nghĩa như sau:

Nợ xấu là những khoản nợ thuộc các Nhóm: nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn), nhóm 4 (nợ nghi ngờ), nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn). Nợ xấu theo định nghĩa của Việt Nam cũng được xác định dựa theo 2 yếu tố: (i) đã quá hạn trên 90 ngày và (ii) khả năng trả nợ đáng lo ngại.

Qua định nghĩa về nợ xấu trên ta có thể hiểu khái quát nợ xấu là các khoản nợ mà khách hàng không trả gốc, lãi đúng hạn theo cam kết và có khả năng dẫn đến thiệt hại cho ngân hàng.

1.2.1.2. Bản chất của nợ xấu

Hoàn trả đầy đủ khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng đến thời điểm đáo hạn là hành động hoàn tất mối quan hệ tín dụng hoàn hảo giữa Ngân hàng và khách hàng. Như vậy, nợ xấu trong hoạt động tín dụng NHTM là hiện tượng phát sinh từ mối quan hệ tín dụng không hoàn hảo khi người đi vay (khách hàng) không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ của mình cho Ngân hàng đúng hạn.

Nợ xấu nói chung được xem như một dấu hiệu của vấn đề rủi ro tiềm ẩn. Tuy nhiên, thực tế một khoản nợ xấu thì cho biết rất ít vấn đề, để xác định bản chất vấn

đề phải tìm hiểu được nguyên nhân của khoản nợ đó. Nếu khoản nợ xấu là một biểu hiện của việc khách hàng không muốn hoặc không có khả năng hoàn trả thì có thể khoản vay đã có vấn đề nghiêm trọng và có nguy cơ không cứu vãn được. Nếu khoản nợ chỉ hình thành do việc tiêu thụ hàng hóa hoặc thu hồi các khoản phải thu chậm hơn dự tính hoặc do việc chậm trễ không tính trước được trong việc chuyển từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ trên thị trường, thì vấn đề chưa đến mức nghiêm trọng.

Như vậy, có thể thấy bản chất nợ xấu là kết quả của mối quan hệ tín dụng không hoàn hảo, trước hết vì nó vi phạm đặc trưng cơ bản của tín dụng là tính thời hạn, sau nữa nó vi phạm đến đặc trưng thứ hai là tính hoàn trả đầy đủ, gây nên sự đổ vỡ lòng tin của người cung cấp tín dụng đối với khách hàng nhận tín dụng.

1.2.2. Phân loại nợ xấu

Theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18/03/2014 về việc sửa đổi bổ sung 01 số điều Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thì Nợ xấu được xác định dựa trên cả yếu tố thời hạn nợ và khả năng thu hồi.

1.2.2.1. Phân loại nợ xấu theo nhóm nợ

** Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn) bao gồm:*

- Các khoản nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày.
- Các khoản nợ gia hạn lần đầu.
- Các khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng.
- Nợ thuộc 1 trong các trường hợp sau:

+ Nợ của khách hàng hoặc bên bảo đảm là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng theo quy định của pháp luật.

+ Nợ được bảo đảm bằng cổ phiếu của chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng hoặc tiền vay được sử dụng để góp vốn vào một tổ chức tín dụng khác trên cơ sở tổ chức tín dụng cho vay nhận tài sản bảo đảm bằng cổ phiếu của chính tổ chức tín dụng nhận góp vốn.

+ Nợ không có bảo đảm hoặc được cấp với điều kiện ưu đãi hoặc giá trị vượt quá 5% vốn tự có của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi cấp cho khách hàng thuộc đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng theo quy định của pháp luật;

+ Nợ cấp cho các công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp mà tổ chức tín dụng nắm quyền kiểm soát có giá trị vượt các tỷ lệ giới hạn theo quy định của pháp luật;

+ Nợ có giá trị vượt quá các giới hạn cấp tín dụng, trừ trường hợp được phép vượt giới hạn, theo quy định của pháp luật;

+ Nợ vi phạm các quy định của pháp luật về cấp tín dụng, quản lý ngoại hối và các tỷ lệ bảo đảm an toàn đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ Nợ vi phạm các quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý tiền vay, chính sách dự phòng rủi ro của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Nợ đang thu hồi theo kết luận thanh tra;

Nợ xấu thuộc nhóm này được coi là các khoản nợ có khả năng thu hồi cao nhất. Ngân hàng sẽ trích lập một tỷ lệ DPRR cho nợ xấu nhóm này là 20% dư nợ của nhóm.

** Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ) bao gồm:*

- Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày;

- Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu;

- Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai;

- Khoản nợ quá hạn từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi đối với các trường hợp:

+ Nợ của khách hàng hoặc bên bảo đảm là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng theo quy định của pháp luật;

+ Nợ được bảo đảm bằng cổ phiếu của chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng hoặc tiền vay được sử dụng để góp vốn vào một tổ chức tín dụng khác trên cơ sở tổ chức tín dụng cho vay nhận tài sản bảo đảm bằng cổ phiếu của chính tổ chức tín dụng nhận vốn góp;

+ Nợ không có bảo đảm hoặc được cấp với điều kiện ưu đãi hoặc giá trị vượt quá 5% vốn tự có của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi cấp cho khách hàng thuộc đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng theo quy định của pháp luật;

+ Nợ cấp cho các công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp mà tổ chức tín dụng nắm quyền kiểm soát có giá trị vượt các tỷ lệ giới hạn theo quy định của pháp luật;

+ Nợ có giá trị vượt quá các giới hạn cấp tín dụng, trừ trường hợp được phép vượt giới hạn, theo quy định của pháp luật;

+ Nợ vi phạm các quy định của pháp luật về cấp tín dụng, quản lý ngoại hối và các tỷ lệ bảo đảm an toàn đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ Nợ vi phạm các quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý tiền vay, chính sách dự phòng rủi ro của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng đã quá thời hạn thu hồi đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được;

Nợ xấu thuộc nhóm này được đánh giá là có khả năng thu hồi thấp hơn so với các khoản nợ của nhóm 3. Các khoản nợ này được xếp vào những khoản nợ mà Ngân hàng có sự nghi ngờ về khả năng trả nợ. Tỷ lệ trích lập DPRR cho nợ xấu thuộc nhóm này là 50% tổng dư nợ của nhóm.

** Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn) bao gồm:*

- Nợ quá hạn trên 360 ngày;

- Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu;
- Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai;
- Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn;
- Khoản nợ quá hạn trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi đối với các trường hợp:
 - + Nợ của khách hàng hoặc bên bảo đảm là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng theo quy định của pháp luật;
 - + Nợ được bảo đảm bằng cổ phiếu của chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng hoặc tiền vay được sử dụng để góp vốn vào một tổ chức tín dụng khác trên cơ sở tổ chức tín dụng cho vay nhận tài sản bảo đảm bằng cổ phiếu của chính tổ chức tín dụng nhận vốn góp;
 - + Nợ không có bảo đảm hoặc được cấp với điều kiện ưu đãi hoặc giá trị vượt quá 5% vốn tự có của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi cấp cho khách hàng thuộc đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng theo quy định của pháp luật;
 - + Nợ cấp cho các công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp mà tổ chức tín dụng nắm quyền kiểm soát có giá trị vượt các tỷ lệ giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - + Nợ có giá trị vượt quá các giới hạn cấp tín dụng, trừ trường hợp được phép vượt giới hạn, theo quy định của pháp luật;
 - + Nợ vi phạm các quy định của pháp luật về cấp tín dụng, quản lý ngoại hối và các tỷ lệ bảo đảm an toàn đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
 - + Nợ vi phạm các quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý tiền vay, chính sách dự phòng rủi ro của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng đã quá thời hạn thu hồi trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được;

- Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản;

Khả năng thu hồi nợ của nhóm này được coi như bằng 0, do vậy tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro tương ứng là 100% tổng dư nợ của nhóm.

1.2.2.2. Phân loại nợ xấu theo cấp độ rủi ro

Căn cứ vào những điều kiện, đánh giá khoản nợ để phân loại nợ vào nhóm thấp hoặc cao hơn như sau:

** Nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn trong các trường hợp sau đây:*

- Đối với nợ quá hạn, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phân loại lại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn (kể cả nhóm 1) khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

+ Khách hàng đã trả đầy đủ phần nợ gốc và lãi bị quá hạn kể cả lãi áp dụng đối với nợ gốc quá hạn) và nợ gốc và lãi của các kỳ hạn trả nợ tiếp theo trong thời gian tối thiểu 03 (ba) tháng đối với nợ trung và dài hạn, 01 (một) tháng đối với nợ ngắn hạn, kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn;

+ Có tài liệu, hồ sơ chứng minh việc khách hàng đã trả nợ;

+ Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có đủ cơ sở thông tin, tài liệu đánh giá khách hàng có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.

- Đối với nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phân loại lại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn (kể cả nhóm 1) khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

+ Khách hàng đã trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại trong thời gian tối thiểu 03 tháng đối với nợ trung và dài hạn, 01 (một) tháng đối với nợ ngắn hạn, kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo thời hạn được cơ cấu lại;

+ Có tài liệu, hồ sơ chứng minh việc khách hàng đã trả nợ;

+ Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có đủ cơ sở thông tin, tài

liệu để đánh giá khách hàng có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn đã được cơ cấu lại.

** Nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn trong các trường hợp sau đây:*

- Xảy ra các biến động bất lợi trong môi trường, lĩnh vực kinh doanh tác động tiêu cực trực tiếp đến khả năng trả nợ của khách hàng (thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, môi trường kinh tế);

- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, tỷ lệ nợ trên vốn, dòng tiền, khả năng trả nợ của khách hàng suy giảm liên tục hoặc có biến động lớn theo chiều hướng suy giảm qua 03 lần đánh giá, phân loại nợ liên tục;

- Khách hàng không cung cấp đầy đủ, kịp thời và trung thực các thông tin tài chính theo yêu cầu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng.

- Khoản nợ đã được phân loại vào nhóm 2, nhóm 3, nhóm 4 theo quy định tại điểm a, b và c khoản này từ 01 (một) năm trở lên nhưng không đủ điều kiện phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn.

- Nợ mà hành vi cấp tín dụng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Việc NHNN ban hành Thông tư 02 nhằm thay thế cho Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 Quyết định về việc ban hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng (từ đây gọi là Quyết định 493) và một số văn bản khác. Thông tư 02 có thể khiến các TCTD phải công bố tỷ lệ nợ xấu cao hơn trước đây làm căn cứ cho việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng nhiều hơn. Bởi văn bản này có một số tiêu chí khắt khe hơn trong việc phân loại nợ:

Thứ nhất, các khoản nợ bị gia hạn nợ lần đầu sẽ được đưa vào nợ nhóm 3 thuộc nhóm nợ xấu, thay vì nếu gia hạn nợ trong thời hạn vẫn được xếp vào nhóm 2 theo Quyết định 493.

Thứ hai, nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng cũng được đưa vào nhóm nợ xấu.

Thứ ba, ngoài các tiêu chí để phân loại nợ từ đặc tính khả năng trả nợ của khách hàng, điểm mới được đánh giá khá khắc nghiệt là xem xét hoạt động cấp tín dụng cho những đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng hoặc cấp tín dụng có điều kiện theo Luật các TCTD sửa đổi năm 2010. Nếu như trước đây trong hoạt động cấp tín dụng của các NHTM, việc cấp tín dụng cho các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng bị hạn chế tín dụng diễn ra rất thường xuyên thì nay được đưa vào nhóm 3 “nợ dưới tiêu chuẩn” trong nhóm chỉ tiêu nợ xấu.

Thứ tư, hoạt động cho vay cầm cố cổ phiếu của các TCTD hoặc các công ty con của TCTD này để góp vốn vào TCTD khác trong hệ thống các NHTM cũng là những khoản vay được liệt kê vào nhóm nợ xấu. Quy định này xếp các khoản tín dụng theo kiểu đầu tư chéo lẫn nhau sẽ bị hạn chế khi liệt kê vào nhóm nợ xấu mà quy định trước đây không đề cập đến.

Thứ năm, nợ cấp cho các công ty con, công ty liên kết mà TCTD đang nắm quyền kiểm soát không vượt quá tỷ lệ quy định.

Những quy định chi tiết từ Thông tư 02 đã đưa việc phân loại nợ xấu cao hơn so với quy định trước đây, không chỉ là thời gian chậm thanh toán mà là mối quan hệ cấp tín dụng giữa TCTD với khách hàng và tài sản cấp tín dụng được đảm bảo bởi cổ phiếu của TCTD. Bên cạnh đó, những khoản cam kết ngoại bảng cân đối kế toán như bảo lãnh thanh toán của các TCTD cũng được xếp vào nhóm nợ xấu.

1.2.3. Những chỉ tiêu cơ bản phản ánh nợ xấu của Ngân hàng thương mại

- Tổng số nợ xấu: Đây là chỉ tiêu phản ánh chung giá trị tuyệt đối của toàn bộ khoản nợ xấu của ngân hàng. Chỉ tiêu này chưa cho biết trong tổng số dư nợ đó, nợ không có khả năng thu hồi là bao nhiêu và nợ có khả năng thu hồi là bao nhiêu. Và như vậy, nó chưa phản ánh một cách chính xác số nợ cho vay không có khả năng thu hồi của ngân hàng.

- Tỷ lệ nợ khó đòi/ tổng dư nợ và nợ khó đòi/ nợ xấu: Các chỉ số này phản ánh chỉ tiêu tương đối của nợ khó đòi – một cấu phần quan trọng của nợ xấu. Đây là những chỉ tiêu phản ánh khá trung thực về thực tế và nguy cơ mất vốn của ngân hàng. Tỷ lệ này càng lớn thì khả năng rủi ro mất vốn của Ngân hàng càng cao.

- Tỷ lệ quỹ dự phòng rủi ro/ nợ xấu: Tỷ lệ này cho biết quỹ dự phòng rủi ro có khả năng bù đắp bao nhiêu cho các khoản nợ xấu khi chúng chuyển thành các khoản nợ mất vốn. Nếu tỷ lệ này càng cao thì khả năng quỹ dự phòng rủi ro đủ bù đắp các thiệt hại có thể xảy ra trong quá trình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng càng cao và ngược lại.

Ngoài ra tùy theo tình hình cụ thể của mỗi Ngân hàng hoặc quốc gia trong từng thời kỳ mà có thể có thêm các chỉ tiêu khác để đánh giá, so sánh thực trạng nợ xấu nhằm xây dựng các biện pháp xử lý hợp lý

1.3. Quản lý nợ xấu của Ngân hàng thương mại

1.3.1. Khái niệm và vai trò của quản lý nợ xấu

1.3.1.1. Khái niệm quản lý nợ xấu

Quản lý nợ xấu là quá trình xây dựng và thực thi các chiến lược, các chính sách quản lý và kinh doanh tín dụng nhằm đạt được các mục tiêu an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững; trong đó tăng cường các biện pháp nhằm phòng ngừa và hạn chế phát sinh nợ xấu, đi kèm với việc xử lý các khoản nợ xấu đã phát sinh từ đó làm tăng doanh thu, giảm chi phí nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của NHTM.

1.3.1.2. Vai trò của quản lý nợ xấu

Công tác quản lý nợ xấu là nhiệm vụ cấp bách, quan trọng hàng đầu trong chương trình các cải cách các hoạt động ngân hàng. Nó giữ vai trò rất quan trọng đối với sự tồn tại phát triển và uy tín dụng Ngân hàng bởi các lẽ sau:

Thứ nhất, quản lý nợ xấu của NHTM là một trong những vấn đề quan trọng mà bất kỳ quốc gia nào cũng quan tâm tới, kể cả các nước có nền kinh tế mới nổi hay các nước có nền kinh tế đã phát triển. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, quá trình hội nhập vào thị trường tài chính quốc tế và tự do hóa tài chính làm cho môi trường cạnh tranh khốc liệt và rủi ro hơn. Các NHTM phải tự nâng cao năng lực tài chính của mình để có thể cạnh tranh được với các ngân hàng bạn. Do đó, hầu hết các ngân hàng đều chú trọng đến công tác quản lý nợ xấu, bởi nếu không quản lý tốt dẫn đến phát sinh nợ xấu sẽ ảnh hưởng đến tính thanh khoản của ngân hàng và làm gia tăng thiệt hại.

Thứ hai, nợ xấu cao sẽ dẫn đến vốn của Ngân hàng bị đóng băng không thu hồi được để tiếp tục quay vòng kinh doanh, gây ảnh hưởng xấu đến Ngân hàng.

Thứ ba, quản lý nợ xấu không tốt dẫn đến tỷ lệ nợ xấu tăng cao sẽ gây nguy cơ đổ vỡ hệ thống ngân hàng, từ đó có thể kéo theo khủng hoảng tài chính tiền tệ xảy ra. Khi đó chúng làm giảm số dự trữ và vốn, làm tổn thất sức mạnh tài chính của Ngân hàng. Hơn nữa, các khoản nợ xấu tạo ra gánh nặng chi phí cho các ngân hàng và làm ngân hàng suy giảm khả năng huy động vốn, khả năng cho vay đối với nền kinh tế. Vì thế lòng tin của dân chúng cũng như uy tín quốc tế đối với hệ thống ngân hàng đó cũng suy giảm theo.

Tóm lại, vai trò của quản lý nợ xấu là rất quan trọng nếu quản lý không tốt không những tác động đối với Ngân hàng mà còn nguy hại đối với cả nền kinh tế, trật tự xã hội. Do đó, quan tâm quản lý nợ xấu không còn là việc riêng của các NHTM mà là sự quan tâm chung của cả NHNN, Chính phủ và xã hội.

1.3.2. Nội dung quản lý nợ xấu

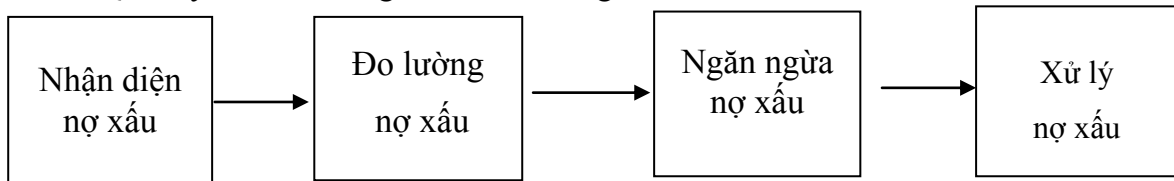
1.3.2.1. Ban hành chính sách và quy trình quản lý nợ xấu

Các hoạt động của Ngân hàng một mặt phải đảm bảo khả năng sinh lời, mang lại thu nhập cho Ngân hàng, mặt khác phải đảm bảo khả năng thanh khoản. Trong hệ thống các hoạt động của Ngân hàng, đặc biệt là hoạt động tín dụng, hoạt động mang lại hơn 70% thu nhập cho Ngân hàng, Ngân hàng phải xác định mức độ rủi ro tối đa, giới hạn tỷ lệ nợ xấu. Rủi ro luôn đi kèm với hoạt động của bất kì một Ngân hàng nào, chúng ta có thể làm hạn chế tổn thất của chúng, chứ không thể ngăn ngừa chúng xuất hiện. Hoạt động Ngân hàng nằm trong giới hạn rủi ro, đó là một thành công lớn của Ngân hàng.

Bất kể Ngân hàng nào, phải xây dựng cho mình danh mục tài sản với các rủi ro có thể chấp nhận được và danh mục nguồn vốn với chi phí hợp lý, phù hợp với khả năng thanh khoản của Ngân hàng và thực tế ngành kinh tế, vùng kinh tế và cả nền kinh tế. Ngân hàng đưa ra những sản phẩm, dịch vụ thu hút khách hàng với các chính sách về lãi suất, phí, khách hàng... hợp lý trên cơ sở nghiên cứu kỹ khách hàng và thị trường.

Trong hoạt động của NHTM, xây dựng được một chính sách quản trị rủi ro từ hoạt động cho vay và thực thi tốt chính sách đó có ý nghĩa quyết định. Quản lý nợ xấu đòi hỏi các NHTM cần phải xây dựng quy trình quản lý và làm tốt từ việc nhận biết, đo lường, ngăn ngừa nợ xấu đến việc áp dụng các giải pháp xử lý nợ xấu đã phát sinh một cách hiệu quả.

Quản lý nợ xấu bao gồm 04 nội dung cơ bản



- *Nhận diện nợ xấu*: Nhận diện nợ xấu là việc phát hiện, xác định nợ xấu trên cơ sở các tiêu chí để nhận diện nợ xấu. Việc xác định đúng về con số và bản chất nợ xấu là một khâu quan trọng tác động đến tất cả các khâu còn lại của quá trình quản lý nợ xấu. Nhận diện nợ xấu chủ yếu thông qua đánh giá lại các khoản tín dụng và phụ thuộc vào tiêu chí xác định nợ xấu do Cơ quan quản lý Ngân hàng từng quốc gia và hệ thống tiêu chí nội bộ do ngân hàng xây dựng.

- *Đo lường nợ xấu*: Sau khi các khoản nợ xấu đã nhận diện, các NHTM sẽ tiến hành đo lường, đánh giá nợ xấu. Mục đích chính của đo lường nợ xấu là xác định mức độ rủi ro, khả năng không trả được nợ của khách hàng, đánh giá mức độ tác động của nợ xấu đến hoạt động, kết quả kinh doanh của ngân hàng. Từ đó, xác định các biện pháp để xử lý phù hợp.

- *Ngăn ngừa nợ xấu*: Trên cơ sở các khoản nợ xấu được đo lường, đánh giá, ngân hàng sẽ phải sử dụng các biện pháp nhằm giữ nợ xấu trong phạm vi mà ngân hàng chấp nhận đã được xác định trong từng giai đoạn.

- *Xử lý nợ xấu*: Trên cơ sở chính sách nợ xấu, xác định được nợ xấu, việc xử lý nợ xấu cần phải được lập kế hoạch và triển khai các biện pháp đồng bộ đảm bảo hiệu quả về mặt thời gian và chi phí.

1.3.2.2. Tổ chức bộ máy quản lý nợ xấu

Một ngân hàng có cơ cấu tổ chức quản lý RRTD tốt, phù hợp tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế và một phương thức quản lý rủi ro bài bản góp phần quan trọng

nâng cao hiệu quả quản lý nợ xấu. Do đó, các ngân hàng luôn cơ cấu, sắp xếp lại bộ máy tổ chức tín dụng, hoàn thiện cơ chế quản lý RRTD nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động tín dụng.

- Quản lý nợ xấu là cả một quá trình, tập hợp nhiều hoạt động khác nhau, liên quan chặt chẽ với nhau. Chính vì vậy, việc phân cấp là rất cần thiết để kết hợp được các hoạt động trong một tổng thể, kế thừa, hỗ trợ cho nhau sẽ có tác động đáng kể đến quản lý nợ xấu.

- Công tác tổ chức quản lý nợ xấu được thực hiện chặt chẽ, khoa học sẽ phát huy năng lực, sức mạnh của từng cá nhân, hạn chế được những mặt yếu của họ, liên kết các cá nhân trong toàn ngân hàng, loại bỏ được những rủi ro đạo đức nghề nghiệp, khai thác tối đa mọi nguồn lực phục vụ cho công tác quản trị, đồng thời tạo ra được cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ và chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Giám đốc thì hạn chế được những rủi ro trong việc quản lý.

Mô hình tổ chức bộ máy quản lý nợ xấu có tác động trực tiếp đến lập kế hoạch và triển khai xử lý nợ xấu. Với mô hình tổ chức được phân rõ chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, đặc biệt là bộ phận xử lý nợ sẽ giúp công tác triển khai quản lý nợ hiệu quả hơn, chuyên nghiệp hơn.

1.3.2.3. Tổ chức triển khai thực hiện chính sách và biện pháp quản lý nợ xấu

** Phòng ngừa nợ xấu*

- Chấm điểm tín dụng khách hàng

Ngân hàng phải tiến hành phân loại khách hàng, chấm điểm tín dụng với từng đối tượng khách hàng dựa trên các tiêu chí định tính cũng như định lượng. Đa phần các Ngân hàng đều có tiêu chí xếp loại và phân loại nợ theo nhóm khách hàng để phân tích và đánh giá rủi ro tín dụng. Nợ của khách hàng nhóm A được coi có rủi ro thấp nhất, còn nợ khách hàng nhóm D được coi là có khả năng mất vốn cao nhất.

Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ bao gồm các chỉ tiêu về tài chính, phi tài chính được lượng hóa theo thang điểm 100. Theo đó, việc phân loại khách hàng sẽ được phân chia thành mười mức khác nhau, trên cơ sở đó NHTM sẽ thực hiện xác định, phân loại các khoản vay của những khách hàng này theo năm nhóm nợ tương ứng, cụ thể :

Bảng 1.1 – Phân loại khách hàng, phân loại nợ

Tổng số điểm		Xếp hạng	Phân loại nợ
Từ	Đến		
91	100	AAA	Đủ tiêu chuẩn
81	90	AA	Đủ tiêu chuẩn
71	80	A	Đủ tiêu chuẩn
66	70	BBB	Cần chú ý
61	65	BB	Cần chú ý
56	60	B	Dưới tiêu chuẩn
51	55	CCC	Dưới tiêu chuẩn
46	50	CC	Nghi ngờ
41	45	C	Nghi ngờ
0	40	D	Có khả năng mất vốn

Theo đó, các khách hàng được xếp loại từ BBB đến D thì các khoản vay của các khách hàng này tương ứng sẽ được xác định là nợ xấu.

Ngoài ra, Ngân hàng cũng có thể kiểm soát tín dụng bằng giới hạn tín dụng, giải ngân kèm chứng từ hàng hóa... để hạn chế tổn thất trong cho vay. Triển khai các công cụ kiểm soát mới đồng thời làm chi phí hoạt động của Ngân hàng tăng lên, nhưng sẽ làm giảm tổn thất mà các rủi ro mang lại. Các tổn thất này lớn hơn chi phí hoạt động của các công cụ này thì sẽ mang lại lợi nhuận, hiệu quả cho chính Ngân hàng.

- Nâng cao chất lượng thẩm định tín dụng

Ngân hàng phải tiến hành hoạt động thẩm định đối với dự án vay, khách hàng vay trước khi cho vay, trong cho vay và sau khi cho vay. Ngân hàng dùng các biện pháp để kiểm tra tính khả thi và sinh lợi của dự án, kiểm tra khả năng tài chính của khách hàng đi vay, theo dõi thường xuyên tình hình hoạt động của dự án sau khi giải ngân để từ đó đưa ra những nhận xét, đánh giá về khả năng thu hồi vốn, cả gốc và lãi từ dự án. Khi đến kì hạn trả nợ, nếu nhận thấy khách hàng cố tình chây ỳ, lừa đảo, không có thiện ý hoàn trả nợ... thì Ngân hàng phải tiến hành thu nợ. Còn nếu khách hàng có thiện ý trả nợ nhưng gặp khó khăn tạm thời thì Ngân hàng có thể tiến

hàng các biện pháp hỗ trợ khách hàng như giảm lãi suất, gia hạn nợ, tiếp tục cho vay để khách hàng thu lợi nhuận trả Ngân hàng.

- Kiểm tra, giám sát hoạt động cho vay

Kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo rằng khách hàng vay khó làm những việc rủi ro từ khoản vay của ngân hàng, đảm bảo chính sách cho vay của ngân hàng một cách lành mạnh. Kiểm tra, giám sát hoạt động cho vay giúp cho các ngân hàng nhận ra vấn đề nhanh chóng khi có các biểu hiện rủi ro tín dụng. Đồng thời có tác dụng kiểm tra thường xuyên đối với bản thân cán bộ tín dụng. Ngân hàng thực hiện kiểm tra sử dụng vốn vay sau khi giải ngân, kiểm tra hoạt động kinh doanh doanh của khách hàng vay theo định kỳ.

** Xử lý nợ xấu*

- Tái cơ cấu lại nợ

Đối với các khoản nợ xấu của khách hàng là doanh nghiệp, sau khi phân tích thực trạng tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh, nếu đánh giá khách hàng có khả năng phát triển để thanh toán nợ xấu cho Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ áp dụng biện pháp cấu trúc lại hay tái cơ cấu doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, Ngân hàng có thể áp dụng các phương pháp:

+ Điều chỉnh kỳ hạn nợ: Việc điều chỉnh kỳ hạn nợ thông thường được thực hiện thông qua việc hoãn hoặc/ và giảm khối lượng nợ gốc phải thanh toán của kỳ hạn trả nợ, nhưng không được giảm tổng số dư nợ phải trả. Nếu được sử dụng một cách cẩn thận, việc điều chỉnh kỳ hạn nợ là một hình thức được chấp nhận khi thực hiện tái cơ cấu lại nợ.

+ Gia hạn nợ: Đây là phương án tránh áp lực trả nợ cho khách hàng để hỗ trợ khách hàng tiếp tục kinh doanh. Ngân hàng cũng có thể xem xét cấp thêm tín dụng giúp khách hàng vượt qua khó khăn đồng thời tạo khả năng thu hồi các khoản nợ trước. Đây không phải là biện pháp tốt vì nó mang tính mạo hiểm cao.

+ Giảm, miễn một phần nợ lãi vay phải trả: Giải pháp này có thể được xem xét áp dụng tùy thuộc vào thiện chí trả nợ vay của khách hàng và tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của từng Ngân hàng. Việc giảm, miễn lãi đối với

khách hàng coi như sự hy sinh một phần doanh thu của Ngân hàng để có thể tận thu hồi được nguồn vốn đã cho vay.

- Chứng khoán hóa các khoản nợ xấu

Hiện nay, một kỹ thuật mới trong công tác xử lý nợ xấu đang được áp dụng rộng rãi trên thế giới là chứng khoán hóa các khoản nợ. Một cách đơn giản, chứng khoán hóa là quá trình tập hợp và tái cấu trúc các tài sản thiếu tính thanh khoản nhưng lại có thu nhập bằng tiền cao trong tương lai như các khoản phải thu, các khoản nợ rồi chuyển đổi chúng thành trái phiếu và đưa ra giao dịch trên thị trường tài chính. Chứng khoán hóa các khoản nợ là chuyển đổi một tập hợp có chọn lọc các khoản vay có thể chấp của Ngân hàng mà trước đó không có thị trường thứ cấp để giao dịch thành các chứng khoán khả mại, có thể bán trên thị trường thứ cấp. Ngân hàng có thể dùng kỹ thuật này để xử lý các khoản nợ xấu của mình nhưng cần có sự phát triển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán cùng giao dịch mua bán nợ. Đối mặt với áp lực rủi ro tín dụng và yêu cầu tăng vốn chủ sở hữu, công cụ quản lý rủi ro chứng khoán hóa các khoản cho vay đã giúp Ngân hàng hạn chế một cách có hiệu quả rủi ro tín dụng.

Công nghệ chứng khoán hóa hấp dẫn nhiều Ngân hàng, bởi vì thông qua đó mà Ngân hàng có thể rút ngắn được thời gian xử lý nợ xấu, tăng khả năng thanh khoản của tài sản, cung cấp một phương tiện tài trợ mới, giảm được các chi phí có tính chất thuế cũng như tăng thu nhập từ thuế.

Trước hết, nó giúp bổ sung, làm đa dạng hóa hàng hóa giao dịch trên sàn, giúp mở rộng quy mô thị trường. Chứng khoán hóa mở ra thêm một kênh huy động vốn cho các doanh nghiệp, mở cơ hội tiếp cận thị trường vốn và làm giảm chi phí tài trợ lẫn tối ưu hóa việc sử dụng vốn. Chứng khoán hóa tạo ra một nguồn tài trợ vốn dài hạn và có hiệu quả thông qua việc có thể được phát hành với kỳ hạn dài hơn các loại tài sản liên kết so với các khoản nợ của Ngân hàng hoặc các loại tín phiếu. Ngoài ra, chứng khoán hóa còn là phương thức giúp làm tăng thu nhập của các tổ chức phát hành và là công cụ đa dạng hóa rủi ro tốt nhất.

- Xử lý tài sản đảm bảo

Đối với những khoản nợ xấu không thể cơ cấu lại nợ, khách hàng không có khả năng phát triển, chây ì trong việc trả nợ... NHTM chủ động xử lý các tài sản đảm bảo nợ vay kể cả là bất động sản bao gồm đất đai, tài sản gắn liền với đất thuộc quyền định đoạt của Ngân hàng theo các hình thức sau: Bên bảo đảm trực tiếp bán tài sản cho người mua, NHTM trực tiếp bán tài sản cho người mua, bán thông qua tổ chức đấu giá.

Mặc dù biện pháp này là không mong muốn do việc phát mại tài sản đảm bảo hoặc đòi nợ bên bảo lãnh thường rất phức tạp với nhiều thủ tục, tốn nhiều thời gian, khả năng thu hồi đầy đủ nợ thường không cao, song Ngân hàng vẫn buộc phải thực hiện để thu hồi vốn. Cho đến nay, đây là một trong số các biện pháp thu hồi vốn có hiệu quả nhất cho các Ngân hàng, đặc biệt các khoản nợ do cơ sở pháp lý chưa đầy đủ, khách hàng lừa đảo Ngân hàng...

- Bán các khoản nợ

Căn cứ Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/05/2013 của Chính phủ quy định về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam; Và Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/09/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam, thì theo đó Tổ chức tín dụng có tỷ lệ nợ xấu từ 3% so với tổng dư nợ tín dụng trở lên phải bán nợ cho Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam.

Biện pháp này hiện nay được đa số các Ngân hàng sử dụng để giảm tỷ lệ nợ xấu cũng như buộc phải bán nợ xấu cho Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam.

Ngoài ra, một số Ngân hàng thành lập một tổ chức có tính chuyên môn cao gọi là Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản (AMC - Asset Management Company). Công ty này sẽ tiếp nhận các khoản nợ và thực hiện mua bán tiếp theo. VD: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank AMC)

AMC ra đời trước tiên nhằm phục vụ nhu cầu quản lý nợ và khai thác tài sản của Ngân hàng, làm lành mạnh và minh bạch hóa tình hình tài chính, đảm bảo kinh doanh an toàn và bền vững của Ngân hàng. Công ty có đầy đủ chức năng của một công ty xử lý nợ, bao gồm: tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng và tài sản bảo đảm nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất; Hoàn thiện hồ sơ có liên quan đến các khoản nợ theo quy định của pháp luật trình các cơ quan có thẩm quyền cho phép Ngân hàng xóa nợ cho khách hàng; Chủ động bán các tài sản bảo đảm nợ vay thuộc quyền định đoạt của Ngân hàng thương mại theo giá thị trường; Cơ cấu lại nợ tồn đọng; Xử lý các tài sản bảo đảm nợ vay; Mua bán, xử lý nợ tồn đọng của các đơn vị khác theo quy định của pháp luật,... Bên cạnh đáp ứng nhu cầu về xử lý nợ xấu của chính Ngân hàng, AMC sẽ sử dụng các kỹ năng chuyên sâu của mình để phục vụ nhu cầu xử lý nợ và tài sản tồn đọng của các doanh nghiệp khác, giúp nguồn vốn trong nền kinh tế lưu chuyển thông thoáng hơn, thay đổi diện mạo mới về cách thức giải quyết nợ thuộc toàn hệ thống Ngân hàng Việt Nam và đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế.

- Bù đắp bằng quỹ dự phòng rủi ro

Quỹ dự phòng rủi ro được trích lập từ nguồn lợi nhuận của các NHTM nhằm để bù đắp những tổn thất trong hoạt động kinh doanh. NHTM phải phân loại các khoản nợ xấu xem loại nào thì được xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro. Dự phòng rủi ro được tính theo dư nợ gốc và hạch toán vào chi phí hoạt động của TCTD.

Do tính chủ động cao nên biện pháp này được các Ngân hàng vận dụng tối đa nhằm xử lý nợ xấu nhanh chóng. Thực chất của biện pháp này là Ngân hàng sử dụng nội lực của mình để khắc phục gánh nặng nợ xấu nên ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Việc sử dụng quá nhiều biện pháp này làm giảm thu nhập của Ngân hàng trong khi vốn cho vay vẫn không thu hồi được. Vì vậy, Ngân hàng nên chú trọng vào các biện pháp thu hồi nợ có tính triệt để hơn.

- Khởi kiện hoặc yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp

Ngân hàng sẽ phải sử dụng đến biện pháp pháp lý để đòi nợ khi các biện pháp trên không khả thi. Ngân hàng có thể nhờ Tòa án can thiệp buộc khách hàng trả nợ,

chuyển giao TSĐB tiền vay hoặc nếu khách hàng là doanh nghiệp không trả được nợ thì ngân hàng với tư cách là chủ nợ có thể làm đơn xin tòa mở thủ tục tuyên bố phá sản theo Luật phá sản. Trên thực tế, việc phải sử dụng đến biện pháp này thường không đem lại hiệu quả cao cho việc đòi nợ của ngân hàng do thủ tục rắc rối, khách hàng thường không còn khả năng trả nợ, TSĐB có tranh chấp về pháp lý hoặc không đủ giá trị bù đắp cho khoản vay... Bên cạnh đó, liên quan đến tranh chấp sẽ gây hiệu ứng xấu đến uy tín, hình ảnh của ngân hàng trên thị trường. Tóm lại, có rất nhiều các biện pháp quản lý nợ xấu một NHTM có thể áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ cấp độ thấp hơn đến cấp độ cao hơn xét theo góc độ của từng ngân hàng.

1.3.2.4. Báo cáo, đánh giá kết quả quản lý nợ xấu

- Kết quả của công tác quản lý nợ xấu được thể hiện thông qua các mục tiêu. Các mục tiêu chính là thước đo để đo lường sự thành công hay thất bại của công tác quản lý. Các NHTM dựa trên nhiều yếu tố khác nhau để xác định mục tiêu về nợ xấu trong đó khả năng chấp nhận rủi ro của mỗi một NHTM sẽ là cơ sở chủ yếu. Các mục tiêu bao gồm tỷ lệ nợ xấu mục tiêu, tỷ lệ nợ xấu được xử lý. Để đạt được các mục tiêu đã đề ra ngân hàng sẽ có các biện pháp thực hiện trong từng giai đoạn cụ thể. Kết quả của công tác quản lý nợ xấu sẽ được đánh giá khách quan thông qua việc đạt hay không đạt các mục tiêu này.

- Đảm bảo sự chặt chẽ và độc lập của các khâu trong quá trình quản lý

Quá trình quản lý nợ xấu đòi hỏi sự kết hợp của rất nhiều khâu, nhiều công đoạn trong quá trình hoạt động từ việc ban hành chính sách tín dụng, thực hiện quy trình tín dụng, kiểm tra và giám sát. Giữa các khâu phải có sự phân công trách nhiệm rõ ràng, không chồng chéo, chặt chẽ và khoa học nhằm hạn chế sự xung đột lợi ích giữa các bộ phận làm giảm hiệu quả quản lý nợ xấu của ngân hàng.

- Đảm bảo tính chính xác và kịp thời của việc nhận diện, ngăn ngừa nợ xấu

Công tác nhận diện, ngăn ngừa nợ xấu có hiệu quả sẽ góp phần giảm khối lượng gánh nặng cho các khâu tiếp theo. Tính chính xác, kịp thời là yêu cầu tối ưu của công đoạn này. Những khoản nợ có dấu hiệu bất thường cần được theo dõi và được xếp vào nhóm nợ phù hợp và có các giải pháp ngăn ngừa kịp thời. Nguồn thông tin phong phú, tin cậy, nhanh chóng là cơ sở đảm bảo thực hiện chỉ tiêu này.

- Lựa chọn biện pháp xử lý nợ xấu hiệu quả, linh hoạt

Khi khoản vay được xếp vào nợ xấu, nó sẽ được chuyển sang bộ phận quản lý nợ xấu xử lý. Việc lựa chọn biện pháp thu hồi, xử lý sẽ được đưa ra trên cơ sở nghiên cứu tình hình khách hàng hiện tại nhằm hạn chế thấp nhất tổn thất cho ngân hàng. Mỗi khoản nợ xấu sẽ được nghiên cứu để tìm ra cách thức xử lý phù hợp nhất. Việc quản lý nợ xấu đòi hỏi phải theo dõi, đôn đốc và kiểm tra thường xuyên để có giải pháp thích hợp. Biện pháp xử lý được lựa chọn hiệu quả và linh hoạt khi nợ xấu được giải quyết dứt điểm với chi phí thấp.

1.3.3. Nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý nợ xấu của NHTM

1.3.3.1. Nhân tố thuộc về chi nhánh Ngân hàng cho vay

- *Trình độ, kinh nghiệm của cán bộ làm công tác quản lý nợ xấu*

Con người là nhân tố quan trọng nhất quyết định chất lượng quản lý nợ xấu, bởi vì con người là chủ thể trực tiếp tổ chức và thực hiện hoạt động tài chính theo phương pháp, kỹ thuật của mình. Con người là trung tâm liên kết, phối hợp các nhân tố khác trong quản lý, chi phối các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nợ xấu.

+ Quản lý nợ xấu còn là việc phát hiện, đưa ra các dấu hiệu dẫn đến rủi ro tín dụng trên quan điểm cá nhân nhưng chất lượng quản trị lại ảnh hưởng đến tài sản của cả ngân hàng. Trong công tác quản trị của ngân hàng, cán bộ quản lý là người trực tiếp thu nhận thông tin từ các nguồn và thực hiện toàn bộ quy trình quản lý. Việc lấy thông tin thế nào, chất lượng ra sao hoàn toàn do người quản lý quyết định, áp dụng phương pháp quản trị gì, các chỉ tiêu nào, kỹ thuật phân tích ra sao cũng phụ thuộc vào kinh nghiệm và trình độ của người quản lý.

+ Quản lý nợ xấu không phải công việc đơn giản, đòi hỏi cán bộ quản lý không những phải có kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ, am hiểu các lĩnh vực cho vay, đầu tư của ngân hàng mà còn phải nắm vững các kiến thức về kinh tế, pháp luật, tâm lý học... và phải nhanh nhạy trong thực tế. Bên cạnh đó, tính kỷ luật cao và phẩm chất đạo đức tốt của người quản lý cũng đảm bảo chất lượng quản lý nợ xấu, sự an toàn trong hoạt động cho vay, mối quan hệ giữa khách hàng với ngân hàng. Kinh nghiệm của cán bộ quản lý cũng ảnh hưởng không nhỏ tới việc quản lý nợ

xấu, như qua nhiều lần tiếp xúc với khách hàng họ có thể đánh giá được khách hàng nào là trung thực, khách hàng nào thiếu trung thực nhờ biết quan sát, phân tích, đánh giá tâm lý và nhận diện được khách hàng, từ đó đưa ra kết luận quản trị hoàn chỉnh hơn.

+ Với xu thế phát triển kinh tế của đất nước, trong tiến trình hội nhập nhanh, chắc chắn sẽ tạo ra sự cạnh tranh gay gắt, đặc biệt là nhân tài trong đó người làm công tác quản trị được quan tâm hàng đầu. Chính vì vậy, đòi hỏi các ngân hàng phải không ngừng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ ngân hàng nói chung và cán bộ quản lý nợ xấu nói riêng.

- Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ

Công tác kiểm tra nội bộ Ngân hàng có điểm mạnh ở tính thời gian vì nó nhanh chóng, kịp thời ngay khi vừa phát sinh vấn đề và tính sâu sát của người kiểm tra viên, do việc kiểm tra được thực hiện thường xuyên cùng với công việc kinh doanh. Nhưng trong thời gian trước đây, công việc kiểm tra nội bộ của các Ngân hàng hầu như chỉ tồn tại trên hình thức, làm gia tăng thêm rủi ro cho Ngân hàng. Đây cũng là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý nợ xấu.

- Tổ chức công tác quản lý nợ xấu

Công tác tổ chức quản lý nợ xấu được thực hiện chặt chẽ, khoa học sẽ phát huy năng lực, sức mạnh của từng cá nhân, và thống nhất từ trung ương đến các chi nhánh, phòng ban thì sẽ mang lại hiệu quả rất lớn cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Sự thống nhất, chặt chẽ giữa các cấp sẽ làm giảm nợ xấu trong quy trình tín dụng, giảm thiệt hại cho Ngân hàng.

Đây cũng là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý nợ xấu.

- Hệ thống thu thập và xử lý thông tin

+ Trong quá trình quản lý nợ xấu, ngân hàng phải tiến hành thu thập các tài liệu, thông tin cần thiết cho việc phân tích, đánh giá khách hàng, dự án và tiến hành sắp xếp các thông tin một cách hợp lý, khoa học theo các nội dung của quy trình quản lý. Để có những kết quả tính toán chính xác về hiệu quả dự án, phương án thì cán bộ quản lý RRTD cần phải có lượng thông tin đầy đủ, chính xác về dự án, phương án trên nhiều mặt, nhiều góc độ khác nhau.

+ Thông tin không chính xác thì việc quản lý không có ý nghĩa. Sự thiếu thông tin sẽ khiến cho việc quản lý có chất lượng không tốt hoặc không thể tiến hành quản lý được, những thông tin không cân xứng sẽ dẫn tới chọn lựa đối nghịch, gây rủi ro cho ngân hàng. Tính kịp thời của thông tin cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng quản lý vì nó không chỉ ảnh hưởng đến quan hệ của ngân hàng với khách hàng mà còn có thể làm mất đi cơ hội tài trợ cho dự án tốt trong điều kiện cạnh tranh gay gắt hiện nay.

1.3.3.2. Nhân tố thuộc về Hội sở chính ngân hàng

- Ban hành văn bản, chính sách quản lý nợ xấu

+ Hiện nay hầu như chưa có NHTM nào ban hành chiến lược, chính sách phát triển và quản lý nợ xấu của một ngân hàng một cách đầy đủ bằng văn bản. Tất cả các chỉ đạo từ Hội sở chính NHTM mới chỉ là từ văn bản hướng dẫn thi hành quy chế cho vay, bảo lãnh, bảo đảm tiền vay và các quy chế khác. Các Hội sở chính NHTM chưa thực sự làm tốt công tác dự báo và định hướng cho các chi nhánh trong từng giai đoạn phát triển kinh tế. Kế hoạch tín dụng chỉ mang tính thủ tục. Những khuyến cáo về các ngành không nên cho vay, đầu tư hay không chế thường chỉ được đưa ra sau khi nợ xấu đã phát sinh ở một số chi nhánh khác hay tín dụng đã tăng trưởng đến mức nóng.

+ Các ngân hàng cũng không có chính sách cho vay thận trọng đối với doanh nghiệp có vấn đề... Có những doanh nghiệp chỉ gặp khó khăn mang tính tạm thời, nếu được ngân hàng hỗ trợ vốn với loại sản phẩm, kỳ hạn phù hợp và tư vấn nâng cao hiệu quả kiểm soát chi phí, kiểm soát vốn thì có thể phục hồi và trả được nợ cho ngân hàng.

+ Tầm nhìn chiến lược không tốt của các ngân hàng cũng là nguyên nhân của tình trạng cạnh tranh thu hút khách hàng bằng cách giảm giá. Lãi suất cho vay được giảm bất chấp rủi ro là một yếu tố tác động lớn đến tính rủi ro trong hoạt động tín dụng của các ngân hàng.

- *Đầu tư trang thiết bị kỹ thuật, công nghệ*

Cùng với sự phát triển nhanh của công nghệ thông tin, các ngân hàng không ngừng đưa nhanh các ứng dụng của công nghệ vào trong hoạt động của ngân hàng

và hiện đại hóa hệ thống thông tin của mình. Bằng các trang thiết bị hiện đại ngày nay đã hỗ trợ nhiều trong công tác quản lý nợ xấu. Sự phát triển của các máy tính hiện đại và việc ứng dụng các phần mềm chuyên dụng giúp các ngân hàng lưu trữ được cơ sở dữ liệu lịch sử lớn, nhất quán của khách hàng, từ đó tính toán các chỉ tiêu nhanh chóng, chính xác hơn, rút ngắn được thời gian quản lý nợ xấu. Với sự trợ giúp của các trang thiết bị hiện đại, ngân hàng có thể giải quyết được một khối lượng lớn thông tin xung quanh các dự án, phương án, có khả năng truy cập nhanh chóng vào các cơ sở dữ liệu, khai thác các thông tin cần thiết cho quản lý, áp dụng các phương pháp quản lý tài chính hiện đại, sử dụng những mô hình ma trận, hàm số phức tạp nhưng vẫn có thể tính toán, phân tích và dự đoán một cách nhanh chóng, chính xác. Do đó, chất lượng quản trị nợ xấu ngày một nâng cao.

1.3.3.3. Nhân tố thuộc về khách hàng vay vốn

Khi doanh nghiệp vay tiền Ngân hàng để triển khai, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, với một dự án đầy khả thi và với tư duy quản lý, kinh doanh tiên tiến thì sẽ mang lại hiệu quả cho dự án, đảm bảo trả đủ cả gốc và lãi cho Ngân hàng. Còn với tư duy kinh doanh hạn chế thì dù với một dự án đầy triển vọng thì cũng sẽ thất bại làm gia tăng nợ xấu cho Ngân hàng.

Việc thu hồi được nợ vay còn phụ thuộc lớn vào thiện chí trả nợ của khách hàng. Đa số các doanh nghiệp khi vay vốn Ngân hàng đều có các phương án kinh doanh cụ thể, khả thi. Số lượng các doanh nghiệp sử dụng vốn sai mục đích, cố ý lừa đảo Ngân hàng để chiếm đoạt tài sản không nhiều. Tuy nhiên những vụ việc phát sinh lại hết sức nặng nề, liên quan đến uy tín của các cán bộ, làm ảnh hưởng xấu đến các doanh nghiệp khác.

1.3.3.4. Nhân tố thuộc về môi trường kinh doanh

- Môi trường kinh tế - xã hội: Với những nền kinh tế nhỏ bé, sản xuất công nghiệp còn lạc hậu, chủ yếu là thành phẩm đơn giản như dầu thô, may gia công, chế biến thực phẩm và nguyên liệu... thì rất dễ bị tổn thương khi nền kinh tế thế giới biến động mạnh. Nếu thế giới ít biến động thì hoạt động của các doanh nghiệp cũng được đảm bảo, khả năng trả nợ cho Ngân hàng càng cao. Còn thế giới biến động

manh mẽ: giá cả, tỷ giá, hạn ngạch, thuế... thì hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sẽ gặp rất nhiều khó khăn, thậm chí là có nguy cơ phá sản, mất khả năng thanh toán cho Ngân hàng.

Không chỉ xuất khẩu, các mặt hàng nhập khẩu cũng dễ bị tổn thương không kém. Mặt hàng sắt thép cũng bị ảnh hưởng lớn của giá thép thế giới. Việc tăng giá phôi thép làm cho một số doanh nghiệp sản xuất thép trong nước phải ngưng sản xuất do chi phí giá thành rất cao trong khi không tiêu thụ được sản phẩm.

- Môi trường tự nhiên:

Đối với những nền kinh tế lệ thuộc nhiều vào sản xuất nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi... thì rất nhạy cảm với sự thay đổi của thời tiết, của môi trường tự nhiên mà điển hình là Việt Nam. Nếu như thời tiết thuận lợi, cây trồng đạt năng suất, vật nuôi không bị dịch bệnh, khỏe mạnh... thì khả năng thu hồi vốn từ người đi vay là rất lớn. Còn ngược lại, môi trường tự nhiên, khí hậu, thời tiết, đất đai, nguồn nước không thuận lợi, lại chịu ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt, hạn hán thì dự án sẽ thất bại, không thu hồi được vốn, nợ xấu phát sinh.

- Môi trường pháp lý:

+ Hành lang pháp lý rõ ràng, thuận lợi và đủ mạnh thì sẽ góp phần làm minh bạch quy trình tín dụng, lành mạnh hoạt động của doanh nghiệp và Ngân hàng, hạn chế rủi ro tín dụng phát sinh. Còn ngược lại, hành lang pháp lý chưa phù hợp, còn nhiều bất cập sẽ tạo điều kiện cho những khuất tất trong hoạt động tín dụng.

+ Hiệu quả hoạt động của cơ quan pháp luật địa phương trong việc triển khai áp dụng các văn bản pháp luật của Quốc hội, chính phủ và NHNN vào thực tế hoạt động. Luật và các văn bản đã có song việc triển khai vào hoạt động Ngân hàng thì lại hết sức chậm chạp và còn gặp phải nhiều vướng mắc bất cập như một số văn bản về việc cưỡng chế thu hồi nợ. Điều đó làm gia tăng dư nợ xấu, làm giảm doanh thu của Ngân hàng. Nếu việc áp dụng các luật, văn bản dưới luật sẵn có vào hoạt động kinh doanh tiền tệ của Ngân hàng nhanh chóng, đúng thời điểm, nghiêm túc, không còn vướng mắc thì hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và Ngân hàng sẽ diễn ra nhanh chóng, thuận lợi.

+ Thanh tra, giám sát hoạt động của NHTM thường xuyên, chủ động, đáp ứng được yêu cầu, đúng nội dung và phương pháp thì sẽ ngăn ngừa được các khoản nợ xấu phát sinh.

Ngược lại, năng lực cán bộ thanh tra, giám sát chưa đáp ứng được yêu cầu, thậm chí một số nghiệp vụ kinh doanh và công nghệ mới Thanh tra Ngân hàng còn chưa theo kịp. Nội dung và phương pháp thanh tra, giám sát lạc hậu, chậm được đổi mới. Vai trò kiểm toán chưa được phát huy và hệ thống thông tin chưa được tổ chức một cách hữu hiệu. Do vậy mà có những sai phạm của các NHTM không được thanh tra NHNN cảnh báo, có biện pháp ngăn chặn từ đầu, để đến khi hậu quả nặng nề đã xảy ra rồi mới can thiệp. Hàng loạt các sai phạm về cho vay, bảo lãnh tín dụng ở một số NHTM dẫn đến những rủi ro rất lớn, có nguy cơ đe dọa sự an toàn của cả hệ thống lẽ ra có thể đã được ngăn chặn ngay từ đầu nếu bộ máy thanh tra phát hiện và xử lý sớm hơn.

Đây cũng là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý nợ xấu.

1.4. Kinh nghiệm trong quản lý nợ xấu của một số nước và bài học rút ra cho Việt Nam

1.4.1. Kinh nghiệm về quản lý nợ xấu của một số nước

1.4.1.1. Kinh nghiệm quản lý nợ xấu của Trung Quốc

Theo quy định của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (với tư cách là Ngân hàng Trung ương), bộ phận tín dụng của NHTM cần phải có các quy trình kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay, kịp thời thu thập thông tin để phân loại, thiết lập và hoàn chỉnh hồ sơ phân loại, kịp thời đề xuất kiến nghị kiểm tra lại; chịu trách nhiệm về tính chân thực, tính chuẩn xác, tính hoàn chỉnh của các dữ liệu phân loại đã cung cấp; tiến hành phân loại sơ bộ tài sản theo tiêu chuẩn phân loại, đề xuất ý kiến và lý do phân loại; định kỳ báo cáo cho bộ phận quản lý rủi ro những thông tin phân loại của bộ phận tín dụng; căn cứ vào kết quả phân loại tiến hành quản lý các khoản tín dụng có sự phân biệt trong quản lý đối với từng khoản tín dụng, thực hiện các biện pháp cải tiến, loại trừ và xử lý rủi ro.

Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc đã ban hành Hướng dẫn trích lập dự phòng tổn thất cho vay, yêu cầu các NHTM kiểm tra định kỳ đối với các loại tài sản dựa trên nguyên tắc thận trọng dự kiến một cách hợp lý các khoản tài sản có khả năng phát sinh tổn thất và trích lập dự phòng giảm giá tài sản đối với các tài sản có khả năng phát sinh tổn thất như dự phòng tổn thất cho vay,... Đồng thời, theo đó các khoản tín dụng được phân thành 5 nhóm: nợ đủ tiêu chuẩn (nhóm 1), nợ cần chú ý (nhóm 2), nợ dưới tiêu chuẩn (nhóm 3), nợ nghi ngờ (nhóm 4), nợ có khả năng mất vốn (nhóm 5), trong đó nợ nhóm 3, 4, 5 được gọi là nợ xấu. Việc trích lập dự phòng tổn thất cho vay bao gồm: dự phòng chung và dự phòng cụ thể:

- Dự phòng chung được trích hàng tháng và được xác định bằng 1% số dư cuối kỳ của các khoản tín dụng.

- Dự phòng cụ thể: Vào cuối tháng, dựa theo kết quả phân loại nợ và sau khi khấu trừ giá trị tài sản thế chấp, NHTM trích lập dự phòng cụ thể theo số dư các khoản tín dụng với tỷ lệ như sau: nhóm 1: 0%; nhóm 2: 2%; nhóm 3: 25%; nhóm 4: 50%; nhóm 5: 100%. Khi phân loại các khoản tín dụng, NHTM Trung Quốc chủ yếu dựa trên cơ sở khả năng trả nợ và dòng tiền thuần, thiện trí trả nợ, tài sản đảm bảo, trách nhiệm pháp luật về thanh toán nợ vay của khách hàng, tình hình quản lý tín dụng của ngân hàng,...

1.4.1.2. Kinh nghiệm xử lý nợ xấu của Hàn Quốc

Từ năm 1996 - 1999 tại Hàn Quốc có 56 ngân hàng hoạt động. Khủng hoảng tài chính năm 1997 xảy ra đã làm cho 16 ngân hàng trong số đó (chiếm 28,5%) bị đình chỉ hoạt động, 18 ngân hàng (chiếm 32%) đặt dưới sự giám sát chặt chẽ của Chính phủ vì xuất hiện dấu hiệu nguy cơ khủng hoảng và phá sản.

Tình hình nợ xấu của các tổ chức tài chính Hàn Quốc giai đoạn hậu khủng hoảng qua bảng số liệu sau:

Bảng 1.2. Nợ xấu của các ngân hàng Hàn Quốc

Chỉ tiêu	3/1998	12/1999	12/2000	12/2001	12/2002
Nợ xấu (nghìn tỷ won)	86,0	61,1	42,1	18,8	15,1
Nợ xấu/ Tổng dư nợ (%)	16,8	12,9	8,0	3,4	2,3
Nợ xấu/GDP (%)	19,4	12,6	8,1	3,5	2,5
Tổng dư nợ (nghìn tỷ won)	512,1	474,0	526,1	551,2	648,2
GDP (nghìn tỷ won)	444,4	482,7	522,0	545,0	596,4

(Nguồn: *Bản tin kinh tế tháng 5/2012, Tổng kết tháng và Bản tin tuần FSS*)

Trước tình hình trên các NHTM Hàn Quốc đã thực hiện các biện pháp quản lý nợ xấu, bao gồm:

Thứ nhất, cơ cấu lại khu vực tài chính ngân hàng. Hàn Quốc được đánh giá là khá thành công trong việc cơ cấu lại khu vực tài chính ngân hàng. Những công ty và ngân hàng không có khả năng tiếp tục hoạt động độc lập đều được tiến hành sáp nhập, giải thể. Việc xử lý tài sản của các NHTM bị sáp nhập diễn ra theo hướng: Tài sản tốt chuyển cho ngân hàng sáp nhập, tài sản xấu được chuyển cho công ty quản lý nợ xấu để xử lý dần. Đối với các NHTM yếu kém buộc phải giải thể thì ngoài việc ngân hàng dùng quỹ DPRR hoặc vốn điều lệ để bù đắp các khoản tổn thất thì công ty bảo hiểm tiền gửi Hàn Quốc sẽ thực hiện nghĩa vụ chi trả tiền gửi theo qui định. Ngoài ra, Chính phủ có thể mua cổ phần của các NHTM gặp khó khăn. Nhưng sau đó, theo thời hạn qui định, NHTM phải bán cổ phần của nhà nước cho khu vực tư nhân. Nếu không thực hiện được thì ngân hàng đó phải sáp nhập vào ngân hàng khác.

Thứ hai, thành lập hệ thống thanh tra, giám sát. Ngày 1/4/1998 Hàn Quốc thành lập Ủy ban ổn định tài chính (FSB). Thực chất FSB được tách khỏi ngân hàng Hàn Quốc và thực hiện giám sát toàn bộ hoạt động của các định chế tài chính. FSB được chia thành các tiểu ban để giám sát trên từng lĩnh vực. Theo đó, Ủy ban Giám sát tài chính sẽ thanh tra tất cả các ngân hàng (ngoại trừ ngân hàng đầu tư dài hạn, ngân hàng công nghiệp, ngân hàng xuất nhập khẩu). Các thành viên trong Ban giám sát ngân hàng thực hiện việc thanh tra toàn diện và được lựa chọn hàng năm.

Thứ ba, thành lập công ty quản lý tài sản. Công ty Quản lý Tài sản Hàn Quốc (KAMCO) được thành lập vào tháng 4 năm 1962 với tư cách là một chi nhánh của Ngân hàng Phát triển Hàn Quốc (KDB). Nhiệm vụ chính ban đầu của tập đoàn là thanh lý những tài sản xấu của KDB. Năm 1966, qui mô hoạt động của KAMCO được mở rộng bằng việc xử lý những tài sản xấu của các thể chế tài chính và nó dần dần trở thành một công ty chuyên quản lý tài sản bất động sản. KAMCO bắt đầu quá trình mua lại khoản nợ xấu 4,4 nghìn tỷ won của Ngân hàng Seoul và ngân hàng KFB. Đây là hai NHTM quan trọng nhất trong hệ thống ngân hàng ở Hàn Quốc và không có khả năng trả nợ từ 26/11/1997. Giao dịch tiếp theo được thực hiện hai ngày sau đó với việc mua lại khoản nợ xấu 2,7 nghìn tỷ won từ 30 ngân hàng thương mại khác.

1.4.1.3. Kinh nghiệm quản lý nợ xấu của Thái Lan

Trong khi đó, để quản lý tốt nợ xấu của quốc gia mình, Chính phủ Thái Lan đã thực thi một số chính sách tích cực để tháo gỡ khó khăn, giảm thiểu nợ xấu trong hệ thống Ngân hàng, đặc biệt là xử lý các tài sản thế chấp.

Chính phủ cho phép các NHTM, mỗi Ngân hàng được mua tối đa 10% vốn điều lệ. Trong từng trường hợp cần thiết, Chính phủ có thể mua cổ phiếu của các Ngân hàng gặp khó khăn và cần thiết sát nhập giải thể. Đồng thời, Nhà nước cho phép thành lập Quỹ phát triển và phục hồi tài chính cho Bộ Tài Chính quản lý để phát hành trái phiếu dùng để mua cổ phần của các NHTM, công ty tài chính, nếu không đáp ứng được yêu cầu sẽ kêu gọi nước ngoài mua cổ phần.

Để cơ cấu lại nợ và dự phòng rủi ro, Chính phủ thành lập “Ủy ban cơ cấu lại khu vực tài chính tư nhân”. Về cơ cấu lại nợ, có 3 biện pháp:

- Điều chỉnh, sửa lại hợp đồng vay vốn như hạ lãi suất vay, giảm gốc vốn vay, tăng thời hạn vay, hoặc yêu cầu con nợ chuyển giao tài sản thế chấp để bán, chấp nhận lỗ để xóa nợ.

- Kết hợp giữa việc điều chỉnh lại hợp đồng với việc chuyển giao tài sản thế chấp để xử lý.

- Giãn nợ khi con nợ tạm thời gặp khó khăn trong thu chi tài chính, sản xuất kinh doanh.

Việc phân loại nợ quá hạn để dự phòng rủi ro được tính theo 5 loại:

- Loại 1: Nợ quá hạn bình thường, trong thời gian 1 tháng không thu được, tỷ lệ dự phòng rủi ro là 1%.
- Loại 2: nợ quá hạn không bình thường, trong thời hạn từ 1 đến 3 tháng không thu được, tỷ lệ dự phòng rủi ro là 2%
- Loại 3: Nợ quá hạn dưới tiêu chuẩn bình thường, trong hạn từ 3 đến 6 tháng không thu được, tỷ lệ dự phòng rủi ro là 20%
- Loại 4: Nợ khó đòi, trong thời hạn từ 6 đến 12 tháng không thu được, tỷ lệ dự phòng rủi ro là 50%
- Loại 5: Nợ quá hạn mất trắng, trên 12 tháng không thu được, tỷ lệ dự phòng rủi ro là 100%

Việc trích lập dự phòng rủi ro được thực hiện 6 tháng 1 lần, chính vì vậy, Chính phủ Thái Lan đã có thể quản lý tốt nợ xấu trong hệ thống Ngân hàng của mình.

1.4.2. Bài học kinh nghiệm cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội

Từ các kinh nghiệm quản lý nợ xấu ở một số quốc gia trên thế giới, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm quý báu trong quản lý nợ xấu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam nói chung và của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội nói riêng như sau:

Thứ nhất, tuân thủ chặt chẽ việc phân loại tín dụng theo thông lệ quốc tế hướng tới lượng hoá RRTD, nhằm nâng cao khả năng quản lý nợ xấu, tập trung xử lý các khoản nợ xấu có hiệu quả, đồng thời ngăn chặn có hiệu quả các khoản nợ xấu phát sinh trong tương lai. Việc xử lý nợ xấu cần có lộ trình cụ thể và tuân thủ thời hạn đã đề ra.

Thứ hai, việc xử lý nợ xấu trước đây tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chủ yếu là thông qua chi nhánh phát sinh khoản nợ tiến hành xử lý TSBĐ qua cơ quan pháp luật là Tòa án, Thi hành án mà Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản của Ngân hàng (Vietinbank AMC) chưa phát huy tác dụng. Từ năm 2013, Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) được thành lập để mua lại nợ của các TCTD và thanh toán bằng một loại trái phiếu đặc biệt, trái phiếu

này TCTD chỉ có thể sử dụng để vay tái cấp vốn từ Ngân hàng nhà nước. Tuy nhiên, việc này cũng chỉ mang tính chất nhất thời làm giảm tỷ lệ nợ xấu của các TCTD, trách nhiệm thu hồi nợ vẫn thuộc TCTD do đó chưa thể xử lý dứt điểm được nợ xấu. Bài học rút ra từ việc xử lý nợ xấu là cần nỗ lực từ chính NHTM nên cần phát huy đầy mạnh việc xử lý nợ xấu qua Công ty AMC.

Thứ ba, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội căn cứ vào khả năng vay trả và dòng tiền thuần, thiện trí trả nợ, tài sản đảm bảo, trách nhiệm pháp luật về thanh toán nợ vay của khách hàng, tình hình quản lý tín dụng của mình,... để tiến hành phân loại nợ không nhất thiết phải phân loại nợ khách hàng ở nhóm cao hơn theo thông tin do Trung tâm thông tín dụng Ngân hàng nhà nước CIC thông báo do KH có nợ nhóm cao hơn tại TCTD khác. Đối với các khoản nợ đã cơ cấu giữ nguyên nhóm nợ mà khách hàng vẫn không thanh toán đủ gốc lãi theo cam kết cần phân loại ngay vào nhóm 5 và trích lập DPRR theo quy định.

Thứ tư, việc xử lý nợ xấu phải đi đôi với ngăn chặn nợ xấu tái diễn trong tương lai. Việc ngăn chặn nguy cơ nợ xấu đối với Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đòi hỏi có các giải pháp tổng thể và các chính sách kinh tế vĩ mô phải lành mạnh. Ngân hàng cần quyết liệt chấn chỉnh hệ thống kiểm tra, giám sát nhằm gia tăng khả năng phòng ngừa rủi ro.

Thứ năm, một vấn đề nữa có thể thấy, đó là trong khi xử lý nợ xấu các NHTM phải chấp nhận tổn thất khá lớn, song với mục tiêu hạn chế tối đa thiệt hại và thu hồi vốn nhanh nhất.

KẾT LUẬN CHƯƠNG I

Kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ là một loại hình kinh doanh đặc biệt, chứa đựng nhiều rủi ro. Vì vậy nợ xấu được coi là một phần tất yếu trong hoạt động của hệ thống ngân hàng. Các ngân hàng thương mại sẽ phải coi hoạt động quản lý nợ xấu là nội dung quan trọng nhằm nâng cao năng lực tài chính và vị thế, uy tín của ngân hàng trên thị trường. Chương I của luận văn đã đề cập đến 3 nội dung cơ bản: Phần thứ nhất là tổng quan về tín dụng, rủi ro tín dụng tại Ngân hàng thương mại. Phần thứ hai là nợ xấu trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng thương mại. Phần thứ ba là quản lý nợ xấu của Ngân hàng thương mại và phần thứ tư là kinh nghiệm của một số nước trong quản lý nợ xấu, bài học rút ra cho Việt Nam. Trong đó, tác giả đã chỉ ra nợ xấu của ngân hàng thương mại do rất nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan và có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của các ngân hàng thương mại cũng như toàn bộ nền kinh tế. Vì vậy, để quản lý nợ xấu các ngân hàng thương mại phải thực hiện tốt 4 khâu: Nhận biết nguyên nhân của nợ xấu; Đo lường nợ xấu; Ngăn ngừa nợ xấu và xử lý nợ xấu. Những nội dung nghiên cứu này là tiền đề quan trọng để đối chiếu với thực trạng quản lý nợ xấu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh TP. Hà Nội sẽ đến đề cập đến trong chương II của luận văn. Trên cơ sở đó chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân đồng thời đề xuất các giải pháp của luận văn.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NỢ XẤU CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TP. HÀ NỘI

2.1. Tổng quan về Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam– Chi nhánh TP. Hà Nội

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

* Thông tin chung về Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Tên đầy đủ bằng tiếng việt: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam.

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Vietnam Joint Stock Commercial Bank For Industry And Trade.

Tên viết tắt bằng tiếng Anh (Tên giao dịch): VietinBank

Trụ sở chính của ngân hàng:

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Điện thoại: 04-39421030

Fax: 04-39421032

Website: www.vietinbank.vn

* **Chi nhánh Thành Phố Hà Nội (Vietinbank - Chi nhánh TP. Hà Nội)**

Địa chỉ: Số 6 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04-39349590

Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội ra đời ngay từ những ngày đầu thành lập NHCT năm 1988. Tên khai sinh của Chi nhánh là Sở giao dịch I. Tiền thân của Sở giao dịch I là Ngân hàng nghiệp vụ khu vực 1 Hà Nội, trực thuộc chi nhánh NHCT Thành phố Hà Nội. Năm 1988, nguồn vốn huy động đạt 42 tỷ đồng và 37 tỷ đồng dư nợ cho vay, sản phẩm dịch vụ ngân hàng nghèo nàn, đơn điệu, chủ yếu là cho vay ngắn hạn và huy động tiết kiệm. Từ tháng 12/1989 đến tháng 11 năm 1992, Ngân hàng nghiệp vụ khu vực 1 Hà Nội đổi tên thành Trung tâm giao dịch NHCT Hà Nội, nguồn vốn huy động đã đạt 270 tỷ và dư nợ cho vay là 125 tỷ đồng, đây cũng là năm, Trung tâm giao dịch NHCT Hà Nội triển khai hoạt động kinh doanh đối ngoại.

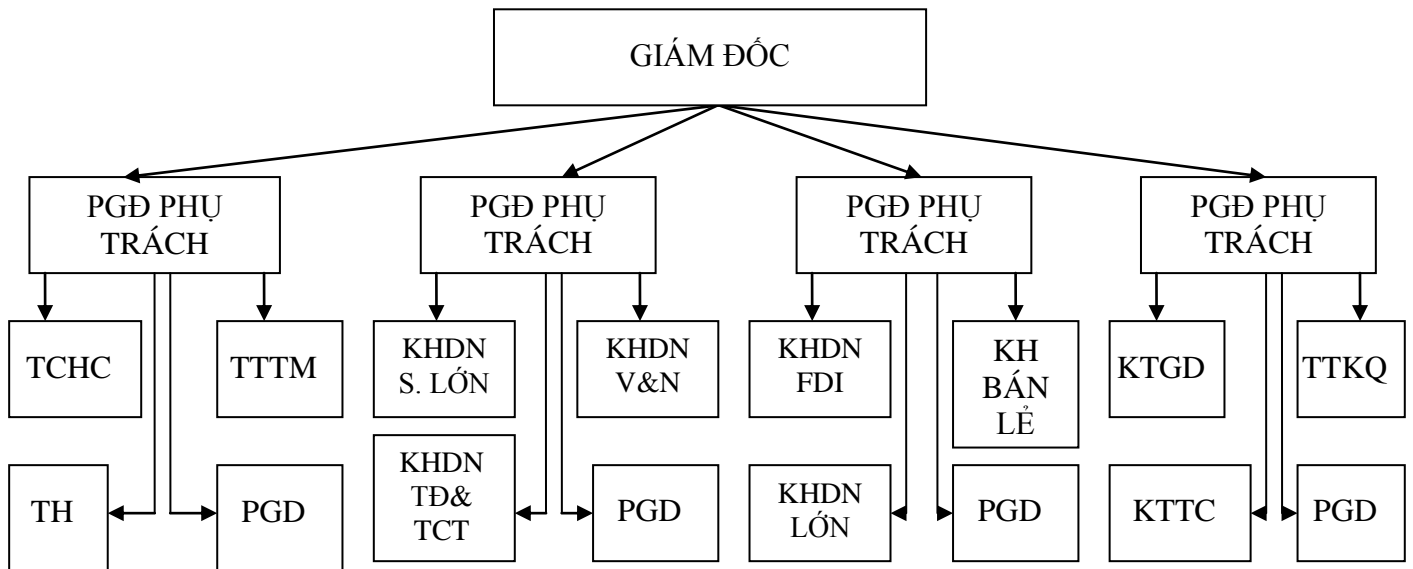
Ngày 24/3/1993, Tổng giám đốc NHCT Việt Nam ra quyết định số 93/NHCT-TCCB chuyển hoạt động của chi nhánh NHCT Thành phố Hà Nội vào Hội sở chính NHCT Việt Nam.

Ngày 30/12/1998, Chủ tịch HĐQT NHCT Việt Nam ra quyết định số 134/QĐ-HĐQT-NHCT1 chuyển hoạt động của Sở giao dịch thành Sở giao dịch I - NHCT Việt Nam kể từ ngày 1/1/1999. Một lần nữa cơ cấu tổ chức thay đổi, các phòng ban được sắp xếp lại để đáp ứng yêu cầu kinh doanh trong tình hình mới. Kế thừa thành quả và kinh nghiệm sau 10 năm hoạt động, Sở giao dịch I vẫn duy trì được sự phát triển nhanh, vững chắc, toàn diện. Từ năm 1999 đến năm 2007, các mặt hoạt động cơ bản đều có tốc độ tăng trưởng hàng năm từ 20% - 25%. Sở giao dịch I đã trở thành đơn vị có quy mô hoạt động lớn, kinh doanh đa năng, hiệu quả, có uy tín cao trong cộng đồng tài chính ngân hàng trong cả nước.

Từ ngày 1/7/2009, Sở giao dịch I đổi tên thành Chi nhánh Thành phố Hà Nội theo quyết định 493/QĐ-HĐQT NHCT1 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

2.1.2. Chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức

2.1.2.1. Cơ cấu tổ chức



Hình 2.1. Sơ đồ bộ máy tổ chức của Vietinbank - Chi nhánh TP. Hà Nội

(Nguồn: Phòng Tổng hợp – Vietinbank Chi nhánh TP. Hà Nội)

Đội ngũ cán bộ nhân viên của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội không ngừng được củng cố, lớn mạnh cả về số lượng, chất lượng và trình độ quản lý. Trong tổng số lao động tại Chi nhánh hiện nay là 420 người, có 05 đồng chí trong Ban giám đốc; 27 trưởng các phòng nghiệp vụ. 21% cán bộ của Chi nhánh có trình độ thạc sỹ kinh tế trong nước và nước ngoài; 85% cán bộ được đào tạo đại học kinh tế tài chính chính quy; 100% cán bộ nhân viên được đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu, năng động, sáng tạo, có đạo đức nghề nghiệp, đủ sức đáp ứng tốt yêu cầu hoạt động Ngân hàng trong cơ chế thị trường.

2.1.2.2. Chức năng nhiệm vụ:

** Giám đốc:*

- Trực tiếp chỉ đạo, điều hành, quản lý hoạt động của chi nhánh; Chịu trách nhiệm về toàn bộ kết quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh, đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh tuân thủ quy định pháp luật Nước sở tại, pháp luật Việt Nam;
- Thiết lập hệ thống Công nghệ thông tin; Xây dựng quy định, quy trình quản lý nội bộ đảm bảo chi nhánh hoạt động an toàn, hiệu quả;
- Thực hiện chiến lược kinh doanh; Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển kinh doanh; Phân bổ chỉ tiêu, đơn đốc và giám sát việc thực hiện kế hoạch được giao của các phòng (ban)...

** Phó giám đốc:*

- Xây dựng, kế hoạch và triển khai các chính sách, mục tiêu kinh doanh của mảng công việc được phân công phụ trách, phù hợp với mục tiêu kinh doanh của Chi nhánh và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Chỉ đạo xây dựng các quy trình, xác định nhiệm vụ và điều phối hoạt động các Phòng/Bộ phận được phân công phụ trách.

** Phòng tổ chức hành chính:*

Là phòng nghiệp vụ thực hiện công tác tổ chức cán bộ và đào tạo tại Chi nhánh theo đúng chủ trương chính sách của Nhà nước và quy định của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;

** Phòng tổng hợp:*

- Là phòng nghiệp vụ thực hiện việc tổng hợp báo cáo, phân tích đánh giá và xây dựng kế hoạch kinh doanh của Chi nhánh.

- Theo dõi, quản lý thông tin phân loại khách hàng, phân loại nợ và trích lập DPRR.

** Phòng Kế toán giao dịch:*

Là phòng nghiệp vụ thực hiện các giao dịch trực tiếp với khách hàng, cung cấp các dịch vụ ngân hàng liên quan đến nghiệp vụ thanh toán, xử lý hạch toán các giao dịch theo quy định của Nhà nước và của Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

** Phòng kế toán tài chính:*

- Là phòng nghiệp vụ giúp cho Giám đốc thực hiện công tác quản lý tài chính và thực hiện nhiệm vụ chi tiêu nội bộ tại Chi nhánh.

- Thực hiện công tác quản lý, duy trì hệ thống thông tin điện toán tại Chi nhánh. Bảo trì, bảo dưỡng máy tính đảm bảo thông suốt hoạt động của hệ thống mạng máy tính của Chi nhánh.

** Các phòng Khách hàng:*

- Xử lý, thẩm định sơ bộ hồ sơ tín dụng, đề xuất hạn mức tín dụng giải quyết cho vay hoặc trình cấp có thẩm quyền trong trường hợp vượt thẩm quyền của Chi nhánh;

- Triển khai việc thực hiện kế hoạch kinh doanh theo đúng định hướng chiến lược đối với phân khúc KHDN.

** Phòng khách hàng bán lẻ:*

- Thực hiện chăm sóc, tiếp thị, tư vấn cho khách hàng của Chi nhánh về các sản phẩm, dịch vụ; nắm bắt nhu cầu và đề xuất ý kiến về sử dụng dịch vụ ngân hàng của các khách hàng;

- Nghiên cứu, thiết lập các kênh phân phối, đánh giá hiệu quả, khả năng triển khai các kênh phân phối sản phẩm dịch vụ tới khách hàng.

- Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến việc mở mới, phát hành, cấp lại, đổi thẻ đối với tất cả các loại thẻ được phát hành của ngân hàng.

* *Phòng kho quỹ:*

- Theo dõi số liệu về tồn quỹ tiền mặt của các chi nhánh trên hệ thống dữ liệu tập chung;

- Kết xuất và phân tích số liệu về tồn quỹ tiền mặt từ hệ thống dữ liệu tập trung.

* *Các Phòng giao dịch:*

- Là phòng nghiệp vụ thực hiện các giao dịch trực tiếp với khách hàng, cung cấp các dịch vụ ngân hàng liên quan đến huy động tiền gửi, cho vay, thanh toán, chuyển tiền, chi trả kiều hối, mua bán ngoại tệ, thẻ, ngân hàng điện tử.

2.1.3. Tình hình hoạt động kinh doanh

Trong những năm vừa qua, mặc dù môi trường kinh doanh đầy khó khăn và thách thức nhưng Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội vẫn có những bước phát triển đáng ghi nhận, liên tục đạt được những kết quả vững chắc trên tất cả các mặt nghiệp vụ chuyên môn cũng như các hoạt động đoàn thể khác. Đặc biệt, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội luôn được đánh giá là một trong những Chi nhánh hoạt động hiệu quả nhất trong hệ thống Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Điều đó được thể hiện qua nhiều mặt khác nhau như: nguồn vốn huy động lớn và tăng trưởng qua các năm, hoạt động tín dụng hiệu quả, hoạt động dịch vụ của Chi nhánh không ngừng phát triển và chất lượng ngày càng được nâng cao.

Bảng 2.1. Tình hình chung hoạt động kinh doanh từ năm 2013 đến 2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Huy động vốn	46.573	48.788	53.743
Cho vay	41.476	53.332	55.758
Đầu tư	8.645	13.695	19.279
Lợi nhuận (<i>hạch toán nội bộ</i>)	1.283,3	1.028,9	1.419

(Nguồn: Phòng Tổng hợp – Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội)

2.1.3.1. Nguồn vốn

Với mục tiêu tăng cường tối đa nguồn vốn huy động được, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã cố gắng từng bước thực hiện đa dạng hóa các hình thức, biện

pháp, các kênh huy động vốn khác nhau để thu hút nguồn vốn mà do vậy nguồn vốn của Chi nhánh tăng với tốc độ khá lớn qua các năm, đáp ứng phần nào nhu cầu phát triển của nền kinh tế.

Bảng 2.2. Biến động nguồn vốn huy động từ năm 2013 đến 2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thời điểm		
	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1. Tổng nguồn vốn	46.573	48.788	53.743
2. Tăng (giảm) số tuyệt đối	4.283	2.215	4.955
3. Tỷ lệ tăng (giảm) so với năm trước	10,1%	4,8%	10,2%

(Nguồn: Báo cáo kết quả kinh doanh Vietinbank Chi nhánh TP. Hà Nội)

Nhìn vào bảng số liệu trên ta có thể thấy được nguồn vốn huy động của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội tăng trưởng qua các năm từ 2013 - 2015. Từ năm 2012, tổng nguồn vốn đạt 42.290 tỷ đồng đến năm 2013 tăng 10,1% đạt 46.573 tỷ đồng. Năm 2014, tăng nhẹ 4,8% so với năm 2013 đạt 48.788 tỷ đồng. Đặc biệt nhất năm 2015, tổng nguồn vốn huy động đã tăng 10,2% so với năm 2014 và tăng 11,7% so với năm 2012 (từ 42.290 tỷ đồng lên đến 53.743 tỷ đồng).

Với chính sách hỗ trợ lãi suất của NHNN đã tạo ra sự cạnh tranh rất lớn giữa các ngân hàng trong việc huy động vốn. Tuy vậy, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội vẫn có thể đạt được một nguồn vốn huy động tăng qua các năm là nhờ việc chú trọng đẩy mạnh công tác huy động nguồn vốn, nghiên cứu các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu đa dạng của mỗi loại đối tượng khách hàng khác nhau. Các sản phẩm Chi nhánh cung cấp đã và đang đáp ứng được nhu cầu riêng của từng loại khách hàng, giúp họ thêm tin tưởng và đến Chi nhánh để thực hiện các giao dịch gửi tiền và các hoạt động khác.

2.1.3.2. Hoạt động tín dụng

Hoạt động tín dụng của chi nhánh chủ yếu là hoạt động cho vay và bảo lãnh đối với nền kinh tế. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam quy định việc quản lý vốn tập trung trên toàn hệ thống nhằm nâng cao hiệu quả quản lý cũng như điều

tiết vốn, đảm bảo khả năng thanh khoản và hiệu quả kinh doanh vốn. Theo đó, vốn để đáp ứng nhu cầu của hoạt động tín dụng sẽ là vốn đi mua lại của Hội sở với mức chênh lệch giữa lãi suất bán và mua được qui định theo từng thời kỳ khác nhau cho từng kỳ hạn cho vay.

Hoạt động cho vay là hoạt động quan trọng và luôn tạo ra thu nhập chủ yếu của chi nhánh trong suốt nhiều năm qua.

Bảng sau đây sẽ đề cập đến tình hình sử dụng nguồn vốn huy động được của Chi nhánh trong 3 năm từ năm 2013 đến 2015. Qua đó, chúng ta có thể có được cái nhìn tổng quan nhất về hoạt động cấp tín dụng của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội.

Bảng 2.3. Biến động dư nợ tại Vietinbank Chi nhánh TP. Hà Nội từ năm 2013 – 2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Dư nợ cho vay	41.476	53.332	55.758
Tăng (giảm) số tuyệt đối	5.365	11.856	2.426
Tỷ lệ tăng (giảm) so với năm trước	14,9%	28,6%	4.5%

(Nguồn: Báo cáo kết quả kinh doanh Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội)

Qua bảng số liệu trên, ta có thể thấy rõ được tổng dư nợ cho vay của Chi nhánh luôn tăng rất mạnh qua các năm. Cụ thể, năm 2012 tổng dư nợ chỉ đạt 36.111 tỷ đồng thì đến năm 2013 đã tăng 14,9% lên 41.475 tỷ đồng. Ấn tượng nhất là năm 2014 khi mà tổng dư nợ tại chi nhánh đã tăng tới 28,6% so với năm 2013 và tăng 32,8% so với năm 2012 (từ 36.111 tỷ đồng lên 53.332 tỷ đồng). Năm 2015, tổng dư nợ cho vay vẫn tăng rất cao, đạt 55.758 tỷ đồng, tăng 4,5% so với năm 2014.

Việc huy động được một lượng vốn lớn đã giúp cho Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đáp ứng được các khoản cho vay với nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, từ khách hàng cá nhân cho đến khách hàng doanh nghiệp, từ vay ngắn hạn đến vay trung và dài hạn, từ đó giúp tổng dư nợ luôn tăng cao qua các năm. Tổng dư nợ tăng cho thấy chất lượng tín dụng đã gia tăng đáng kể và Chi nhánh cần tiếp tục phát huy tối đa nguồn lực để duy trì hoạt động tín dụng một cách hiệu quả nhất.

2.1.3.3. Các hoạt động khác:

Bên cạnh các hoạt động huy động và sử dụng vốn, các hoạt động kinh doanh khác của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội vẫn phát triển ổn định và hoàn thiện. Cụ thể như sau:

- Hoạt động thanh toán xuất nhập khẩu: Năm 2015, do suy thoái kinh tế, nên hoạt động xuất nhập khẩu thời gian gặp nhiều khó khăn, nhu cầu thanh toán, chuyển tiền ngoại tệ của doanh nghiệp phần nào bị giảm sút nên doanh số thanh toán xuất nhập khẩu cả năm chỉ đạt 6.586 triệu USD, bằng 75% so với năm 2014. Tuy nhiên hiệu quả kinh doanh thu được từ hoạt động tài trợ thương mại năm 2015 ở mức rất tốt, đạt 72.3 tỷ đồng, bằng 173% so với năm 2014.

- Dịch vụ thẻ: Lũy kế năm 2015, Chi nhánh đã phát hành 26.239 thẻ ghi nợ đạt 66% kế hoạch, 4.295 thẻ tín dụng quốc tế đạt 86% kế hoạch, lắp đặt 299 POS đạt 120% kế hoạch. Chi nhánh đã chủ động triển khai các biện pháp quảng bá, giới thiệu với khách hàng về tiện ích của dịch vụ ngân hàng điện tử. Đến nay đã có 167 đơn vị thực hiện trả lương qua thẻ với trên 9 ngàn tài khoản nhận lương; trên 11 ngàn khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ Mobilebanking, IPAY với các tính năng như truy vấn thông tin, sao kê số dư tiền gửi, chuyển khoản.. giúp khách hàng tiết kiệm thời gian giao dịch. Bên cạnh công tác phát hành và dịch vụ thẻ, công tác quản lý máy ATM của Chi nhánh cũng được quản lý an toàn, hiệu quả.

- Phân khúc khách hàng: Tiếp tục thực hiện chủ trương của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về việc chuyển đổi mô hình khối khách hàng doanh nghiệp, khối bán lẻ, trong năm qua, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã tiến hành chuyển đổi, phân khúc khách hàng theo mô hình khối khách hàng doanh nghiệp, khách hàng bán lẻ thành công. Theo đó, các phòng giao dịch chỉ phục vụ tiền vay đối với khách hàng cá nhân, KHDN siêu vi mô có doanh thu thuần dưới 20 tỷ đồng. Qua đó tạo ra sự chuyên môn hóa sâu giữa các phòng ban, tăng năng suất lao động và hiệu quả hoạt động. Kết quả đạt được là dư nợ bán lẻ của Chi nhánh đạt 2.211 tỷ đồng, tăng 1.197 tỷ so với năm 2014, đạt 109% kế hoạch NHCT VN giao.

2.2. Thực trạng tín dụng và nợ xấu tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội

2.2.1. Thực trạng tín dụng:

Hoạt động tín dụng của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội có một số đặc trưng chủ yếu sau:

Thứ nhất, với 06 phòng Khách hàng được phân theo từng phân khúc khách hàng riêng biệt và hệ thống 16 phòng giao dịch rộng khắp địa bàn thành phố Hà Nội, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội hiện có thể coi là 01 Chi nhánh ngân hàng có quy mô rất lớn trên địa bàn. Khách hàng của Chi nhánh chủ yếu tập trung vào các Tập đoàn, tổng công ty và DN lớn.

Hai là, nguồn vốn huy động của Chi nhánh cũng rất lớn tập trung từ các tổ chức, định chế tài chính, DNNN nên nguồn vốn huy động rất rẻ đảm bảo tốt cho việc cho vay các khách hàng với lãi suất ưu đãi có khả năng cạnh tranh trên thị trường. Mặt bằng lãi suất cho vay đến cuối năm 2014 đã giảm mạnh và ở mức thấp, chỉ bằng 50% lãi suất năm 2011, tương đương với mức lãi suất của giai đoạn 2005-2006. Bước sang năm 2015, trên cơ sở xu hướng giảm vững chắc của lạm phát, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội tiếp tục điều chỉnh giảm đồng bộ các loại lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với các lĩnh vực ưu tiên giảm 1%/năm, hiện phổ biến ở mức 7-8%/năm (so với mức 8-9%/năm trước đây), thấp hơn lãi suất cho vay các lĩnh vực khác khoảng 2-3%/năm.

Ba là, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội kết hợp cho vay đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh với nhiều chương trình cho vay khác nhau. Kết quả các chương trình này như sau: cho vay xây dựng cơ bản (dư nợ 13.292 tỷ đồng), cho vay SXKD (21.120 tỷ đồng), cho vay xuất khẩu (2.500 tỷ đồng); cho vay tiêu dùng (2.100 tỷ đồng), đầu tư (12.700 tỷ đồng)....

Bên cạnh đó, năm 2015 Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội bắt đầu tập trung vào đối tượng khách hàng cá nhân, nên cũng đã quy định mức lãi suất cho vay tiêu dùng, mua nhà đất, sửa chữa nhà, mua ô tô...với lãi suất ưu đãi 7%/năm cho 12 tháng đầu tiên hoặc 8,29%/năm cố định trong 02 năm đầu, các năm tiếp theo lãi suất

cho vay bằng lãi suất huy động cùng kỳ hạn, cộng biên độ 3,5%. Cụ thể, đối với 01 số dự án mà Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tài trợ vốn thì khách hàng khi mua nhà dự án còn có thể hưởng lãi suất ưu đãi 0% trong thời gian 18 tháng (dự án do tập đoàn Vingroup, dự án Sungroup...).

Thời gian qua, hoạt động cho vay của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã đạt được những kết quả đáng khi nhận. Đó là:

Bảng 2.4. Cơ cấu dư nợ cho vay từ năm 2013 - 2015

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1. Dư nợ cho vay	41.476	53.332	55.758
* Theo loại tiền			
- VNĐ	26.375	31.755	37.250
- Ngoại tệ quy VNĐ	15.101	21.577	18.508
* Theo thời hạn			
- Ngắn hạn	15.195	19.937	27.500
- Trung, dài hạn	26.281	33.395	28.258
* Theo đối tượng			
- Khách hàng DN ngoài quốc doanh	19.004	28.420	34.143
- Khách hàng DNNN	22.188	24.212	19.515
- Khách hàng cá nhân	284	700	2.100

(Nguồn: Báo cáo kết quả kinh doanh Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội)

Thứ nhất, luôn khẳng định vai trò của Chi nhánh chủ đạo trong hệ thống Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chủ lực trong đầu tư vốn cho các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước và các Doanh nghiệp lớn. Dư nợ cho vay, đầu tư của chi nhánh luôn chiếm trên 10% tổng dư nợ cho toàn hệ thống. Tỷ trọng cho vay các doanh nghiệp nhà nước năm 2015 đã giảm xuống chiếm khoảng 35%, dư nợ khách hàng cá nhân đã tăng từ 700 tỷ đồng lên 2.100 tỷ (tăng 03 lần) so với năm 2014.

Thứ hai, tập trung mở ra cho vay Doanh nghiệp vừa và nhỏ chủ yếu hoạt động lĩnh vực SXKD.

Giai đoạn trước năm 2014, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội chỉ tập trung cho vay DNNN, các Tập đoàn tổng công ty, các DN lớn mà chưa quan tâm nhiều đến cho vay doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp vừa và nhỏ. Năm 2014, dư nợ cho vay DNNN là 24.212 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 45,4% trên tổng dư nợ, trong đó có nhiều khoản nợ vay tồn đọng, kém hiệu quả. Trong khi đó, dư nợ cho vay của các DNNVV chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ 5,98%. Nhờ có sự chuyển dịch cơ cấu đầu tư, đến 31/12/2015, dư nợ cho vay DNNN của Chi nhánh giảm xuống chỉ chiếm khoảng 35% tổng dư nợ trong khi dư nợ cho vay DNNVV tăng lên 17,3%.

Về số tuyệt đối, tổng dư nợ cho vay các DNNVV tăng mạnh từ 5.211 tỷ đồng năm 2005 lên 204.704 tỷ đồng năm 2010 (đạt tốc độ tăng trưởng bình quân trên 80%/năm).

Thứ ba, duy trì cơ cấu đầu tư hợp lý giữa vốn trung, dài hạn và vốn ngắn hạn. Cơ cấu đầu tư vốn theo thời hạn cho vay cũng có sự chuyển hướng tích cực. Giai đoạn trước năm 2014, dư nợ cho vay trung, dài hạn chiếm tỷ trọng gần 60% tổng dư nợ. Sang năm 2015, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã có sự điều chỉnh, tăng tỷ lệ cho vay ngắn hạn, giảm dần dư nợ cho vay trung, dài hạn. Đến ngày 31/12/2015, tổng dư nợ cho vay đạt 55.758 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 27.500 tỷ đồng, chiếm khoảng 49,5% tổng dư nợ, dư nợ cho vay trung, dài hạn đạt 28.258 tỷ đồng, chiếm 50,5% tổng dư nợ.

Thứ tư, phát triển đa dạng các sản phẩm tín dụng:

Về loại hình tín dụng: Ngoài cho vay tín dụng thông thường, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội mở ra các hình thức cho vay khác như cho vay đồng tài trợ, cho vay tiêu dùng, cho vay xuất khẩu lao động, cho vay chiết khấu, bao thanh toán, cho thuê tài chính và gần đây là cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán...

Về phương thức cho vay: Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã áp dụng rộng rãi các phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức tín dụng, cho vay từng lần, cho vay trả góp, cho vay theo dự án đầu tư... Với việc áp dụng đa dạng các phương thức cho vay, khách hàng có thể giảm thiểu các thủ tục, hồ sơ, tiết kiệm chi phí vay, tránh được các rủi ro do biến động thị trường.

Về đối tượng đầu tư: Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội cho vay tất cả những nhu cầu vốn để thực hiện các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh, phục vụ đời sống, tiêu dùng: nhất là cán bộ công nhân viên đáp ứng nhu cầu tiêu dùng như mua sắm, sửa chữa nhà cửa, phương tiện đi lại....

Sở dĩ hoạt động cho vay của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội thời gian qua đạt được những kết quả nói trên là do các nguyên nhân cơ bản sau:

- Những năm vừa qua, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã áp dụng việc thi tuyển cán bộ công khai và nghiêm túc, 100% hồ sơ thi tuyển đều phải tốt nghiệp chuyên ngành tại các trường đại học chính quy. Qua đó, đã tuyển dụng được rất nhiều cán bộ có trình độ, được đào tạo đúng chuyên ngành có năng lực. Bên cạnh đó, công tác đào tạo và đào tạo lại được chú trọng hơn. Nhiều lớp học về nghiệp vụ tín dụng do các giảng viên trong và ngoài Nhà nước giảng dạy đã được tổ chức, các hình thức đào tạo như lớp tập huấn chuyên đề, trao đổi kinh nghiệm nghiệp vụ trong nội bộ chi nhánh và các buổi thi kiến thức nghiệp vụ được duy trì khá đều và triển khai tại nhiều chi nhánh. Nhờ vậy, ý thức tuân thủ nghiêm túc các quy trình về tín dụng đã được nâng cao hơn một bước. Quy trình tín dụng tuy được thay đổi khá căn bản trong thời gian qua song đã được các cán bộ làm công tác tín dụng áp dụng vào thực tế thành công, góp phần vào việc hạn chế nợ xấu.

- Hệ thống 06 phòng khách hàng chuyên biệt nhằm chăm sóc phục vụ tốt các khách hàng theo từng phân khúc, mạng lưới 16 phòng giao dịch được đầu tư nằm ở những vị trí thuận lợi, đông dân cư đáp ứng mọi nhu cầu phân khúc khách hàng cá nhân và doanh nghiệp siêu vi mô.

- Các phòng Giao dịch được chủ động trong việc tiếp thị, thu hút khách hàng, tự chủ nhiều hơn về mặt tài chính, phán quyết tín dụng...

- Một số chính sách cho vay được mở rộng hơn so với những năm trước đây.

- Thực hiện tốt các chương trình cho vay mở rộng đầu tư không chỉ với khách hàng lớn, truyền thống như các tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước mà còn mở rộng sang cả loại hình khách hàng khác như DNNVV, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp siêu vi mô, khách hàng cá nhân...

- Tham gia nhiều dự án đầu tư lớn, dự án đầu tư có trọng điểm của Nhà nước như: Dự án hầm Đèo Cả, dự án Vingroup ...

2.2.2. Thực trạng nợ xấu tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội

Dư nợ tín dụng tăng trưởng nhanh, năm sau cao hơn năm trước, năm 2013 dư nợ tín dụng đạt 41.476 tỷ đồng, năm 2014 đạt 53.332 tỷ đồng, năm 2015 tăng 2.426 tỷ đồng so với năm 2014 đạt 55.758 tỷ đồng. Qua việc lập kế hoạch giải ngân, thu nợ hàng tháng, hàng quý đối với từng khách hàng, từng dự án, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã thực hiện tốt việc kiểm soát chặt chẽ giới hạn tín dụng theo đúng định hướng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Từ năm 2013 đến năm 2015 nợ xấu được xử lý giảm đáng kể, cụ thể: Năm 2013 nợ xấu là 109 tỷ đồng (giảm 216 tỷ đồng); Năm 2014 nợ xấu giảm xuống còn 50 tỷ đồng (giảm 166 tỷ đồng); Năm 2015, nợ xấu còn lại 56 tỷ đồng (tăng 6 tỷ đồng). Kết quả trên cho thấy Chi nhánh đã chủ động trong công tác dự báo dấu hiệu nợ xấu, phòng ngừa và xử lý nợ xấu có định hướng vì vậy kết quả thu hồi nợ xấu đạt được như kế hoạch của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đề ra.

Bảng 2.5. Số liệu nợ xấu tại Vietinbank TP Hà Nội năm 2013 – 2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1. Tổng dư nợ	41.476	53.332	55.758
2. Nợ xấu	109	50	56
-Nợ dưới tiêu chuẩn	75	19	29
-Nợ nghi ngờ	5	5	2
-Nợ không thu hồi được	29	26	25
3. Nợ không thu hồi được/Tổng dư nợ	0.06%	0.04%	0.04%
4. Nợ xấu/Tổng dư nợ	0.26%	0.09%	0.1%

(nguồn: Phòng Tổng hợp Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội)

2.3. Thực trạng quản lý nợ xấu tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội

2.3.1. Thực trạng chính sách quản lý nợ xấu tại Vietinbank - Chi nhánh TP Hà Nội

Nợ xấu là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá chất lượng tín dụng của các NHTM, từ đó có thể thấy được sức khoẻ tài chính, kỹ năng quản trị của NHTM đó. Nợ xấu tăng cao có thể dẫn đến ngân hàng bị thua lỗ và giảm lòng tin của người gửi tiền, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của ngân hàng. Tình trạng này kéo dài có thể làm cho ngân hàng bị phá sản, gây hậu quả nghiêm trọng cho nền kinh tế nói chung và hệ thống tài chính nói riêng. Chính vì vậy, việc nhận diện nợ xấu nói riêng và quản lý nợ xấu nói chung là một trong những vấn đề quan trọng trong quản trị NHTM.

Để tăng cường hiệu quả công tác quản lý nợ, siết chặt hoạt động phân loại nợ, NHNN đã ban hành Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/1/2013 về Ban hành Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng DPRR để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; và Thông tư 09/2014/TTNHNN ngày 18/3/2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2013/TTNHNN ngày 21/1/2013 của NHNN.

Trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật và các quyết định của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đã ban hành các quy định nội bộ về quản lý tín dụng như:

- Quyết định 1826/2014/QĐ-HĐQT-NHCT9 ngày 24/12/2014 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam quy định về thẩm quyền tín dụng;
- Quyết định số 1718/2014/QĐ-HĐQT-NHCT35 ngày 25/12/2014 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về việc ban hành quy định thực hiện bảo đảm cấp tín dụng;
- Quyết định số 506/2014/QĐ-HĐQT-NHCT35 ngày 27/05/2014 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về việc ban hành Quy định phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử

dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;

- Quyết định số 1396/QĐ-TGD-NHCT 37 ngày 07/07/2010 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về việc ban hành Quy trình xử lý tài sản bảo đảm tiền vay và Quyết định số 1115/QĐ-TGD-NHCT37/1 ngày 26/09/2012 về việc sửa đổi Quyết định số 1396/QĐ-TGD-NHCT 37 ngày 07/07/2010.

- Quyết định số 2442/2015/QĐ-TGD-NHCT37/1 ngày 30/9/2015 của Tổng Giám đốc về Quy trình quản lý và xử lý nợ có vấn đề;

- Quyết định số 2184/2012/QĐ-HĐQT-NHCT37 của Hội đồng quản trị quy định về giảm miễn lãi vay đối với khách hàng vay vốn tại hệ thống Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;

Là một chi nhánh của Vietinbank, nên trong hoạt động quản lý nợ xấu, Chi nhánh TP. Hà Nội tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Ngoài ra, Chi nhánh đã ban hành các văn bản hướng dẫn như:

- Xây dựng chiến lược tín dụng và chiến lược khách hàng;
- Văn bản phân cấp thẩm quyền tín dụng đối với Giám đốc, các phó Giám đốc và các phòng khách hàng, phòng giao dịch;
- Quy định quy chế hoạt động của Hội đồng tín dụng chi nhánh;

Từ các quy định của Nhà nước, của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã nghiêm túc thực hiện nhằm lành mạnh hóa đối với các khoản nợ thường xuyên thực hiện việc thu thập thông tin về khách hàng để đánh giá, chấm điểm, xếp hạng khách hàng để phân loại nợ hàng ngày. Đối với các khoản nợ xấu, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội thực hiện phân loại nợ, đánh giá lại khách hàng thường xuyên để phục vụ công tác quản lý và xử lý nợ xấu.

2.3.2. Thực trạng tổ chức bộ máy quản lý nợ xấu của VietinBank chi nhánh TP. Hà Nội

Mô hình tổ chức bộ máy quản lý nợ xấu tại Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đang thực hiện theo mô hình quản trị rủi ro tín dụng phân tán, trong đó các phòng

khách hàng, phòng giao dịch của ngân hàng thực hiện các chức năng: tìm kiếm khách hàng, thẩm định và cấp tín dụng, đồng thời chịu trách nhiệm đối với khoản vay mà không có bộ phận quản lý RRTD để đánh giá, thẩm định rủi ro đối với khoản vay.

Theo đó, mô hình tổ chức quản trị RRTD của chi nhánh được xây dựng theo mô hình quản lý phân quyền. Giám đốc chịu trách nhiệm chung, chỉ tham gia Chủ tịch HĐQT chi nhánh khi một khoản vay vượt cấp thẩm quyền của Phó Giám đốc, đồng thời mỗi đồng chí Phó giám đốc sẽ phụ trách 01 số phòng khách hàng và 01 số phòng Giao dịch và phải tự chịu trách nhiệm về công tác quản lý danh mục cho vay cũng như những rủi ro trong hoạt động tín dụng trong các giới hạn được ủy quyền.

Mô hình bao gồm bốn nhóm chính trực tiếp tham gia vào qui trình quản lý nợ xấu, trong đó:

- Giám đốc chi nhánh: Phối hợp với các Phó Giám đốc hoạch định chiến lược quản lý rủi ro tín dụng. Là người quyết định cuối cùng trong việc ban hành các chính sách cũng như quy trình tín dụng của chi nhánh, đồng thời là người đưa ra các phán quyết tín dụng đối với các khoản vay thuộc thẩm quyền của Hội đồng tín dụng chi nhánh với tư cách là Chủ tịch các Hội đồng: Hội đồng tín dụng; Hội đồng xử lý tài sản; Hội đồng bán nợ; Hội đồng giảm miễn lãi...

- Các Phó giám đốc: Là người quyết định, đưa ra phán quyết tín dụng và chịu trách nhiệm với phán quyết của mình đối với các khoản vay trong thẩm quyền được Giám đốc ủy quyền. Đồng thời là thành viên các Hội đồng: Hội đồng tín dụng; Hội đồng xử lý tài sản; Hội đồng bán nợ; Hội đồng giảm miễn lãi...

- Các phòng khách hàng, phòng giao dịch: Quản lý hoạt động tín dụng, nghiên cứu, đề xuất, cải tiến thủ tục cho vay; tổ chức quản lý và phân loại khách hàng; Phân tích kinh tế theo ngành nghề kinh tế kỹ thuật, lựa chọn đối tượng và các biện pháp cho vay đạt hiệu quả cao. Ngoài ra, các phòng này còn thực hiện kiểm tra, phân tích hoạt động tín dụng, phân loại nợ, phân tích nợ quá hạn để tìm nguyên nhân và biện pháp khắc phục. Chịu trách nhiệm cấp tín dụng đối với các khoản vay thuộc thẩm quyền của phòng đã được Giám đốc chi nhánh ủy quyền.

- Phòng Tổng hợp: Theo dõi đối với các khoản vay của các phòng khách hàng, phòng giao dịch để yêu cầu hoàn thiện các công việc đối với khách hàng vay như: Chấm điểm tín dụng khách hàng; Phân loại nợ và tính toán trích lập DPRR; Đưa ra các thông tin cảnh báo về ngành, lĩnh vực vay vốn cần hạn chế...Đồng thời là Phòng đầu mối theo dõi, đánh giá, lên kế hoạch và chịu trách nhiệm xử lý các khoản nợ xấu phát sinh.

2.3.3. Thực trạng tổ chức triển khai các hoạt động quản lý nợ xấu của VietinBank chi nhánh TP. Hà Nội

Nhận thức được nguy cơ ảnh hưởng của nợ xấu, trong thời gian qua Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm quản lý ngăn ngừa cũng như xử lý nợ xấu đã phát sinh. Cụ thể như sau:

2.3.3.1. Xây dựng chiến lược tín dụng và chiến lược khách hàng

Từ cuối năm 2011, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phát triển mạnh mẽ, nhu cầu về vốn của các doanh nghiệp ngày càng tăng. Trong khi đó vốn ngoại tệ dồi dào của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam gửi ở Nhà nước đang hưởng mức lãi suất giảm dần, lợi nhuận từ các khoản vay từ khối khách hàng là DNNN thấp. Nắm bắt được thời cơ và điều kiện thuận lợi đó, năm 2012, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã có chủ trương “tăng trưởng bứt phá” trong hoạt động tín dụng.

Mặt khác, trước năm 2012 chi nhánh là đầu mối trong hệ thống cho vay đối với các DNNN, bước sang năm 2013, tình hình có nhiều thay đổi. Một số mặt hàng như phân bón, xe máy, thép và sự thay đổi sắp xếp lại của hàng loạt các doanh nghiệp Nhà nước. Ban lãnh đạo Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã phân tích, đánh giá các DNNN kinh doanh kém hiệu quả, các khoản vay mang lại lợi nhuận thấp thậm chí nhiều khoản vay bị âm nên đã đưa ra “chiến lược tín dụng và chiến lược khách hàng” là: i) Giảm dần tỷ trọng dư nợ cho vay đối với các DNNN, chỉ lựa chọn, phát triển đối với các KH tốt. ii) Tập trung tăng trưởng nhóm khách hàng DNVVN và khách hàng bán lẻ trong giai đoạn 2013-2015 là ***“Tăng trưởng tín dụng thận trọng, tập trung nâng cao chất lượng và hướng tới áp dụng các chuẩn mực quốc tế”***.

Với các chiến lược phù hợp cho từng thời kỳ, qua các năm tại Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã đạt được mức tăng trưởng tín dụng hợp lý và tỷ lệ nợ quá hạn phát sinh thấp.

2.3.3.2. Quản lý rủi ro tín dụng

Ngay lập tức Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã tiến hành rà soát lại toàn bộ các khoản nợ, phân loại, đánh giá khả năng thu hồi để có được chính sách cho từng loại khách nợ. Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhằm mục đích giúp các Ngân hàng đánh giá chất lượng hoạt động tín dụng được chính xác hơn vì việc phân loại nợ theo từng khoản vay, theo từng khách hàng thay vì đơn thuần phân loại nợ theo tính chất nợ trong hạn hay nợ quá hạn.

Để có cơ sở xác định các loại nợ sát với thực tế, Ngân hàng đã tiến hành xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng để hỗ trợ cho việc phân loại nợ. Hệ thống xếp hạng tín dụng được xác định với các nội dung chủ yếu: Cơ sở pháp lý liên quan đến thành lập và ngành nghề kinh doanh của khách hàng; chỉ tiêu kinh tế tổng hợp liên quan đến tình hình kinh doanh, tài chính, tài sản, khả năng thực hiện nghĩa vụ cam kết, uy tín với tổ chức tín dụng trước đây... trên cơ sở đó xếp hạng cụ thể đối với khách hàng.

2.3.3.3. Phân cấp ủy quyền phán quyết tín dụng

Trước năm 2013 thì quyền hạn, mức phán quyết tín dụng của các chi nhánh trong hệ thống Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam rất lớn dẫn đến việc kiểm soát rủi ro không chặt chẽ làm phát sinh số lượng nợ xấu rất lớn. Từ năm 2013 trở lại đây, trên cơ sở thông báo mức phán quyết tín dụng của Chi nhánh, để kiểm soát tốt RRTD, Giám đốc chi nhánh đã xây dựng các điều kiện và rút giảm thẩm quyền phán quyết tín dụng từ các cá nhân nhằm tránh rủi ro xảy ra nên hạn chế tương đối các khoản nợ xấu.

2.3.3.4. Các biện pháp xử lý nợ xấu đã phát sinh

Xử lý nợ xấu đã phát sinh là một biện pháp nhằm giảm lượng nợ xấu đã phát

sinh tại Ngân hàng. Trong thời gian qua, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã xây dựng phương án, phân loại đối với từng khoản nợ để có các biện pháp xử lý tương ứng.

Thực hiện Quyết định số 149/2001/QĐ-TTG ngày 05/10/2001 của Thủ tướng Chính Phủ, đề án xử lý nợ tồn đọng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Vietinbank Chi nhánh TP. Hà Nội đã được xây dựng nhằm đưa ra những giải pháp tổng thể để xử lý dứt điểm số nợ tồn đọng tại Ngân hàng (đây là những khoản nợ đã được hạch toán ngoại bảng từ những năm 2000). Đồng thời căn cứ Quyết định số 59/2006/QĐ-NHNN ngày 21/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước ban hành về quy chế mua bán nợ của các Tổ chức tín dụng, trên cơ sở các văn bản chỉ đạo thu hồi nợ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam như: Quyết định số 2442/2015/QĐ-HĐQT-NHCT37/1 ngày 30/9/2015 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về việc ban hành quy trình xử lý nợ có vấn đề; Quyết định số 414/QĐ-HĐQT-NHCT37 ngày 30/05/2011 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam quy định về hoạt động bán nợ; Quyết định số 2184/2012/QĐ-HĐQT-NHCT37/1 ngày 29/12/2012 quy định về việc giảm miễn lãi vay... Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã đề ra các phương án xử lý nợ xấu cụ thể là:

Thứ nhất: Rà soát toàn bộ các khoản nợ có vấn đề: nợ cơ cấu nhiều lần, nợ nhóm 2 nhưng khả năng trả nợ sẽ tiếp tục khó khăn; nợ xấu có tài sản bảo đảm và không có tài sản bảo đảm để phân loại các khoản nợ này nhằm có phương án xử lý cụ thể.

Thứ hai, Chi nhánh tự tổ chức quản lý hoặc bàn giao khoản nợ xấu cho Vietinbank AMC để tiếp tục theo dõi các khoản nợ nhằm thực hiện thu hồi nợ thông qua việc xử lý các tài sản đảm bảo khoản nợ, khai thác tài sản đảm bảo, tiếp tục theo đuổi các vụ kiện để thu hồi một phần nợ từ thanh lý tài sản của doanh nghiệp phá sản...

Trong giai đoạn 2013- 2015 Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã áp dụng các biện pháp xử lý nợ xấu theo hướng:

a. Tái cơ cấu tài chính doanh nghiệp và tái cơ cấu lại nợ

Đối với các khoản nợ xấu của khách hàng là doanh nghiệp, sau khi phân tích thực trạng tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh, nếu đánh giá khách hàng có khả năng phát triển để thanh toán nợ xấu cho Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ áp dụng biện pháp cấu trúc lại hay tái cơ cấu doanh nghiệp

Bảng 2.6. Tình hình tái cơ cấu nợ vay từ năm 2013 – 2015

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	2015
Cho vay để tiếp tục duy trì hoạt động	21	35	52
Nợ cơ cấu lại	45	64	92
Nợ được giảm miễn lãi	17	32	55
Tổng số	83	131	199

(Nguồn: Phòng Tổng hợp Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội)

Trong thời gian qua, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã có nhiều nỗ lực trong việc tái cơ cấu những khoản nợ xấu mà theo đánh giá của ngân hàng là khách hàng còn có khả năng phục hồi để trả nợ. Dư nợ xấu được cơ cấu tăng dần qua các năm, năm 2013 là 83 tỷ đồng, năm 2014 là 131 tỷ đồng và năm 2015 tăng 68 tỷ đồng so với năm 2014 đạt 199 tỷ đồng. Chi nhánh chủ yếu sử dụng 3 biện pháp khai thác nợ: Cho vay để duy trì hoạt động, Cơ cấu lại nợ và Giảm/miễn lãi. Từ số liệu bảng 2.6 cho thấy, phần lớn nợ xấu tại Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội được xử lý theo phương án Cơ cấu lại nợ. Đối với biện pháp này, đối tượng khách hàng được xem xét áp dụng là khách hàng có khó khăn tạm thời trong sản xuất kinh doanh, không trả được nợ khi đến hạn. Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội xem xét, đánh giá khả năng phục hồi của khách hàng khi tiếp tục được điều chỉnh nợ hoặc gia hạn nợ cho khách hàng. Khách hàng với sự trợ giúp của ngân hàng khi khôi phục hoạt động kinh doanh, tạo nguồn thu trả nợ cho ngân hàng. Kết quả cho thấy Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội sử dụng biện pháp này một cách linh hoạt và dư nợ xấu được xử lý đã tăng dần trong thời gian vừa qua. Đặc biệt khi Quyết định 780/NHNN-QĐ ngày 23/4/2012 về phân loại nợ được điều chỉnh kỳ hạn có hiệu lực thì biện pháp Cơ cấu nợ càng được ngân hàng áp dụng nhiều hơn. Nợ xấu đã được giải quyết

bằng Cơ cấu nợ tăng nhanh từ 2013 với dư nợ xấu được khai thác là: 45 tỷ, sang năm 2014 là 64 tỷ và năm 2015 là 92 tỷ đồng. Rõ ràng biện pháp này đã giúp cho Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội thu hồi được lượng nợ xấu đáng kể mà không phải bơm thêm vốn cho khách hàng và tránh tạo thêm áp lực tài chính cho ngân hàng. Việc cơ cấu lại nợ theo QĐ 780/NHNN-QĐ hết hiệu lực thi hành từ ngày 1/4/2015 với tình hình nền kinh tế còn nhiều khó khăn làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng trả nợ của khách hàng. Vì vậy năm 2015 sẽ là năm nợ xấu tăng nhanh hơn so với thời kỳ trước.

Cùng với Cơ cấu lại nợ, cho vay bổ sung thì Miễn giảm lãi tiền vay cũng được ngân hàng tăng cường nhằm tạo điều kiện cho khách hàng giảm bớt áp lực về tài chính, khuyến khích khách hàng trả một phần hoặc toàn bộ khoản nợ xấu cho ngân hàng. Biện pháp này hàng năm cũng giúp Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội thu hồi được trung bình hơn 35 tỷ nợ xấu.

- *Chứng khoán hóa các khoản nợ xấu* : Biện pháp này Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội không áp dụng.

- *Xử lý Tài sản bảo đảm*:

Xử lý tài sản để thu nợ là biện pháp xử lý nợ xấu mang tính ổn định trong thời gian vừa qua: Năm 2013 thu hồi được 156 tỷ nợ xấu từ thanh lý tài sản (chiếm gần 80% số nợ xử lý trong năm 2013), các năm sau thu hồi từ TSBĐ đều ở mức cao, ổn định với hơn 200 tỷ đồng. Tại Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội, các khoản nợ xấu có TSBĐ nhưng khách hàng chây ì không chịu trả nợ hoặc không còn khả năng trả nợ thì ngân hàng sẽ hoàn thiện các thủ tục pháp lý để xử lý tài sản.

- *Bán các khoản nợ*: Căn cứ Quyết định số 59/2006/QĐ-NHNN ngày 21/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước ban hành về quy chế mua bán nợ của các Tổ chức tín dụng; Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/05/2013 của Chính phủ quy định về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam; Và Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/09/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam.

Từ năm 2013 đến năm 2015, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã thực hiện bán 01 số khoản nợ như sau:

Bảng 2.7. Bảng số liệu bán nợ từ năm 2013 – 2015

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Khách hàng	Dư nợ	Nhóm nợ	Đơn vị mua nợ
1	Công ty CP Thiên Phú	126	3	Ngân hàng SCB
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Trường Linh	233	3	Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC)
3	Công ty TNHH TM&DL Trung Dũng	119	3	
4	Công ty Cổ phần thời trang Nem	116	3	
5	Công ty Cổ phần Thương mại NEM	77	3	
6	Công ty TNHH Thương mại Đăng Đạo	29	3	
	Tổng số	700		

(nguồn: phòng Tổng hợp Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội)

Bán các khoản nợ là biện pháp nhanh chóng làm giảm tỷ lệ nợ xấu đồng thời ngân hàng sẽ thu ngay một phần nợ để đưa vào tái tạo vốn kinh doanh, biện pháp này hiện nay hầu như được tất cả các NHTM áp dụng. Từ năm 2013 đến hết 2015 Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã bán cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng VAMC 06 khoản nợ xấu với tổng giá trị 700 tỷ đồng.

Như vậy, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã rất nỗ lực trong việc xử lý nợ xấu và bán nợ là 01 trong các biện pháp hiệu quả nhất.

- *Xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro*

Thực hiện Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Vietinbank Chi nhánh TP. Hà Nội

đã xây dựng cơ chế trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro. Theo đó, dư nợ tín dụng được phân loại thành 5 nhóm. Những khoản dự phòng rủi ro được hạch toán vào chi phí hoạt động. Tỷ lệ trích lập dự phòng tương ứng là: 0% đối với nhóm I, 5% đối với nhóm II, 20% đối với nhóm III, 50% đối với nhóm IV, 100% đối với nhóm V.

Hội đồng xử lý rủi ro thực hiện việc phân loại tài sản “Có”, trích lập dự phòng rủi ro trong từng quý và giám sát hoạt động thu hồi nợ. Từ khi thực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo cơ chế mới, lượng trích dự phòng của Vietinbank Chi nhánh TP. Hà Nội đã đáp ứng sát hơn với yêu cầu thực tế, giúp cho việc sử dụng dự phòng rủi ro ngày càng có hiệu quả. Việc sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trở thành một trong số các biện pháp quan trọng nhất giúp Vietinbank Chi nhánh TP. Hà Nội xử lý nợ xấu. Trung bình từ năm 2013, mỗi năm chi nhánh xử lý khoảng 200 tỷ đồng bằng quỹ DPRR đối với các khoản nợ đủ điều kiện để hạch toán theo dõi ngoại bảng.

Tuy nhiên, việc làm này chỉ nhằm làm giảm tỷ lệ nợ xấu vì khoản nợ được hạch toán ngoại bảng nhưng bản chất đây vẫn là khoản nợ xấu cần phải được thu hồi.

- Khởi kiện ra Tòa án: Đây là biện pháp cuối cùng trong các biện pháp xử lý nợ vì để xử lý một khoản nợ xấu qua biện pháp này mất rất nhiều thời gian, công sức cũng như chi phí, thông thường để xử lý 01 khoản nợ thông qua khởi kiện và xử lý TSBĐ qua cơ quan Thi hành án sẽ mất thời gian khoảng 02 năm. Do đó, trong trường hợp thực sự khách hàng, bên có TSBĐ không hợp tác thì Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội mới sử dụng biện pháp này.

Bảng 2.8. Số liệu các khoản nợ xấu khởi kiện ra Tòa án

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	Số vụ	Giá trị	Thu hồi
2013	7	44	16
2014	11	65	20
2015	16	102	12

Nguồn: Phòng Tổng hợp – Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội

Qua bảng 2.8 ta thấy, số liệu thu hồi các khoản nợ xấu thông qua khởi kiện là rất thấp, năm 2013 khởi kiện với tổng giá trị các khoản nợ xấu là 44 tỷ đồng nhưng

tính đến hết năm 2015 mới thu hồi được 16 tỷ đồng; Năm 2014 khởi kiện 65 tỷ nhưng đến nay mới thu được 20 tỷ; năm 2015 khởi kiện 102 tỷ, tính đến nay thu được 12 tỷ đồng.

2.3.4 Thực trạng báo cáo, đánh giá kết quả quản lý nợ xấu của Chi nhánh

Kết quả của công tác quản lý nợ xấu được thể hiện thông qua các mục tiêu Các mục tiêu chính là thước đo để đo lường sự thành công hay thất bại của công tác quản lý. Để đạt được các mục tiêu đã đề ra Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã có các biện pháp thực hiện trong từng giai đoạn cụ thể. Kết quả của công tác quản lý nợ xấu sẽ được đánh giá khách quan thông qua việc đạt hay không đạt các mục tiêu này.

Bảng 2.9. Tỷ trọng nợ xấu được xử lý bằng từng biện pháp tại Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội từ năm 2013 đến năm 2015

Tỷ trọng: %

Chỉ tiêu	2013	2014	2015
Cho vay duy trì HĐKD	2,8	4	5,3
Cơ cấu lại nợ	6	7,3	9,3
Giảm miễn lãi	11,1	14,9	20,2
Xử lý TSBĐ	20,8	22,7	20,3
Bán nợ cho VAMC	30,6	26,1	23,4
Khởi kiện	2,1	2,3	1,2
Xử lý DPRR	26,6	22,7	20,3
Tổng	100	100	100

Qua bảng 2.9 ta nhận thấy biện pháp xử lý chiếm tỷ trọng cao nhất là Bán nợ cho VAMC, xử lý DPRR và Xử lý tài sản để thu nợ hiệu quả cũng rất cao. Biện pháp khởi kiện, Cho vay duy trì HĐKD, cơ cấu nợ và giảm miễn lãi vay chiếm tỷ trọng rất thấp. Từ thực tế trên có thể thấy rằng, tại Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội hiện nay việc xử lý nợ xấu đã được quan tâm và áp dụng linh hoạt. Tuy nhiên, một thực tế có thể nhận ra là những biện pháp xử lý dứt điểm nợ xấu như cho vay duy trì, cơ cấu nợ vay chưa được sử dụng nhiều.

2.4. Đánh giá chung về thực trạng nợ xấu và quản lý nợ xấu tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội

2.4.1. Kết quả đạt được

Từ sự phân tích trên, có thể thấy rằng, mấy năm vừa qua, Vietinbank Chi nhánh TP. Hà Nội đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ trong hoạt động tín dụng chung và công tác hạn chế nợ xấu nói riêng, cụ thể như sau:

* Khẳng định được vị thế mới của NHTMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội trên thị trường cho vay

Trong những năm qua, Vietinbank Chi nhánh TP. Hà Nội luôn được biết đến như một Ngân hàng hoạt động tốt nhất, có uy tín trong giao dịch trên thị trường trong nước cũng như nước ngoài. Với tốc độ tăng trưởng tín dụng ngày một tăng lên. Không chỉ tăng lên về số lượng, Vietinbank Chi nhánh TP. Hà Nội còn cải thiện được hình ảnh của mình trên thị trường thông qua các mặt mạnh khác như khả năng và kinh nghiệm thu xếp vốn đối với các dự án lớn, dẫn đầu trong việc triển khai áp dụng các công cụ quản lý rủi ro, chiếm lĩnh thành công thị trường cho vay được SME và tư nhân cá thể, kiểm soát khá tốt tỷ lệ nợ quá hạn, giải quyết nhanh gọn nợ xấu tồn đọng trong giai đoạn trước.

* Công tác quản lý nợ xấu được chỉ đạo thực hiện nghiêm túc và thống nhất trong toàn chi nhánh

Công tác triển khai được chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, khẩn trương, thống nhất xuyên suốt từ Chi nhánh đến từng phòng/ban liên quan. Việc tổ chức thực hiện luôn luôn bám sát nội dung các văn bản chỉ đạo của các cơ quan cấp trên, đặc biệt là chú trọng tới yếu tố thời gian hoàn thành công tác giải quyết các vướng mắc từ cơ sở cũng được đáp ứng kịp thời thông qua kênh chỉ đạo theo ngành dọc, tạo điều kiện thuận lợi cho công việc được xử lý nhanh chóng và hiệu quả.

* Kết quả xử lý nợ xấu cao

Sau một thời gian tích cực triển khai đồng thời nhiều biện pháp xử lý, Vietinbank Chi nhánh TP. Hà Nội đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong công tác quản lý nợ xấu, đã xử lý được nhiều khoản nợ tồn đọng trước đó. Cụ thể,

chất lượng tín dụng của Vietinbank Chi nhánh TP. Hà Nội được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, mặc dù Vietinbank Chi nhánh TP. Hà Nội đã tích cực áp dụng các biện pháp quản lý nợ xấu, song trong công tác quản lý nợ xấu vẫn còn nhiều hạn chế cần phải có biện pháp khắc phục kịp thời

2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân

2.4.2.1. Hạn chế

** Nợ xấu vẫn tiềm ẩn và có xu hướng gia tăng:*

Kết quả phân loại nợ theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho thấy tổng số nợ xấu tại thời điểm 31/12/2015 là 56 tỷ VND, chiếm 0.1% tổng dư nợ tín dụng. Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng, nợ nhóm 2 bao gồm cả các khoản nợ đã quá hạn dưới 90 ngày và các khoản nợ đã được gia hạn nợ nhiều lần vẫn chiếm rất lớn, đặc biệt là các khoản nợ đã bán cho VAMC cũng như các khoản nợ được hạch toán ngoại bảng. Nên nếu phân loại nợ chuẩn xác và phân loại theo phương pháp định tính (điều 11, thông tư 02 NHNN) thì tỷ lệ nợ xấu sẽ rất cao.

Vì vậy, trong số nợ nhóm 2 vẫn tồn tại các khoản nợ xấu, hay nói cách khác, nợ xấu thực chất của Vietinbank Chi nhánh TP. Hà Nội vẫn chưa được phản ánh một cách chính xác. Trong khi đó, nếu đem so sánh với một số Ngân hàng khác có tỷ lệ nợ xấu ở mức cao, con số tỷ lệ nợ xấu của Vietinbank Chi nhánh TP. Hà Nội vẫn chưa được đánh giá thực chất.

** Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ còn chưa hiệu quả*

Kiểm tra, kiểm soát nội bộ có điểm mạnh hơn thanh tra NHNN ở tính thời gian vì nó nhanh chóng, kịp thời ngay khi vừa phát sinh vấn đề giúp công việc kinh doanh an toàn, hiệu quả hơn. Tuy nhiên, ở Vietinbank Chi nhánh TP. Hà Nội, hệ thống kiểm tra, kiểm soát vẫn chưa phát huy được tối đa vai trò của mình, do số lượng cán bộ kiểm tra kiểm soát chỉ có 03 người trong khi dư nợ của Chi nhánh là rất lớn. Vì vậy, kiểm tra nội bộ cần phải được xem như hệ thống “thắt” của cỗ xe tín dụng. Cỗ xe càng lao đi với vận tốc lớn thì hệ thống này càng phải an toàn, hiệu quả thì mới tránh cho cỗ xe khỏi đi vào những ngã rẽ rủi ro vốn luôn luôn tồn tại thường trực trên con đường đi tới.

** Hạn chế trong việc thu hồi nợ*

Thu hồi nợ trực tiếp, bán và khai thác tài sản cùng một số biện pháp khác có hiệu quả chưa cao: tại Vietinbank Chi nhánh TP. Hà Nội các khách nợ có nhiều loại khác nhau, để thu được nợ thì phải phân loại và có các chính sách hợp lý, song kết quả thu nợ không cao. Hơn nữa, khi sự biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước đã tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh, việc tiếp cận được vốn tín dụng từ Ngân hàng của các doanh nghiệp trở nên khó khăn hơn dẫn đến tâm lý không muốn trả các khoản nợ đến hạn từ phía khách hàng khiến cho tỷ lệ nợ xấu tăng cao. Đồng thời lãi suất tín dụng tăng cao, tình hình vay vốn của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn dẫn tới chi phí giá thành sản phẩm cao, lợi nhuận giảm, kèm theo đó là năng lực tài chính suy giảm, vốn luân chuyển chậm, không thực hiện đúng kế hoạch trả nợ Ngân hàng dẫn tới nợ quá hạn tăng đột biến. Các doanh nghiệp khó khăn về tài chính đều gặp phải trở ngại trong việc thanh toán tiền hàng, việc thu tiền bán hàng chậm, doanh nghiệp không trả nợ đúng hạn dẫn đến những hạn chế trong công tác thu hồi nợ của Vietinbank Chi nhánh TP. Hà Nội.

2.4.2.2. Nguyên nhân

** Nguyên nhân từ phía Chi nhánh*

- Hệ thống thông tin chưa hoàn thiện và mức độ tin cậy chưa cao: Thông tin luôn là yếu tố chi phối đến các quyết định cho vay của ngân hàng. Khi các quyết định cho vay được đưa ra trong trạng thái thông tin không đầy đủ hoặc thiếu chính xác sẽ tiềm ẩn nguy cơ nợ xấu. Mặt khác, khi nợ xấu phát sinh nếu không có đầy đủ thông tin về khách hàng và các mối quan hệ liên quan thì sẽ cản trở rất lớn đến xử lý thu hồi nợ. Hiện nay, Việt Nam chưa có một cơ chế công bố thông tin đầy đủ về doanh nghiệp và ngân hàng, gây trở ngại cho việc đánh giá và ra quyết định.

Mặc dù, Trung tâm thông tin tín dụng (CIC) của Ngân hàng nhà nước đã thay đổi và đang hoạt động tốt nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu thông tin cho NHTM. Thông tin đưa ra về lịch sử quan hệ tín dụng của khách hàng tại tổ chức tín dụng đôi khi còn thiếu chính xác, không được cập nhật tức thời và còn chung chung. Việc phối hợp, xử lý kiểm tra thông tin chưa được chú trọng, gây mất thời gian và làm

giảm sự tin tưởng của các NHTM khi khai thác thông tin. Ngoài ra, đối với thông tin của các đối tác nước ngoài thì thời gian thu thập và trả lời thông tin từ phía CIC khá lâu (thông thường mất ít nhất là một tuần), đôi khi làm ảnh hưởng tới quyết định cho vay của ngân hàng, và ở một số trường hợp ngân hàng đã phải ra quyết định trong tình trạng thiếu thông tin do áp lực về cơ hội kinh doanh.

- Cơ cấu cho vay không hợp lý:

Tỷ lệ cho vay lĩnh vực DNNN chiếm rất cao, điều này tiềm ẩn nợ xấu phát sinh. Thực tế cho thấy các khoản nợ chuyển quá hạn trong thời gian qua là: (i) Hầu hết là các DN hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, (ii) Hoạt động tại địa bàn xa ngoài Hà Nội, (iii) Chủ doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật...

- Trình độ cán bộ hạn chế và rủi ro đạo đức:

Hiện nay tại Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đã có nhiều đổi mới trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ như việc mở ra các kỳ thi tuyển để chọn nhân viên có trình độ cao. Song việc sắp xếp vào các vị trí trong Ngân hàng vẫn chưa được tối ưu, chế độ đãi ngộ chưa được hợp lý, do đó, hàng năm Ngân hàng luôn mất đi một số lượng lớn nhân viên mới tuyển vào. Thời gian gần đây vẫn còn hiện tượng cán bộ làm việc chưa chuyên tâm, chất lượng các báo cáo thẩm định, kiểm tra vốn vay còn nhiều điểm cần khắc phục. Tính chủ động sáng tạo trong công việc còn hạn chế. Thậm chí, tuy không nhiều song vẫn còn có các trường hợp vi phạm Quy chế cho vay, che dấu không báo cáo cho lãnh đạo kịp thời các diễn biến của khoản vay. Vấn đề rủi ro đạo đức thời gian qua cũng còn nhiều bất cập. Tất cả các vụ án này đều liên quan đến các cán bộ của Ngân hàng thoái hóa biến chất.

- Kiểm tra kiểm soát nội bộ và hệ thống thông tin chưa đáp ứng yêu cầu:

Tại Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội, bộ Kiểm tra kiểm soát nội bộ chưa đủ mạnh về số lượng và trình độ cán bộ. Thiếu phương tiện và điều kiện nắm bắt thông tin, nên không thực hiện được nhiệm vụ nắm bắt hoạt động của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội, đó là công tác kiểm tra kiểm soát không có môi trường công nghệ thông tin hỗ trợ. Bộ phận kiểm tra kiểm soát làm việc đôi lúc còn bị động do còn phải tham gia vào nhiều những công việc khác ngoài chương trình

công tác đã được phê duyệt. Do vậy mà đôi khi đã không thể hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Chưa gắn trách nhiệm của cán bộ liên quan với chất lượng tín dụng:

Việc triển khai xử lý nợ xấu chưa gắn với việc quy trách nhiệm đến cán bộ tín dụng và người có trách nhiệm liên quan. Thực tế xem xét từng trường hợp đề nghị xử lý rủi ro cụ thể thấy rằng nguyên nhân của một số khoản nợ xấu là do chưa theo dõi, kiểm soát trước và sau khi cho vay.

- Thiếu sự phối hợp chặt chẽ trong xử lý nợ xấu giữa các bộ phận có liên qua

Quá trình xử lý nợ xấu của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội cho thấy cơ chế điều hành và sự phối hợp giữa các phòng ban tại Chi Nhánh chưa đồng nhất. Cán bộ cấp tín dụng khoản vay sau khi phát sinh nợ xấu thì bàn giao toàn bộ hồ sơ sang Bộ phận xử lý nợ mà thiếu sự phối hợp, né tránh.

** Nguyên nhân từ Hội sở chính Vietinbank*

- Hệ thống chấm điểm xếp hạng tín dụng nội bộ chưa hoàn thiện

Đối với doanh nghiệp, việc chấm điểm xếp hạng tín dụng chỉ được thực hiện khi doanh nghiệp cung cấp báo cáo tài chính hai năm gần nhất, như vậy với những doanh nghiệp mới thành lập, có thời gian hoạt động dưới hai năm sẽ không đủ điều kiện để thực hiện xếp hạng theo Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ với loại hình là khách hàng doanh nghiệp, vì thế ngân hàng không thực hiện chấm điểm xếp hạng tín dụng mà thực hiện phân loại nợ chủ yếu theo thời gian quá hạn hoặc phải thực hiện xếp hạng theo bộ chỉ tiêu dành cho khách hàng có quy mô nhỏ (với đối tượng khách hàng này, việc đánh giá sẽ được loại bỏ một số chỉ tiêu so với khách hàng doanh nghiệp) từ đó sẽ ảnh hưởng tới việc xác định và phân loại nợ của những khách hàng này.

Bên cạnh đó, với các chỉ tiêu phi tài chính, việc đánh giá chủ yếu dựa trên ý kiến chủ quan của người chấm điểm mà chưa có chế tài kiểm soát thường xuyên mức độ xác thực của thông tin được nhập vào Hệ thống xếp hạng tín dụng nên trong một số trường hợp kết quả xếp hạng tín dụng có thể bị làm sai lệch do vô tình hoặc cố ý.

- Quy trình thẩm định tài sản bảo đảm chưa có

Trong quá trình xét duyệt cho vay, việc đánh giá giá trị tài sản cầm cố, thế chấp chưa sát thực, phụ thuộc hoàn toàn vào đánh giá chủ quan của nhân viên cho vay trong khi trình độ hạn chế, không có đủ kiến thức chuyên môn trên những lĩnh vực khác nhau nên không thể đánh giá được hiện trạng của tài sản. Đặc biệt, chưa có một chuẩn mực về định giá giá trị tài sản bảo đảm cụ thể đối với từng loại tài sản như bất động sản, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, hàng hóa... dẫn đến tình trạng định giá không sát với giá trị thực do vô tình hoặc cố ý, ảnh hưởng tới kết quả xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ xấu, một số khoản vay mặc dù đã xử lý hết tài sản bảo đảm nhưng cũng không đủ để thu hồi nợ.

- Hiệu quả hoạt động của Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản (AMC) chưa phát huy được thế mạnh

Xây dựng cơ chế khuyến khích trong việc xử lý và thu hồi nợ xấu đối với cán bộ nhân viên của Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản như có chế độ khen thưởng, tiền lương, ưu tiên trong công tác đào tạo, tạo cơ hội rèn luyện chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài nước.

Quy định cụ thể trách nhiệm, mục tiêu trong công tác xử lý nợ xấu do các chi nhánh chuyên giao. Thay vì mục tiêu lợi nhuận, đối với công tác xử lý, thu hồi nợ xấu cần đặt giá trị thu hồi các khoản nợ xấu làm tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động xử lý nợ xấu của Công ty.

Để tăng cường hơn nữa hoạt động mua bán nợ của Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cơ quan chủ quản cần tạo điều kiện bổ sung vốn điều lệ cho công ty, khuyến khích phát triển nghiệp vụ mua bán nợ không chỉ trong hệ thống mà còn thực hiện đối với các khoản nợ của các Ngân hàng khác.

** Nguyên nhân từ phía khách hàng:*

Một trong những nguyên nhân làm chậm quá trình xử lý thu hồi nợ xấu là do hoạt động kinh doanh của khách hàng gặp khó khăn, không có hiệu quả, thua lỗ thậm chí là ngừng hoạt động, một số khoản nợ xấu phát sinh do chủ doanh nghiệp bị đi tù... khiến khách hàng không còn khả năng trả nợ.

Ngoài ra, một số khách hàng do hạn chế về trình độ, kỹ năng quản lý dẫn đến đầu tư mở rộng quá mức hoặc không quản lý được dòng tiền của doanh nghiệp, dẫn đến tình trạng nợ đến hạn thanh toán nhưng nguồn thanh toán lại về chậm hơn dự kiến, do đó xử lý nợ xấu bị kéo dài trong khoảng thời gian thiếu nguồn thanh toán.

** Nguyên nhân từ môi trường kinh doanh:*

- Môi trường pháp lý chưa đầy đủ

Hầu hết Chính phủ các nước đều nhận ra tác động tiêu cực của các khoản nợ xấu đối với nền kinh tế và đã phối hợp thực hiện các biện pháp như ban hành luật, quy định về xử lý nợ xấu. Hành lang pháp lý phải rõ ràng, thuận lợi và đủ mạnh để giải quyết nợ xấu, cụ thể phải có các Luật có hiệu lực về thế chấp, tịch thu tài sản và phá sản Ngân hàng, có chính sách thích hợp có giới hạn ngân sách cứng đối với những doanh nghiệp có vấn đề.

Ở các nước phát triển trên thế giới, Nhà nước đã ban hành Luật để xử lý thu hồi nợ xấu vì đây là vấn đề quan trọng của đất nước. Cơ chế pháp lý có hiệu quả là cần phải có các biện pháp thích hợp và xử lý nợ có hiệu quả để tránh tình trạng thủ tục rườm rà kéo dài qua nhiều tầng lớp.

- Môi trường tự nhiên:

Những biến động lớn về thời tiết, khí hậu gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh đặc biệt là lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Điều kiện tự nhiên là yếu tố khó dự đoán, nó thường xảy ra bất ngờ với thiệt hại lớn nằm ngoài tầm kiểm soát của con người. Vì vậy khi có thiên tai địch họa xảy ra, khách hàng cùng Ngân hàng sẽ có nguy cơ tổn thất lớn, phương án kinh doanh bị đổ bể, doanh nghiệp không có nguồn thu... điều đó đồng nghĩa với Ngân hàng phải cùng chia sẻ rủi ro với khách hàng của mình.

- Môi trường kinh tế xã hội:

Môi trường kinh tế xã hội trong nước biến động chịu ảnh hưởng của những biến động từ nền kinh tế thế giới đó là nguyên nhân làm phát sinh rủi ro trong hoạt động kinh doanh của nền kinh tế, từ đó ảnh hưởng tới các lĩnh vực của nền kinh tế trong đó Ngân hàng là ngành chứa đựng nguy cơ rủi ro lớn nhất.

Những tác động của môi trường bên ngoài tới bên vay làm cho họ bị tổn thất tài chính dẫn đến việc không thực hiện được đầy đủ và đúng hạn cam kết trả nợ gốc và lãi đối với Ngân hàng thậm chí là mất khả năng thanh toán đi đến phá sản hoặc giải thể.

Nhóm tác động bất khả kháng như biến động thị trường, thay đổi về lãi suất, tỷ giá, ảnh hưởng của các cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và khu vực và những nguyên nhân do thay đổi cơ chế chính sách của kinh tế vĩ mô gây ra cho khách hàng những gánh nặng nợ nần không đáng có.

KẾT LUẬN CHƯƠNG II

Qua phân tích thực trạng cho thấy tỷ lệ nợ xấu của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội giai đoạn 2012 đến hết năm 2015 luôn ở mức thấp so với hệ thống Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cũng như với các Ngân hàng khác. Tuy nhiên, nếu đánh giá và phân loại nợ đúng theo quy định của Thông tư 02/NHNN và cộng số dư nợ đã bán nợ thì tỷ lệ nợ xấu trên Tổng dư nợ cũng sẽ không hề nhỏ. Đây là một mảng tối nghiêm trọng mà Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội phải đối mặt và hậu quả sẽ còn kéo dài trong nhiều kỳ về sau. Chính vì vậy cần thiết phải đánh giá đúng thực trạng quản lý nợ xấu của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội trong giai đoạn 2012 - 2015. Bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác quản lý nợ xấu như công tác quản lý nợ xấu được thực hiện nghiêm túc; tốc độ gia tăng nợ xấu đã giảm đi đáng kể, qui mô nợ xấu được duy trì ở mức tương đối ổn định; các biện pháp phòng ngừa và xử lý nợ xấu đã mang lại hiệu quả tích cực trong việc kiểm soát và xử lý nợ xấu... thì hoạt động quản lý nợ xấu của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội vẫn tồn tại nhiều hạn chế cần khắc phục.

Chương III

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NỢ XẤU TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1. Định hướng phát triển hoạt động tín dụng và quan điểm hoàn thiện quản lý nợ xấu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội

3.1.1. Định hướng phát triển chung

- Năm 2010 nền kinh tế toàn cầu có nhiều dấu hiệu hồi phục. Tuy nhiên nền kinh tế các nước phát triển vẫn tiếp tục gặp nhiều biến động và thách thức biến động và thách thức trong quá trình hồi phục và còn gây ảnh hưởng mạnh đến thị trường xuất nhập khẩu và đầu tư vốn. Đối với môi trường kinh tế trong nước, hoạt động kinh doanh tiền tệ vẫn còn phải đối mặt với khó khăn về nguy cơ lạm phát, căng thẳng về thanh khoản, diễn biến phức tạp của tỉ giá, cung cầu ngoại tệ. Bên cạnh đó, hoạt động Ngân hàng cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt, đặc biệt giữa các nhóm Ngân hàng cổ phần, các Ngân hàng nước ngoài hoạt động 100% vốn tại Việt Nam và các kênh đầu tư khác. Để thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, NHNN tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ theo hướng chủ động, linh hoạt và thận trọng nhằm ổn định thị trường tiền tệ, bảo đảm khả năng thanh khoản của hệ thống Ngân hàng và hỗ trợ thanh khoản cho nền kinh tế; kiểm soát tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán khoảng 20% và tín dụng khoảng 20%, lãi suất và tỷ giá ở mức hợp lý...

- Năm 2016 và những năm tiếp theo, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội xác định mục tiêu chung là tiếp tục giữ vững, phát huy vai trò Chi nhánh đầu tàu của hệ thống Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Bằng mọi giải pháp để huy động tối đa nguồn vốn trong và ngoài nước. Duy trì tăng trưởng tín dụng ở mức hợp lý. Ưu tiên cán bộ, tạo cơ chế phục vụ phân khúc khách hàng bán lẻ, các doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm đáp ứng được yêu cầu chuyển dịch cơ cấu đầu tư cho sản xuất,

tăng tỷ lệ dư nợ cho phân khúc này đạt 50%/tổng dư nợ. Để tiếp tục giữ vững vị trí là Chi nhánh hàng đầu cung cấp sản phẩm dịch vụ tiện ích, hiện đại có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của đông đảo khách hàng, đồng thời tăng nguồn thu ngoài tín dụng, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội không ngừng tập trung đổi mới, phát triển mạnh công nghệ ngân hàng theo hướng hiện đại hóa. Năm 2016, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội phấn đấu đạt được các mục tiêu tăng trưởng cụ thể, đó là: so với năm 2015, nguồn vốn tăng từ 15% -20%; dư nợ tăng 20% - 25%; tỷ lệ cho vay phân khúc bán lẻ đạt 10%/tổng dư nợ; nợ xấu dưới 0.1%; tỷ lệ thu ngoài tín dụng tăng 20%; hệ số an toàn vốn (CAR) theo chuẩn quốc tế.

- Đối với hoạt động Tín dụng:

+ Tiếp tục giữ vững vai trò chủ lực trong hệ thống Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

+ Duy trì mức tăng trưởng tín dụng ở mức hợp lý; ưu tiên vốn đầu tư và tập trung nhân lực cho vay phân khúc khách hàng bán lẻ, tiêu dùng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ.

+ Kiểm soát chặt chẽ tăng trưởng cho vay kinh doanh bất động sản, vay vốn không có TSBĐ.

3.1.2. Một số định hướng cụ thể về hoạt động tín dụng

Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội xác định mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm như sau:

Các chỉ tiêu hoạt động chính

➤ Tổng tích sản: Tăng 15,0% so với năm 2015.

➤ Lợi nhuận trước thuế: Đạt 2.500 tỷ đồng

Riêng đối với mảng tín dụng nói chung và quản trị nợ xấu nói riêng cần đạt được các chỉ tiêu sau:

➤ Huy động vốn từ nền kinh tế: Tăng 18,0% so với năm 2015.

➤ Dư nợ tín dụng: Tăng 25,0% so với năm 2015.

➤ Nợ xấu: Dưới 0,1%

➤ Thu hồi nợ ngoài bảng: 200 tỷ

Để thực hiện được các mục tiêu trên, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội đề ra những nhiệm vụ trọng tâm dưới đây:

- Đột phá mạnh trong huy động vốn. Đặt nhiệm vụ huy động vốn làm nhiệm vụ trọng tâm và ưu tiên hàng đầu của năm nhằm mở rộng và tăng quy mô hoạt động.

- Tăng cường hoạt động, đẩy mạnh mảng hoạt động Ngân hàng bán lẻ nhằm cải thiện cơ cấu nguồn vốn và sử dụng vốn theo hướng tăng tính ổn định và phân tán rủi ro.

- Tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh đi đôi với việc bảo đảm tuân thủ các giới hạn an toàn trong hoạt động Ngân hàng; Phát huy tối đa lợi thế của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội trong các hoạt động truyền thông; Đảm bảo sự cân đối hài hoà giữa huy động và sử dụng vốn.

- Tiếp tục đổi mới, hiện đại hoá công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng trong kinh doanh và hỗ trợ công tác quản trị, điều hành.

- Đẩy mạnh các quan hệ đối ngoại; Thực hiện tốt hoạt động thông tin tuyên hình ảnh, thương hiệu và sản phẩm của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội trong hệ thống cũng như trên thị trường.

- Ban hành và hoàn thiện các quy trình, quy chế của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội để phù hợp với các quy định của pháp luật, của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam nhằm giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động.

Đó là các nhiệm vụ quan trọng mà Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội cần thực hiện để đạt được mục tiêu phát triển chung.

3.1.3. Yêu cầu và quan điểm về quản lý nợ xấu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội

Theo quan điểm phòng còn hơn chống, có nghĩa là ưu tiên các giải pháp hạn chế nợ xấu phát sinh mới. Nhưng song song với hạn chế nợ xấu cũng không làm ảnh hưởng đến tăng trưởng của Ngân hàng và không làm hạn chế khả năng tiếp cận nguồn vốn của khách hàng, phải có sự phù hợp giữa hạn chế nợ xấu với yêu cầu phát triển. Suy cho cùng, trong hoạt động kinh doanh, không thể tránh khỏi rủi ro, vì vậy cũng cần phải chấp nhận một tỷ lệ hợp lý để đảm bảo mục tiêu kinh doanh hiệu quả an toàn.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện quản lý nợ xấu tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội

Trên cơ sở nghiên cứu về nợ xấu cho thấy khả năng xuất hiện nợ xấu đối với một khoản vay do nhiều nguyên nhân khác nhau, vì vậy cũng có nhiều biện pháp phòng ngừa và hạn chế nợ xấu của Ngân hàng. Để đảm bảo an toàn vốn vay, đảm bảo khả năng thu hồi nợ gốc và lãi, Ngân hàng có thể thực hiện một số giải pháp sau:

3.2.1. Nâng cao chất lượng thông tin tín dụng, phân tích đánh giá các thông số trong quản lý rủi ro tín dụng và cơ cấu cho vay

Để thực hiện được tốt công tác thẩm định thì cần phải có hệ thống thông tin đầy đủ, chính xác, cập nhật, kịp thời. Thông tin đảm bảo yêu cầu sẽ giúp việc thẩm định có được những quyết định phù hợp. Vì vậy nâng cao chất lượng thông tin là vấn đề mà Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội cần quan tâm. Nội dung của công việc này là:

- Tiến hành thu thập thông tin về khách hàng từ tất cả các kênh: trung tâm thông tin tín dụng CIC, từ nguồn thông tin nội bộ, từ Internet... Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội cũng cần nắm được xu hướng phát triển đối với các lĩnh vực, ngành nghề cho vay. Trên cơ sở đó tập hợp, phân tích và đánh giá mức độ rủi ro có thể xảy ra, có cơ sở tính toán xác định hạn mức rủi ro, quản lý và xử lý rủi ro cho phù hợp với thực tiễn hoạt động.

- Tổ chức hệ thống thông tin quản lý phải đạt được các yêu cầu đối với quản trị doanh nghiệp: đó là thông tin thông suốt từ trên xuống dưới và từ dưới lên trên, kịp thời, chính xác, đầy đủ, cập nhật. Quản trị mạng theo mô hình Ngân hàng hiện đại, an toàn, bảo mật.

Về việc phân tích đánh giá các thông số trong quản lý rủi ro tín dụng, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội cần phải làm tốt các việc sau:

- Phân tích, đánh giá thực hiện quy định về các tỷ lệ để đảm bảo an toàn trong hoạt động Ngân hàng: Vốn tự có, tài sản có rủi ro được tính theo quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động Ngân hàng, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, việc chuyển nhượng cổ phần, góp vốn mua cổ phần doanh nghiệp, vốn pháp định, vốn điều lệ.

- Phân tích, đánh giá về đánh giá khả năng chi trả: Tài sản có có thể thanh toán ngay so với tài sản nợ phải thanh toán ngay, tỷ lệ dự trữ bắt buộc. đánh giá rủi ro thanh khoản, cân đối vốn và sử dụng vốn, tăng trưởng tài sản có, tài sản nợ và các khoản vốn lớn.

- Cơ cấu cho vay: Cần tiếp tục giảm tỷ lệ cho vay đối với các DNNN, các Tập đoàn, Tổng công ty, đẩy mạnh cho vay các Doanh nghiệp ngoài quốc doanh đặc biệt là các Doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu vi mô...

3.2.2. Nâng cao chất lượng thẩm định tín dụng

Chất lượng thẩm định quyết định chất lượng tín dụng của Ngân hàng nhất là chất lượng thẩm định dự án đầu tư. Có rất nhiều nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng thẩm định như các chính sách về đầu tư, các quy hoạch ngành, vùng... Nội dung thẩm định ngày càng được hoàn thiện, các phương pháp thẩm định tiên tiến đã dần được áp dụng trong toàn hệ thống. Trình độ cán bộ phân tích tín dụng và thẩm định dự án không ngừng được nâng cao. Tuy nhiên, bên cạnh những bước phát triển trên còn có một số hạn chế trong quá trình thẩm định. Để khắc phục Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội cần xem xét:

- Như hiện tại thì việc thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư mất rất nhiều thời gian, Chủ đầu tư sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép triển khai dự án, phải lập dự án. Sau đó các Bộ, ban ngành, Ngân hàng thẩm định lại một cách độc lập. Mỗi bên đều có yêu cầu riêng và để đảm bảo yêu cầu khách quan hoạt động thẩm định của Ngân hàng cũng được thực hiện tách rời với chủ đầu tư. Kinh nghiệm chuyên môn của cán bộ Ngân hàng không thể chuyên sâu cho tất cả các lĩnh vực do vậy thời gian thẩm định kéo dài, chi phí lớn. Một số trường hợp chủ đầu tư muốn rút ngắn thời gian chuẩn bị đầu tư. Để tiết kiệm chi phí và tận dụng được khả năng của cán bộ xây dựng dự án cần có sự kết hợp ngay từ đầu giữa Ngân hàng và Chủ đầu tư trong việc thẩm định dự án.

- Về cho vay ngắn hạn, nếu thấy người vay không có khả năng hoàn trả Ngân hàng có thể ngừng cấp tín dụng, đồng thời phát mại tài sản thế chấp. Cho vay trung và dài hạn khó khăn hơn. Khi phát sinh rủi ro Ngân hàng khó thực hiện việc phát mại

tài sản. Ngân hàng cần tham gia trực tiếp vào quá trình định hướng của ngành mà Ngân hàng cho vay, tham gia vào quá trình phân tích của chủ đầu tư. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng có thể thẩm định thêm một số chỉ tiêu mà Ngân hàng cho cần thiết.

3.2.3. Tăng cường số lượng và chất lượng nhân lực làm công tác tín dụng

Phát triển nguồn lực là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong các kế hoạch và chiến lược hành động, nhằm nâng cao sức cạnh tranh đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Đặc biệt trong công tác quản lý rủi ro, trình độ cán bộ không chỉ dừng lại ở việc thực hiện tốt công việc được giao mà đây là nghiệp vụ quản trị ngân hàng hiện đại, với những kiến thức rất mới, đòi hỏi các cán bộ làm công tác này phải chủ động, tìm tòi, nghiên cứu, đồng thời biết cách ứng dụng vào hoạt động của Ngân hàng mình. Cụ thể:

- Chính sách tuyển dụng cán bộ mới: Tuyển dụng nhân lực là cách thức bổ sung trực tiếp cho nguồn nhân lực. Do vậy, nếu chất lượng tuyển dụng được bảo đảm thì có tác dụng góp phần cải thiện nhanh chất lượng nguồn nhân lực. Trong điều kiện hiện nay, đòi hỏi Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội phải có chính sách tuyển dụng khoa học, mang tính thực tiễn đặc thù. Cụ thể:

- + Xây dựng bổ sung quy trình tuyển dụng. Công tác tuyển dụng cần tuân thủ đầy đủ các điều kiện tiêu chuẩn tuyển dụng theo quy định đảm bảo tính công khai minh bạch, không để xảy ra sai sót hoặc có sự can thiệp từ các mối quan hệ thân quen.

- + Xác định rõ nguồn tuyển dụng là từ nguồn nào, bắt buộc phải có kinh nghiệm hay không? Hàng năm số lượng sinh viên tốt nghiệp khá lớn nhưng cần có sự lựa chọn cho phù hợp về trường tốt nghiệp, văn bằng ... Từ nguồn này, dưới chế độ thi tuyển nghiêm ngặt sẽ tạo cơ hội cho ngân hàng có thể chọn được nguồn nhân sự tốt.

- + Quan tâm hàng đầu đối với đội ngũ nhân viên giỏi là nguồn chất xám quan trọng đang công tác tại các ngân hàng nước ngoài, định chế tài chính... Để có chính sách đãi ngộ đặc biệt như trả lương cao, tạo cơ hội thăng tiến để thu hút họ về phục vụ cho Ngân hàng.

+ Thường xuyên tổ chức đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý rủi ro. Đây là biện pháp quan trọng, lâu dài đối với công tác tín dụng và sự phát triển của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội.

- Chính sách giữ chân cán bộ cũ có năng lực, có kinh nghiệm: Tình trạng thiếu các cán bộ quản lý có năng lực có kinh nghiệm đang diễn ra khá phổ biến tại hầu hết các chi nhánh. Trong khi đó vẫn có một số lượng cán bộ đã công tác lâu năm tại Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội lại chuyển sang mảng công việc trên Hội sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Do thời gian đào tạo để có được một cán bộ tín dụng làm việc tốt thường lâu dài, vì vậy trên góc độ tiết kiệm chi phí, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội cần có chính sách thích hợp, quy hoạch vị trí lãnh đạo, luân chuyển vị trí trong chi nhánh để giữ chân các cán bộ có khả năng làm việc và có kinh nghiệm nghề nghiệp.

Việc đào tạo cần phải có trọng tâm, trọng điểm, đào tạo chuyên ngành, không đào tạo đại trà. Quá trình đào tạo cần chú ý đến trình độ thẩm định của các cán bộ tín dụng.

3.2.4. Tăng cường kiểm tra, giám sát bảo đảm tính tuân thủ

Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội là chi nhánh đặc biệt của hệ thống cần củng cố, kiện toàn hệ thống kiểm tra, kiểm toán nội bộ. Nhất thiết phải thiết lập 01 phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ của Chi nhánh chuyên trách và các cán bộ kiểm tra hoạt động độc lập với các bộ phận nghiệp vụ và được độc lập đánh giá, kết luận, kiến nghị trong hoạt động kiểm tra kiểm toán.

Qua đó, xây dựng hoàn chỉnh các quy chế, quy trình kiểm tra. Xây dựng chương trình kiểm tra định kỳ (kể cả hệ thống giám sát từ xa) để giám sát phòng ngừa phòng ngừa mọi sai sót, mọi hành vi vi phạm pháp luật để bảo đảm an toàn hoạt động kinh doanh toàn hệ thống và từng đơn vị thành viên. Chủ động kiểm tra kiến nghị xử lý các trường hợp sai phạm, đảm bảo mọi hoạt động của Ngân hàng đều được kiểm tra kiểm soát chặt chẽ.

Hệ thống kiểm tra phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc và việc kiểm tra giám sát bảo đảm thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ

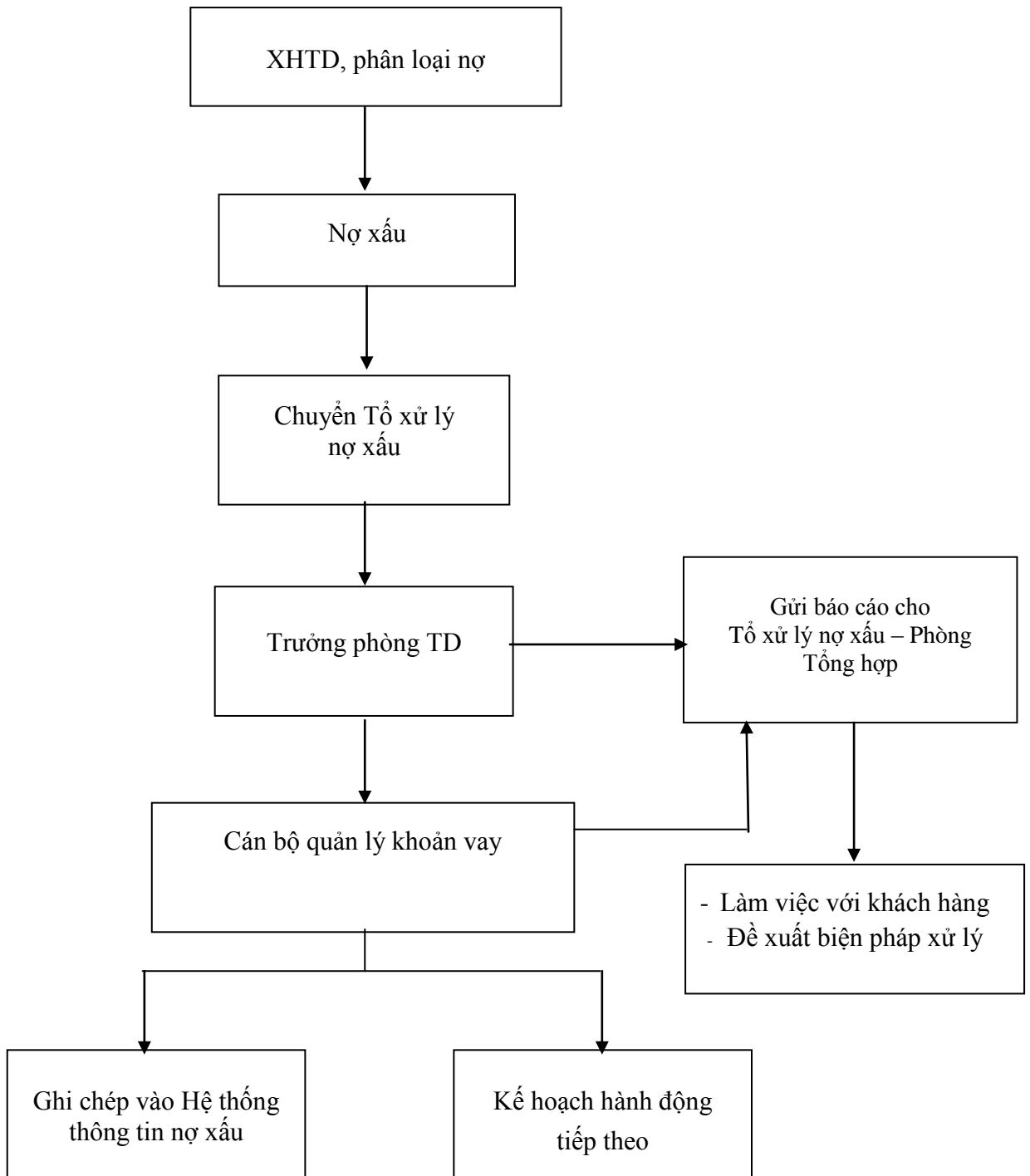
của Ngân hàng. Trên cơ sở xây dựng các hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả chung của Ngân hàng, xây dựng và phát triển hệ thống thu thập, quản lý và cung cấp thông tin quản lý rủi ro trên tất cả các mặt hoạt động phục vụ cho việc kiểm tra kiểm soát đạt hiệu quả cao hơn.

Ngoài ra, cũng cần chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện những kiến nghị của kiểm tra NHNN.

3.2.5. Xây dựng quy trình hướng dẫn xử lý nợ xấu khoa học, thống nhất

Hiện nay, Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội chỉ có một tổ Quản lý nợ có vấn đề thuộc phòng Tổng hợp. Khi khoản nợ bắt đầu quá hạn thì phòng khách hàng phụ trách khoản nợ chuyển thông tin cho Tổ quản lý nợ để lên kế hoạch làm việc cũng như thu hồi khoản nợ, trong khi trách nhiệm của phòng phụ trách khoản nợ gần như không có. Như vậy, không có sự phối hợp giữa các bộ phận, cũng như lên phương án cụ thể đối với từng khoản nợ, đặc biệt việc xếp hạng tín dụng và phân loại nợ gần như không được thể hiện qua quy trình xử lý nợ.

Căn cứ Quyết định số 2442/2015/QĐ-HĐQT-NHCT37/1 ngày 30/9/2015 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về việc ban hành quy trình xử lý nợ có vấn đề. Chi nhánh cần xây dựng lại hướng dẫn quy trình xử lý nợ có vấn đề đặc biệt xác định rõ trách nhiệm cũng như sự phối hợp giữa bộ phận tín dụng và bộ phận thu hồi, xử lý nợ. Quy trình xử lý nợ xấu cần được cụ thể bằng sơ đồ dưới đây:



Hình 3.2. Quy trình xử lý nợ xấu

3.3. Một số kiến nghị

Ngân hàng thương mại hoạt động kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật do Nhà nước ban hành và chịu sự giám sát, kiểm soát trực tiếp của Ngân hàng nhà nước, do vậy hoạt động cho vay cũng không nằm ngoài các quy định của pháp luật. Để hạn chế rủi ro và tăng cường hiệu quả trong hoạt động của chi nhánh, sự phối hợp từ phía các phòng, ban Hội sở chính, cơ quan nhà nước có ý nghĩa hết sức quan trọng và có ảnh hưởng chi phối.

3.3.1. Kiến nghị đối với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

* Hoàn thiện hệ thống chấm điểm xếp hạng tín dụng nội bộ

Một trong những vấn đề cần giải quyết đối với hệ thống chấm điểm xếp hạng tín dụng hiện tại là việc chấm điểm xếp hạng tín dụng đối với các khách hàng là doanh nghiệp mới thành lập. Trong trường hợp doanh nghiệp chưa thể đáp ứng yêu cầu về báo cáo tài chính (cung cấp báo cáo tài chính trong hai năm gần nhất), để đảm bảo tất cả các khách hàng đều được phân loại dựa trên kết quả xếp hạng tín dụng bao gồm cả các chỉ tiêu định tính và định lượng, ngân hàng có thể thiết lập một bộ chỉ tiêu dành riêng cho đối tượng khách hàng này. Thay vì đánh giá tài chính dựa trên báo cáo của doanh nghiệp, ngân hàng có thể mặc định đưa vào hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ một số chỉ tiêu tài chính bình quân của ngành tương ứng với quy mô của doanh nghiệp làm cơ sở đánh giá như vòng quay vốn lưu động, vòng quay hàng tồn kho, khoản phải thu, tỷ suất lợi nhuận doanh thu..., kết hợp với bộ chỉ tiêu định tính sẽ cho ra kết quả xếp hạng tín dụng có mức độ tin cậy cao hơn.

* Xây dựng quy trình thẩm định tài sản bảo đảm

Cần xây dựng quy trình thẩm định tài sản bảo đảm trên cơ sở quy định cụ thể, chi tiết danh mục tài sản bảo đảm được chấp nhận, phân theo loại tài sản bảo đảm như bất động sản, phương tiện giao thông, máy móc thiết bị, hàng hóa, quyền tài sản...

Ngoài ra, cần quy định các tiêu chí nhằm xác định giá trị tài sản bảo đảm một cách khách quan, đồng nhất và đáp ứng yêu cầu thận trọng trên quan điểm tối thiểu hóa rủi ro, cụ thể:

- Đối với bất động sản: xác định giá trị tài sản trên cơ sở khung giá đất do cơ quan nhà nước ban hành và hệ số k cho từng tuyến đường cụ thể. Đối với tài sản trên đất sẽ định giá theo đơn giá xây dựng do nhà nước ban hành có xem xét đến yếu tố chi phí xây dựng thực tế phát sinh.

- Đối với tài sản khác (máy móc thiết bị, hàng hóa, phương tiện vận tải...): định giá tài sản trên cơ sở chi phí hợp lý mua tài sản hoặc giá trị còn lại của tài sản (đối với tài sản đã qua sử dụng).

Có thể xem xét quy định cụ thể bộ phận chuyên trách trong việc định giá tài sản bảo đảm, đảm bảo nguyên tắc độc lập, khách quan. Trong trường hợp tài sản bảo đảm có tính kỹ thuật đặc thù, phức tạp cần quy định cụ thể đối với việc thuê cơ quan định giá hoặc chuyên gia cho Công ty quản lý nợ và khai thác thực hiện định giá.

Quy trình thẩm định tài sản bảo đảm cũng cần quy định chi tiết các thủ tục, giấy tờ nhằm đảm bảo tính pháp lý đối với tài sản khi thế chấp, cầm cố tại Agribank. Tránh trường hợp khi xử lý tài sản gặp rất nhiều khó khăn do tính pháp lý chưa đảm bảo.

Bên cạnh đó, quy trình thẩm định tài sản bảo đảm cần quy định thời gian tối đa đối với công tác quản lý, kiểm tra, định giá lại giá trị tài sản bảo đảm, đặc biệt chú trọng đến quy định về quản lý tài sản bảo đảm là hàng hóa, động sản khác.

* Nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản (AMC).

Xây dựng cơ chế khuyến khích trong việc xử lý và thu hồi nợ xấu đối với cán bộ nhân viên của Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản như có chế độ khen thưởng, tiền lương, ưu tiên trong công tác đào tạo, tạo cơ hội rèn luyện chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài nước.

Quy định cụ thể trách nhiệm, mục tiêu trong công tác xử lý nợ xấu do các chi nhánh chuyên giao. Thay vì mục tiêu lợi nhuận, đối với công tác xử lý, thu hồi nợ xấu cần đặt giá trị thu hồi các khoản nợ xấu làm tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động xử lý nợ xấu của Công ty.

Để tăng cường hơn nữa hoạt động mua bán nợ của Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cơ quan chủ quản cần tạo điều kiện bổ sung vốn điều lệ cho công ty, khuyến khích phát triển nghiệp vụ mua bán nợ không chỉ trong hệ thống mà còn thực hiện đối với các khoản nợ của các Ngân hàng khác.

3.3.2. Kiến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước

Thứ nhất: NHNN nên tăng cường hoạt động thanh tra, giám sát hệ thống Ngân hàng vì mục tiêu sinh lợi của hoạt động Ngân hàng trên cơ sở đảm bảo an toàn cho từng NHTM cũng như toàn hệ thống. Các quy định của NHNN ban hành ra phải được các Ngân hàng thực hiện một cách thống nhất, không phân biệt NHTM cổ phần và NHTM nhà nước, NHTM trong nước và NHTM có vốn nước ngoài hay chi nhánh Ngân hàng nước ngoài ở Việt Nam. NHNN cũng kiểm tra, theo dõi thường xuyên hoạt động của các NHTM, nhất là hoạt động tín dụng, phát hiện các dấu hiệu phát sinh các khoản nợ xấu cho NHTM, đề ra các biện pháp xử lý nợ xấu dứt điểm làm trong sạch tình hình tài chính của NHTM. Thông qua đó, nâng cao tính minh bạch, công khai, tăng cường lòng tin của khách hàng với Ngân hàng.

Thứ hai: NHNN nên có quy định cụ thể, biện pháp quản lý, thanh tra, kiểm tra để đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ. Các Ngân hàng phải tuân thủ theo một cơ chế tín dụng thống nhất của NHNN, không được hạ thấp tiêu chuẩn tín dụng để cạnh tranh, giành giật khách hàng, gây rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động tín dụng.

Trung tâm thông tin tín dụng CIC của NHNN cần phát huy hơn nữa vai trò của mình trong việc cung cấp thông tin một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Trung tâm CIC cần kết hợp chặt chẽ với các NHTM hơn nữa để khai thác triệt để các thông tin về khách hàng. Như vậy, các NHTM mới có thể có đủ thông tin để quyết định cho vay và thu nợ chính xác.

NHNN cần tăng cường hơn nữa việc kiểm soát các NHTM thông qua hình thức giám sát từ xa và thanh tra tại chỗ. NHNN nên nhận xét đánh giá hoạt động kiểm toán nội bộ của NHTM đối với các lĩnh vực có rủi ro cao. Cần ban hành một

văn bản trong đó có các yêu cầu tối thiểu bắt buộc khi NHTM thực hiện hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ để tiện cho việc quản lý của NHNN.

Thứ ba: Hậu quả của gánh nặng nợ xấu tồn đọng không phải chỉ do ngành Ngân hàng gây ra mà còn là hậu quả của chính sách, cơ cấu kinh tế bất hợp lý, sự điều hành yếu kém của đại bộ phận doanh nghiệp Nhà nước. Đề nghị NHNN báo cáo Chính Phủ cần đẩy mạnh công tác đổi mới, sắp xếp lại, cổ phần hóa các DNNN để tạo nên khu vực mới năng động hiệu quả hơn. Nhà nước cần phải đặt vấn đề xử lý nợ xấu tồn đọng của các NHTM là một chiến lược chung của Chính phủ để có thể thực hiện được tái cơ cấu Ngân hàng, nâng cao sức cạnh tranh cho các NHTM.

Thứ tư: NHNN cần lượng hóa trình độ cán bộ lãnh đạo của các NHTM theo nguyên tắc: Ngân hàng nào để chỉ tiêu nợ xấu cao, lãnh đạo Ngân hàng đó phải chịu trách nhiệm như: rút ngắn thời gian tại chức, kéo dài thời hạn nâng lương, chuyển công tác, liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại...

Thứ năm: NHNN nên có chính sách phát triển các đơn vị xếp hạng tín dụng độc lập làm cơ sở tham chiếu chung trong công tác xếp hạng tín dụng. Kinh nghiệm của nhiều nước trong khu vực cho thấy, có thể cho phép thành lập các tổ chức định ức tín dụng không do nhà nước quản lý, hoạt động theo mô hình doanh nghiệp cổ phần, để hạn chế việc chi phối của tổ chức hay cá nhân, làm sai lệch kết quả xếp hạng. Hiện tại mới chỉ có Trung tâm thông tin tín dụng ngân hàng (CIC) thuộc NHNN là tổ chức công duy nhất đánh giá tín nhiệm doanh nghiệp thường niên. Mặc dù CIC là tổ chức thuộc NHNN, thực hiện chức năng cung cấp thông tin tín dụng cho các NHTM, TCTD khác và doanh nghiệp có thu phí. Tuy nhiên, thông tin mà CIC cung cấp thường chưa được cập nhật và mức độ chuẩn xác chưa cao, chủ yếu là các thông tin tài chính. Do đó, để hỗ trợ CIC phải có một cơ chế phân định trách nhiệm rõ ràng, cũng với chế tài xử phạt cả về mặt hành chính và tài chính để đảm bảo các tổ chức liên quan thực hiện đúng trách nhiệm của mình.

Hoạt động của thị trường tiền tệ cần được đẩy mạnh, phát triển thị trường chứng khoán và các tài sản có tính thanh khoản cao khác nhằm tạo ra sự linh hoạt ho toàn thị trường, từ đó giảm bớt khối lượng nợ xấu trong tương lai. Cải cách ngân

hàng cần được gắn với cải cách toàn diện nền kinh tế. Tái cấu trúc hệ thống NHTM cần được thực hiện song song với đổi mới cơ chế quản lý vĩ mô, cải cách bộ máy quản lý nhà nước và tái cấu trúc doanh nghiệp nhằm tạo ra hiệu ứng đổi mới đồng bộ cho toàn bộ nền kinh tế.

3.3.3. Kiến nghị đối với các Bộ ban ngành

*** Hoàn thiện công tác đăng ký giao dịch bảo đảm**

Chỉ đạo các Bộ ngành chuẩn hoá các văn bản pháp quy liên quan đến việc thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm như: phân công rõ ràng, chi tiết từng loại tài sản, trách nhiệm của các cơ quan tham gia thực hiện tiếp nhận đăng ký giao dịch bảo đảm cho các NHTM, tránh tình trạng phải thực hiện đăng ký nhiều lần tại các cơ quan khác nhau khi tài sản là bất động sản hình thành trong tương lai.

Thực hiện nghiêm cơ chế kiểm tra đối với các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm trong quá trình triển khai thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm, nhằm phòng tránh việc gây khó dễ cho người vay cũng như NHTM khi thực hiện công việc này. Khắc phục ngay tình trạng thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm chậm trễ, chưa có được hệ thống thông tin phản hồi kịp thời đối với các NHTM về tình trạng tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm (có nhiều tài sản sau khi thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm mất một vài tháng mới có thông tin phản hồi lại cho NHTM là tài sản chưa được đăng ký, yêu cầu bổ sung thủ tục, sửa đơn đăng ký,...) và tình trạng thiếu trách nhiệm của các Cán bộ, nhân viên của những cơ quan này khi được các NHTM hỏi thông tin về tình trạng tài sản được đăng ký.

Thêm vào đó, đảm bảo cho NHTM kiểm soát, xử lý nhanh chóng được kết quả đăng ký giao dịch bảo đảm nhằm đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của NHTM đối với bên thứ ba thông qua thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm. Thực hiện công khai hóa thông tin về tài sản bảo đảm được đăng ký tại các Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm cho đối tượng khai thác là các NHTM để ngân hàng có thể chủ động hơn trong việc nắm bắt, tiếp nhận tài sản thế chấp, hạn chế kịp thời nếu có dấu hiệu lừa đảo.

* Phát triển thị trường mua bán nợ

Kinh nghiệm của nhiều quốc gia cho thấy mua, bán nợ chính là một trong những biện pháp quan trọng để thoát khỏi khủng hoảng. Khi xử lý được nợ xấu sẽ ổn định tài chính trong nước và nâng cao sức cạnh tranh cho các định chế tài chính. Nhiều nhà quản lý cho rằng nếu không có thị trường mua - bán nợ thì Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản quốc gia sẽ trở thành độc quyền. Do đó, sẽ dẫn đến hàng loạt các vấn đề về tính minh bạch, về lợi ích nhóm, hiệu quả hoạt động, tiêu cực...

Việc phát triển thị trường mua - bán nợ là hướng đi tích cực vì nợ xấu cũng là một “hàng hoá”, đây là cách thức để tã o ra một hạ tầng trong xã hội để có điều kiện ứng phó với khủng hoảng nợ xấu trong tương lai. Để phát triển thị trường mua - bán nợ, có hai cấp độ thị trường, sơ cấp và thứ cấp: Sơ cấp là trực tiếp giao dịch giữa một bên là NHTM với các tổ chức xử lý nợ; t thứ cấp là mua - bán giữa các nhà đầu tư với nhau trên thị trường thứ cấp. Hai phạm trù khác nhau và cơ chế chính sách để thúc đẩy thị trường đó cũng khác nhau.

Việc xử lý nợ xấu ở Việt Nam nên kết hợp mô hình xử lý nợ xấu tập trung và phát triển thị trường mua - bán nợ để làm sao xã hội hoá nguồn cầu trong đầu tư nợ xấu của Việt Nam. Nhà nước cũng cần có cơ chế “cây gậy và củ cà rốt” để phát triển thị trường mua - bán nợ sơ cấp. Bởi nếu không có chế tài của NHNN để ép các TCTD phải có trách nhiệm hơn trong xử lý nợ xấu, họ vẫn để nợ xấu từ từ xử lý. NHNN có thể đưa ra qui định trong vòng bao nhiêu năm đó, nếu NHTM không giảm được tỷ lệ nợ xấu thì không được mở rộng hoạt động, yêu cầu trích lập dự phòng trên 100%. Thực tế có những quốc gia trên thế giới yêu cầu trích lập dự phòng 150% - 250%. Để thị trường mua - bán nợ hình thành tại tại Việt Nam, cần phát triển các công ty chuyên mua - bán nợ và tài sản tồn đọng của các thành phần kinh tế. Tiếp đó, phải có hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách vĩ mô tạo hành lang cho thị trường vận hành trôi chảy như những thị trường khác.

3.3.4. Kiến nghị với chính phủ

3.3.4.1. Hoàn thiện môi trường pháp lý cho hoạt động Ngân hàng

Đó là những hoạt động liên quan tới công bố thông tin tài chính doanh nghiệp có xác minh của kiểm toán, các vấn đề liên quan đến quyền sở hữu và chuyển nhượng bất động sản hay các thủ tục liên quan đến phá sản, phân chia tài sản trong các quan hệ dân sự như hôn nhân, thừa kế... Khuôn khổ pháp lý càng đồng bộ, rõ ràng thì quá trình giải quyết các vấn đề liên quan đến nợ xấu trở nên nhanh chóng và ngăn ngừa hiệu quả các tiêu cực làm nguy cơ nợ xấu phát sinh.

3.3.4.2. Hoàn thiện cơ chế pháp lý trong việc xử lý tài sản đảm bảo

Nhà nước can thiệp trực tiếp vào xử lý nợ xấu thông qua công ty mua, bán nợ nhưng việc xử lý của công ty này phải thực hiện theo nguyên tắc của thị trường. Theo đó, tài sản đảm bảo, giá trị còn lại của công ty... phải có cơ chế định giá phù hợp và xác định theo giá thị trường tại thời điểm xử lý; nợ xấu được mua lại với giá rẻ hơn giá trị sổ sách vì doanh nghiệp và ngân hàng tạo ra nợ xấu đều gánh một phần hậu quả do quản trị không hiệu quả. Ngoài ra, các công ty mua, bán nợ chỉ tập trung mua những khoản nợ không quan trọng, có tác động thúc đẩy kinh tế, tạo sức lan tỏa..

Do tính phức tạp của các khoản nợ xấu trong ngân hàng, trong bối cảnh áp lực xã hội rất lớn về vấn đề giải trình thì vấn đề đặt ra là thành lập công ty mua, bán trực thuộc NHNN hay Công ty mua, bán nợ quốc gia (AMC) phải đủ quyền lực, được hỗ trợ bởi các chuyên gia giỏi về lĩnh vực này, với những bước đi hợp lý, với sự phát triển của thị trường mua, bán nợ Việt Nam. Để VAMC hoạt động thực sự hiệu quả, cần chú trọng vào một số giải pháp sau:

- VAMC cần được giao quyền lực đủ mạnh. Quyền lực của VAMC cần được giao cụ thể với nguồn ngân sách nhất định, gắn với một thời hạn cụ thể để giúp xử lý các khoản nợ xấu đang ở mức cao. Tuy nhiên, cần làm rõ rằng VAMC là các công ty quản lý tài sản chứ không phải là kho lưu giữ nợ xấu của hệ thống tài chính.

- Phát triển khung pháp lý cho thị trường mua - bán và xử lý tài sản xấu. Để VAMC dễ dàng thu hồi các khoản nợ đã mua, cần xây dựng và phát triển khung

pháp lý sẵn sàng cho một thị trường mua - bán và xử lý tài sản xấu. Điều này giúp tránh trường hợp khi cần áp dụng một chính sách xử lý nợ nào đó thì lại gặp phải những cản trở về pháp lý trong thực thi.

- Xử lý nợ xấu phải đi đôi với tái cấu trúc doanh nghiệp, đặc biệt là DNNN. Do nợ xấu của ngân hàng và nợ xấu của doanh nghiệp là hai mặt của đồng tiền. Do vậy, VAMC ra đời để xử lý nợ xấu trong hệ thống ngân hàng, thì đồng thời cũng có thể giải quyết được vấn đề nợ xấu của các DNNN.

3.3.4.3. Tăng cường vai trò giám sát nội bộ và kiểm soát đối với doanh nghiệp

Chuẩn bị cho quá trình hội nhập tài chính khu vực và quốc tế không chỉ cần những thay đổi lớn, đồng bộ về các chính sách đầu tư, tài chính, mà các doanh nghiệp cũng cần phải tuân thủ chuẩn mực quốc tế trong lĩnh vực tài chính, kế toán. Điều này đồng nghĩa với việc tăng cường vai trò và hoạt động kiểm tra và giám sát nội bộ. Các công ty kiểm tra không chỉ dừng lại ở việc cung cấp đơn thuần đối với đối với kiểm toán mà cần tư vấn cho các doanh nghiệp về tài chính, kế toán và giải pháp quản lý. Phát triển hoạt động kiểm toán bắt buộc đối với doanh nghiệp, thực hiện công khai tài chính trên cơ sở báo cáo tài chính sẽ tạo điều kiện cho các Ngân hàng trong việc đưa ra quyết định cho vay hợp lý, an toàn, giúp hạn chế nợ xấu.

3.3.4.4. Nâng cao tính thực tiễn và khả năng đánh giá chính xác của hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ

Chính phủ cần nâng cao tính thực tiễn và khả năng đánh giá chính xác của hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, thực hiện xếp hạng theo định kỳ và duy trì một cách liên tục làm cơ sở trong xây dựng chính sách khách hàng về giới hạn tín dụng, áp dụng hình thức bảo đảm tiền vay thích hợp, các định hướng tín dụng với từng khách hàng.

Bên cạnh đó, Chính phủ cũng cần xây dựng cơ chế trao đổi thông tin hiệu quả, đảm bảo sự liên lạc thường xuyên, liên tục và cập nhật kịp thời các thông tin trọng yếu giữa các bộ phận chức năng trong hoạt động cấp tín dụng.

KẾT LUẬN

Quản lý nợ xấu trong hoạt động Ngân hàng nhằm làm tăng chất lượng các khoản vay, giảm chi phí hoạt động, tăng thu nhập, nâng cao năng lực tài chính của Ngân hàng trong điều kiện ngành Ngân hàng cũng như nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập ngày càng sâu với nền kinh tế thế giới. Trong bối cảnh cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu chưa có điểm dừng, quản lý nợ xấu lại càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết, và hiện đang trở thành vấn đề quan trọng, xuyên suốt trong cương lĩnh hoạt động của các Ngân hàng.

Qua nghiên cứu lý luận và thực tế quản trị nợ xấu tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội. Luận văn đã đạt được những kết quả chủ yếu sau:

Thứ nhất, luận văn đã hệ thống hoá và làm rõ hơn một số vấn đề lý luận về nợ xấu và quản lý nợ xấu của ngân hàng thương mại. Luận văn đã chỉ ra nội dung quản lý nợ xấu bao gồm: nhận diện, đo lường, phòng ngừa và xử lý nợ xấu. Đó là cơ sở lý luận cho việc đánh giá và phân tích thực trạng quản lý nợ xấu ở chương 2.

Thứ hai, luận văn đã đánh giá thực trạng nợ xấu, quản lý nợ xấu của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội trong giai đoạn 2013- 2015, trên cơ sở đó chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân. Việc đánh giá được xem xét dựa trên nghiên cứu thực trạng về nhận biết và phân loại nợ xấu của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội; đo lường nợ xấu của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội; thực trạng ngăn ngừa và xử lý nợ xấu của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội ...

Thứ ba, luận văn đã đề xuất được các giải pháp nhằm quản lý nợ xấu của Vietinbank chi nhánh TP. Hà Nội trong giai đoạn 2015 - 2020, bao gồm: Hoàn thiện việc nhận diện, đánh giá, phân loại nợ xấu; Hoàn thiện chiến lược và mô hình quản trị rủi ro tín dụng, tổ chức lại bộ máy quản trị rủi ro tín dụng; Nâng cao hiệu quả các biện pháp xử lý nợ xấu của ngân hàng; Nâng cao sức mạnh tài chính; Đổi mới công nghệ ngân hàng; Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; Chú trọng tăng trưởng tín dụng bền vững và các giải pháp điều kiện và hỗ trợ...

Mặc dù đã hết sức cố gắng trong việc nghiên cứu nhưng do thời gian và trình độ có hạn, đề tài chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả rất mong nhận được những góp ý của thầy cô giáo để luận văn hoàn thiện hơn.

Tác giả xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tuấn Anh (2012), Quản trị rủi ro tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Luận án tiến sỹ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
2. Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội các năm 2012, 2013, 2014 và năm 2015;
3. Nguyễn Thị Thu Cúc (2015), Quản lý nợ xấu tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Luận án tiến sỹ Kinh tế, Học viện Tài chính.
4. Đào Ngọc Chuyền, Phạm Thị Ngát (2010), "Một số khó khăn trong xử lý nợ xấu của ngân hàng thương mại", Tạp chí Ngân hàng, (18), tháng 9, tr.49-52.
5. Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 23/2/2016 về tăng cường bảo đảm an toàn và tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng, xử lý nợ xấu;
6. Lê Thị Huyền Diệu (2010), Luận cứ khoa học về xác định mô hình quản lý rủi ro tín dụng tại hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam, Luận án tiến sỹ, Hà Nội.
7. Trần Việt Hà (2011), Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong, Luận văn thạc sỹ Kinh tế, Học viện Tài chính.
8. Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 06 năm 2010.
9. Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/05/2013 của Chính phủ quy định về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam;
10. Nguyễn Thị Hoài Phương (2012), Quản lý nợ xấu tại Ngân hàng Thương mại Việt Nam, Luận án tiến sỹ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
11. Nguyễn Hữu Thủy (1996), Những giải pháp chủ yếu hạn chế rủi ro tín dụng ngân hàng thương mại giai đoạn hiện nay, Luận án tiến sỹ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
12. Nguyễn Văn Tiến (2012), Giáo trình Quản trị ngân hàng thương mại, Nxb Thống kê.
13. Nguyễn Đức Tú (2012), Quản lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Luận án tiến sỹ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

14. Trung tâm thông tin tín dụng - NHNN Việt Nam, Xây dựng hệ thống cảnh báo rủi ro đối với các khoản nợ.

15. Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

16. Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18/03/2014 về việc sửa đổi bổ sung 01 số điều Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

17. Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/09/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam;

18. Quốc hội nước CHXH chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Bộ Luật Dân sự*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội;

19. Quyết định số 149/2001/QĐ-TTG ngày 05/10/2001 của Thủ tướng Chính Phủ về xử lý nợ tồn đọng;

20. Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/04/2007 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng ban hành theo quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (2005);

21. Quyết định số 59/2006/QĐ-NHNN ngày 21/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước ban hành về quy chế mua bán nợ của các Tổ chức tín dụng;

22. Quyết định số 506/2014/QĐ-HĐQT-NHCT35 ngày 27/05/2014 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (NHCTVN) v/v Ban hành Quy định về phân loại tài sản có, mức trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;

23. Quyết định số 2201/2012/QĐ-HĐQT-NHCT35 ngày 29/12/2012 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về việc ban hành Quy định sửa đổi Quy định thực hiện bảo đảm cấp tín dụng;

24. Quyết định số 2442/2015/QĐ-HĐQT-NHCT37/1 ngày 30/9/2015 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về việc ban hành quy trình xử lý nợ có vấn đề; Quyết định số 414/QĐ-HĐQT-NHCT37 ngày 30/05/2011 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam quy định về hoạt động bán nợ;

25. Quyết định số 2184/2012/QĐ-HĐQT-NHCT37/1 ngày 29/12/2012 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ban hành quy định về việc giảm miễn lãi vay trong hệ thống Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;